

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH



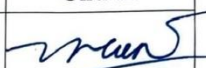
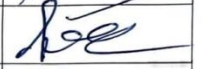
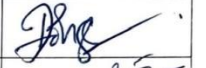
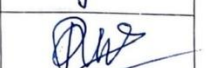
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng)

Nam Định, năm 2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo quyết định số: 57/QĐ-CDSP ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Trần Ngọc Hiền	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Trần Xuân Kiều	Giám đốc trung tâm Khảo thí, Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên thường trực	
3	Trịnh Thị Quỳnh	Chủ tịch Hội đồng trường, Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên	
4	Phạm Văn Chinh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên	
5	Lê Xuân Đông	Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên	
6	Lê Thị Thanh Hà	Trưởng khoa Giáo dục Mầm non	Ủy viên	
7	Bùi Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	Ủy viên	
8	Hoàng Giang	Trưởng khoa Ngoại ngữ - Tin học	Ủy viên	
9	Nguyễn Quốc Thư	Kế toán trưởng	Ủy viên	
10	Nguyễn Thị Hoài Thu	P. Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên	
11	Triệu Quỳnh Trang	P. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên	
12	Nguyễn Đức Thắng	P. Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên	
13	Trần Thị Vân	Cán bộ Trung tâm Khảo thí, Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên	
14	Nguyễn Văn Long	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
15	Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch Hội sinh viên, phụ trách Đoàn trường	Ủy viên	
16	Phạm Thanh Thủy	Giảng viên khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên	
17	Nguyễn Thị Yến	Sinh viên lớp CDMN - TA K45	Ủy viên	

(Danh sách có 17 người)

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN CHUNG	8
1. Bối cảnh chung của nhà trường	8
2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá	10
PHẦN 3. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	17
Tiêu chuẩn 1	17
<i>Tiêu chí 1.1</i>	17
<i>Tiêu chí 1.2</i>	19
Tiêu chuẩn 2	23
<i>Tiêu chí 2.1</i>	23
<i>Tiêu chí 2.2</i>	26
<i>Tiêu chí 2.3</i>	28
<i>Tiêu chí 2.4</i>	30
<i>Tiêu chí 2.5</i>	31
<i>Tiêu chí 2.6</i>	33
<i>Tiêu chí 2.7</i>	34
<i>Tiêu chí 2.8</i>	36
<i>Tiêu chí 2.9</i>	40
Tiêu chuẩn 3	42
<i>Tiêu chí 3.1</i>	43
<i>Tiêu chí 3.2</i>	46
<i>Tiêu chí 3.3</i>	51
<i>Tiêu chí 3.4</i>	53
<i>Tiêu chí 3.5</i>	56
<i>Tiêu chí 3.6</i>	58
Tiêu chuẩn 4	62
<i>Tiêu chí 4.1</i>	63
<i>Tiêu chí 4.2</i>	71
<i>Tiêu chí 4.3</i>	73
<i>Tiêu chí 4.4</i>	84
<i>Tiêu chí 4.5</i>	89

<i>Tiêu chí 4.6</i>	92
<i>Tiêu chí 4.7</i>	95
<i>Tiêu chí 4.8</i>	98
<i>Tiêu chí 4.9</i>	103
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	110
<i>Tiêu chí 5.1</i>	110
<i>Tiêu chí 5.2</i>	113
<i>Tiêu chí 5.3</i>	116
<i>Tiêu chí 5.4</i>	118
<i>Tiêu chí 5.5</i>	120
<i>Tiêu chí 5.6</i>	121
<i>Tiêu chí 5.7</i>	123
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	126
<i>Tiêu chí 6.1</i>	126
<i>Tiêu chí 6.2</i>	129
<i>Tiêu chí 6.3</i>	133
<i>Tiêu chí 6.4</i>	139
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	144
<i>Tiêu chí 7.1</i>	144
<i>Tiêu chí 7.2</i>	149
<i>Tiêu chí 7.3</i>	151
<i>Tiêu chí 7.4</i>	154
<i>Tiêu chí 7.5</i>	157
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	14460
<i>Tiêu chí 8.1</i>	160
<i>Tiêu chí 8.2</i>	162
<i>Tiêu chí 8.3</i>	165
<i>Tiêu chí 8.4</i>	167
<i>Tiêu chí 8.5</i>	169
<i>Tiêu chí 8.6</i>	171
<i>Tiêu chí 8.7</i>	173
<i>Tiêu chí 8.8</i>	174

Tiêu chuẩn 9.....	178
<i>Tiêu chí 9.1</i>	178
<i>Tiêu chí 9.2</i>	180
<i>Tiêu chí 9.3</i>	183
Tiêu chuẩn 10.....	186
<i>Tiêu chí 10.1</i>	186
<i>Tiêu chí 10.2</i>	188
PHẦN 4. KẾT LUẬN	191
PHẦN 5. PHỤ LỤC	192
Phụ lục 1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	192
Phụ lục 2: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục.....	196
Phụ lục 3. Danh mục các ngành, chương trình đào tạo	2196
Phụ lục 4. Danh mục mã học phần theo từng ngành, chương trình đào tạo	220
Phụ lục 5. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá	244
Phụ lục 6. Danh sách thành viên ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách, phân công nhiệm vụ các nhóm	249
Phụ lục 7. Kế hoạch tự đánh giá	253

DANH MỤC VIẾT TẮT

CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lí
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCCT	Đề cương chi tiết
GD&ĐT	Giáo dục đào tạo
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QCCTNB	Quy chế chi tiêu nội bộ
SP	Sư phạm
TNCS HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với mỗi cơ sở giáo dục, chất lượng đào tạo là yếu tố then chốt, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của cơ sở. Để đảm bảo chất lượng luôn ổn định và ngày càng tốt hơn, cần có sự nhìn nhận, tự đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan của tất cả các đơn vị trong cơ sở giáo dục; qua đó rà soát, phân tích để có cái nhìn tổng thể về quá trình phát triển cũng như điểm mạnh, hạn chế và tồn tại của đơn vị mình, từ đó đề ra kế hoạch hành động nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tự đánh giá, trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Nam Định đã triển khai tự đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Cục Quản lý chất lượng. Nhà trường đã huy động sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhà trường, nghiêm túc thực hiện công tác tự đánh giá để đảm bảo và giữ vững mục tiêu, chất lượng đào tạo của đơn vị, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá đợt 1 chu kỳ trước năm 2009, nộp báo cáo Tự đánh giá về Cục khảo thí và KĐCLGD vào tháng 3 năm 2009; đợt 2 chu kỳ 2009 - 2012, nộp báo cáo Tự đánh giá vào tháng 3 năm 2013. Năm 2017, do có sự thay đổi về văn bản hướng dẫn liên quan đến mốc thời gian tự đánh giá, đến chu kỳ 5 năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá, đồng thời thực hiện yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục tại các trường đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT, trường CĐSP Nam Định thực hiện tự đánh giá lần thứ ba và đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Sau quá trình làm việc nghiêm túc, hiệu quả và hai lần khảo sát sơ bộ, khảo sát chính thức của Đoàn đánh giá ngoài; nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 với tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 80%. Trường CĐSP Nam Định vinh dự trở thành trường cao đẳng địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục.

Trên cơ sở tiếp tục phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại để tiếp tục giữ vững và khẳng định chất lượng, năm 2023, sau khi hết chu kì kiểm định,

nhà trường tiếp tục nghiêm túc thực hiện tự đánh giá chu kì 2018 - 2023. Căn cứ vào kết quả đánh giá và nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội; nhà trường đã rà soát, tích cực thực hiện kế hoạch đề ra trong chu kì trước, khắc phục những mặt hạn chế và tiếp tục phát huy điểm mạnh, đảm bảo chất lượng giáo dục của đơn vị. Do một số vướng mắc trong quá trình thực hiện đăng kí kiểm định chất lượng, nhà trường đã tiếp tục tiến hành tự đánh giá giai đoạn 2019-2024, phục vụ cho việc đăng kí kiểm định chất lượng chu kì 2 nhằm tiếp tục khẳng định chất lượng và vị thế của đơn vị mình trong số các trường cao đẳng địa phương của cả nước.

PHẦN 2. TỔNG QUAN CHUNG

1. Bối cảnh chung của nhà trường

Trường CDSP Nam Định tiền thân là Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh, được thành lập ngày 30 tháng 6 năm 1960 tại Nam Định theo Quyết định số 267/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Từ năm 1960 đến 1978, nhà trường đào tạo giáo viên cấp I, cấp II hệ trung cấp cho tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận. Nhà trường bắt đầu đào tạo bậc CDSP từ năm 1978 theo Quyết định số 164/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1978 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1997, sau khi tách tỉnh, trường bắt đầu mang tên trường CDSP Nam Định. Cho đến nay, trải qua hơn sáu mươi năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS) có trình độ CDSP, bồi dưỡng cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục cho tỉnh Nam Định, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương. Hiện nay, nhà trường tập trung đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non và mở rộng phạm vi tuyển dụng trên địa bàn cả nước.

Trải qua nhiều giai đoạn thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình đào tạo, từ năm 1997, trường được mang tên trường CDSP Nam Định. Nhà trường đã xác định sứ mạng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định; có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non; đồng thời liên kết đào tạo trình độ đại học cho giáo viên và CBQL các cấp; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực giáo dục có chất lượng cao của tỉnh Nam Định, tiến tới xây dựng trường trở thành trường trọng điểm của tỉnh và vùng Nam đồng bằng sông Hồng về đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non chất lượng cao.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bảo đảm liên thông giữa các trình độ và các chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được bổ sung chỉnh sửa theo định kỳ phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Sau khi có kết quả kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo chu kỳ 1, trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và căn cứ

vào tình hình thực tế, Nhà trường tập trung rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non vào các năm 2020, 2021. Năm 2022, trên cơ sở chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non đã chỉnh sửa, Trường phát triển thêm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục Mầm non. Nhà trường hiện đang tổ chức đào tạo 09 ngành, 10 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 01 ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN); góp phần đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành giáo dục nước nhà.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của trường gồm: 3 phòng, 3 khoa, 01 trung tâm trực thuộc; các tổ chức đoàn thể gồm: Đảng bộ trường, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM), Công đoàn, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Đội ngũ cán bộ giảng viên (CBGV) cơ hữu của trường gồm 77 người, với độ tuổi trung bình 42 tuổi. Đây là độ tuổi vừa mang nhiệt huyết của tuổi trẻ vừa có sự chín chắn, kinh nghiệm. Toàn thể CBGV luôn đoàn kết, nỗ lực vì sự phát triển của nhà trường nói riêng và sự nghiệp giáo dục tỉnh Nam Định nói chung. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để nhà trường có những bước đi mang tính đột phá.

Trường CĐSP Nam Định có vị trí thuận lợi: cổng chính phía Nam giáp mặt đường Trường Chinh, phía Tây giáp đường Phù Nghĩa (đây là hai con đường rộng rãi và đẹp của TP Nam Định) được xây dựng trên khu đất 28.004,5m² với: 02 giảng đường học tập là A₄, A₅ và 01 giảng đường bộ môn gồm có tất cả 31 phòng học chung với tổng diện tích 2360m²; 02 phòng thí nghiệm diện tích 121m²; 05 phòng nghiệp vụ diện tích 420m² và một số các phòng thực hành chuyên ngành khác như: phòng thực hành Âm nhạc, Mầm non, phòng Thể dục; 01 giảng đường chính 190 chỗ ngồi diện tích 420m²; 01 nhà đa năng diện tích 951m²; 01 khu thư viện trên tầng 3 nhà A với 5 phòng tổng diện tích là 547m², 02 phòng thực hành Vật lý - Kỹ thuật diện tích là 126m²; 05 phòng học máy tính diện tích 300m²; 02 phòng thực hành mỹ thuật diện tích 220m², 01 sân bóng đá, 01 sân học thể chất, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng rổ, 02 sân cầu lông

Các hoạt động nghiên cứu khoa học được nhà trường và các cán bộ, giảng viên quan tâm, chú trọng. Từ năm 2019 đến năm 2024, nhà trường đã tổ chức thành công 01 hội thảo cấp khoa, 03 hội thảo cấp trường; có 06 bài báo quốc tế, 168 bài đăng tạp chí trong nước, 76 bài hội thảo quốc gia, quốc tế và liên trường; 28 đề tài NCKH các cấp; 22 sáng kiến kinh nghiệm, 36 tài liệu giảng dạy; 80 tài liệu bồi dưỡng; tác giả, đồng tác giả 22 đầu sách. Các hoạt động NCKH ngày càng mang lại hiệu quả thiết thực, phục vụ việc giảng dạy tại trường.

Nhà trường có nguồn tài chính ổn định, đáp ứng được yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Hàng năm, nhà trường đều định kỳ rà soát quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp các văn bản pháp quy của nhà nước và với tình hình thực tế nhằm bảo đảm quyền lợi của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tài chính được giám sát một cách chặt chẽ bởi nhiều bên liên quan nhằm sử dụng tối ưu nguồn tài chính của nhà trường.

2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá, trường CĐSP Nam Định đã triển khai hoạt động này từ rất sớm (năm 2008). Năm 2023, sau chu kì đánh giá ngoài đầu tiên, nhà trường đã căn cứ vào nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội và tình hình thực tế của nhà trường để tiến hành rà soát, nhìn nhận lại tất cả các hoạt động trong trường; từ đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại và lập kế hoạch hành động để khắc phục, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường CĐSP Nam Định đã xác định được sứ mạng của nhà trường, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường. Các mục tiêu giáo dục đã được cụ thể hóa và hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra, hàng năm đều có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường. Các kế hoạch, chiến lược phát triển của nhà trường đều nhằm phát huy tiềm năng của đội ngũ CBGV trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng

thời góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong khu vực cũng như trên toàn quốc. Tuy nhiên, hiện còn một số tồn tại như việc lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, người học về sứ mạng của nhà trường chưa được triển khai thường xuyên và rộng rãi nên việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng của nhà trường chưa được kịp thời. Trong thời gian tới, trường CĐSP Nam Định tiếp tục lấy ý kiến của các cơ quan, ban ngành, người học về sứ mạng của nhà trường để có thêm cơ sở dữ liệu trong việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng của nhà trường, đảm bảo tính hợp lý, tính cập nhật và phù hợp với tình hình thực tế; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền mục tiêu giáo dục của nhà trường để đạt hiệu quả cao hơn. (Tiêu chuẩn 1)

Cơ cấu bộ máy, tổ chức và quản lý của trường CĐSP Nam Định tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với quy định chung của nhà nước và điều kiện cụ thể của nhà trường. Đảng bộ nhà trường lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể, liên tục là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản về công tác cán bộ, xây dựng đề án vị trí việc làm, quy chế tổ chức hoạt động của trường. Các phòng, khoa, tổ bộ môn được bố trí phù hợp, hoạt động đảm bảo các yêu cầu. Để nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, nhà trường tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý và đề cao ý thức trách nhiệm và tính hiệu quả trong công việc của mỗi cán bộ, viên chức. Nhà trường có đầy đủ các tổ chức, đơn vị phục vụ các hoạt động dạy và học như các phòng ban chuyên trách, khoa tổ chuyên môn, tổ chức đoàn thể... hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, còn điểm tồn tại lớn nhất mà nhà trường chưa khắc phục được, đó là vẫn chưa bổ sung được Phó Hiệu trưởng theo yêu cầu để hoàn thiện Ban giám hiệu. Ngoài ra, nhà trường vẫn chưa xây dựng được cơ sở thực hành. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục bổ sung, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nguồn nhằm kiện toàn hoạt động của bộ máy tổ chức hiện hành cho đồng bộ, phù hợp với thực tế và đảm bảo tính kế thừa và tiếp tục đề nghị tiến hành quy trình bổ sung Phó hiệu trưởng theo quy định. (Tiêu chuẩn 2)

Chương trình đào tạo của Trường CĐSP Nam Định được chỉnh sửa theo

khung trình độ Quốc gia Việt Nam và theo các văn bản quy định hiện hành; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Sau khi có kết quả kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo chu kỳ 1, trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường tập trung rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non vào các năm 2020, 2021. Năm 2022, trên cơ sở chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non đã chỉnh sửa, Trường phát triển thêm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục Mầm non. Trong giai đoạn 2019-2024, Nhà trường tổ chức đào tạo 08 ngành, 10 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như việc tham khảo các chương trình quốc tế còn thiếu, chưa đối chiếu được nhiều chương trình cùng trình độ hoặc trình độ cao hơn để tăng tính liên thông. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và bổ sung các học phần tự chọn, góp phần tăng tính linh hoạt của chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của xã hội (Tiêu chuẩn 3)

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định là đơn vị có uy tín, giàu truyền thống và thành tích trong đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên mầm non nói riêng. Phạm vi tuyển sinh đến nay đã mở rộng trên cả nước. Hoạt động đào tạo luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, do vậy, Nhà trường đã tập trung chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả việc nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo từ công tác tuyển sinh đến công tác tổ chức, quản lý đào tạo, tổ chức thi và kiểm tra đánh giá, công nhận tốt nghiệp; bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, công bằng, khách quan và không ngừng đổi mới để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, tuy chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 và thay đổi của Luật giáo dục, nhưng hoạt động đào tạo của Nhà trường đã có những thay đổi để thích ứng và đạt được những bước tiến mới. Tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia đánh giá ngoài giai đoạn 1, các hoạt động đào tạo được cải tiến, triển khai cụ thể, sáng tạo, khoa học, bảo đảm tính chính xác,

khách quan, công bằng và công khai theo quy định. Tuy nhiên, về công tác đào tạo, hiện nhà trường vẫn còn một số tồn tại cơ bản như việc tra cứu, tìm kiếm kết quả học tập đối với các khóa và hệ đào tạo này đó chưa được nhanh chóng, thuận lợi; cơ sở dữ liệu người học chưa kết nối với tài chính và thư viện trên phần mềm, đặc biệt tiêu chí 4.9 chưa đạt... Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ phát huy thế mạnh hiện có, khắc phục hạn chế còn tồn tại, tiếp tục chú trọng bồi dưỡng giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học; tiếp tục điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tiếp tục đổi mới công tác khảo sát các bên liên quan để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường (Tiêu chuẩn 4)

Nhà trường hiện có đội ngũ CBGV, viên chức được đào tạo đúng chuyên ngành, có năng lực chuyên môn vững, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên ngày càng được trẻ hóa, đầy nhiệt huyết và hoài bão, thường xuyên tự trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ. Tuy nhiên, hiện còn một số tồn tại như chế độ tài chính của nhà trường với việc bồi dưỡng cho cán bộ giảng viên chưa cao, một số cán bộ còn chưa có tinh thần tự giác cao trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục có các chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ CBGV, nhân viên trong trường để tiếp tục đảm bảo xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, phát triển nhà trường. Tích cực triển khai việc đánh giá người dạy, lấy ý kiến phản hồi của người học để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. (Tiêu chuẩn 5)

Trường CDSP Nam Định rất quan tâm đến các vấn đề liên quan đến người học để đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường. Nhà trường có đầy đủ các văn bản hướng dẫn người học về chương trình giáo dục, việc kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT. Thực hiện đào tạo theo quy chế tín chỉ, nhà trường đã bắt kịp xu thế chung trong đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc thích ứng với xu thế chung. Nhà trường đảm bảo các chế độ chính sách xã hội cho người học, từ việc chăm

sức khỏe định kì đến việc đảm bảo an ninh trật tự để tạo môi trường lành mạnh cho người học. Bên cạnh đó, nhà trường cũng quan tâm và tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn, hội để thu hút người học tham gia, tạo môi trường văn hóa lành mạnh để người học được phát triển toàn diện. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như các hình thức tuyên truyền phổ biến cho sinh viên chưa đa dạng; các hoạt động phong trào còn chưa nhiều do quy mô sinh viên ít... Trong thời gian tới, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch chi tiết hơn nữa và tổ chức tốt cho mọi hoạt động trong công tác SV hàng năm như công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, các hoạt động VHVN - TDTT... Tăng cường trang thiết bị, CSVC cho các hoạt động chung của nhà trường để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người học. (Tiêu chuẩn 6)

Hoạt động KHCN của trường CĐSP Nam Định luôn tuân thủ những quy định về hoạt động KHCN của Bộ GD&ĐT. Trong 5 năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và nguồn kinh phí, tuy nhiên hoạt động KHCN của Trường đã đạt được những thành tích đáng khích lệ: nhiệm vụ KHCN được thực hiện đa dạng; các đề tài, sáng kiến ngày càng sát với thực tiễn đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục trong nước và quốc tế, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Nhà trường luôn tạo động lực để cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến qua nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu, giáo trình có ý nghĩa thực tiễn cao, phục vụ tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển công nghệ của Trường. Tuy nhiên, hoạt động khoa học vẫn còn một số hạn chế nhất định như kinh phí chi cho hoạt động này còn hạn hẹp, số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều, nhà trường chưa triển khai biên soạn và xuất bản giáo trình... Trong thời gian tới, nhà trường sẽ có chiến lược cụ thể, có các chế độ cho giảng viên tham gia viết bài, dự hội thảo... để thúc đẩy hoạt động khoa học. (Tiêu chuẩn 7)

Nhà trường thực hiện đầu tư, xây dựng, sửa chữa mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tốt nhất công tác dạy và học. Trong 5 năm vừa qua, do có sự biến động về số lượng sinh viên nên nhà trường đã cải tạo, thay đổi một số

phòng học và phòng làm việc. CSVN, trang thiết bị phục vụ đào tạo của nhà trường đã được đầu tư thỏa đáng, các phòng học được thay bàn ghế mới, nhiều phòng học được trang bị máy chiếu. Ký túc xá được sửa chữa, cơ bản đáp ứng đời sống sinh hoạt của SV nội trú. Tuy nhiên, vẫn còn các hạn chế như cơ sở hạ tầng đã xuống cấp, thư viện chưa có quá nhiều các đầu sách tham khảo, kinh phí chi cho sửa chữa chưa nhiều... Trong thời gian tới nhà trường sẽ có kế hoạch sửa chữa, tận dụng điều kiện thực tế, sử dụng hợp lý và từng bước khắc phục những điểm còn tồn tại để tiếp tục thực hiện tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị... nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên học viên học tập và làm việc tại trường. (Tiêu chuẩn 8)

Công tác tài chính của trường CĐSP Nam Định thực hiện đúng theo các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước. Nhà trường thực hiện công khai tài chính dưới nhiều hình thức. Các nguồn lực tài chính của nhà trường tương đối ổn định và đã phần nào đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và tăng cường CSVN. Do tình hình chung nên việc tuyển sinh ngày càng khó khăn làm ảnh hưởng đến nguồn thu của trường. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển sinh, đảm bảo nguồn thu từ ngân sách và các nguồn thu khác để phục vụ cho các hoạt động trong nhà trường. Tuy nhiên, còn một số hạn chế là định mức chi dành cho một số hoạt động chưa cao, một số nội dung chi chưa có quy định, hướng dẫn của đơn vị cấp trên. Nhà trường phải vận dụng các văn bản có nội dung tương tự để xây dựng định mức chi phù hợp với tình hình đơn vị. Trong thời gian tới, nhà trường đẩy mạnh công tác tuyển sinh, mở rộng nhiều hình thức bồi dưỡng, đào tạo theo chức năng nhiệm vụ, giữ ổn định số lượng sinh viên chính quy, góp phần duy trì ổn định nguồn thu nhập. (Tiêu chuẩn 9)

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT; các cơ quan, đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc thực hiện các hoạt động văn hóa - xã hội. Nhiều hoạt động của nhà trường đạt kết quả cao như Ngày hội đoàn viên, Giải thể thao của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; tham gia văn nghệ, nấu ăn, cắm hoa do Đoàn thanh niên Cụm các trường Đại

học, Cao đẳng tổ chức. Các hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng như hiến máu, gói bánh chưng, ủng hộ học sinh, đồng bào vùng khó khăn, tiếp sức mùa thi... cũng được các cơ quan, đoàn thể đánh giá cao. Tuy nhiên, có một số điểm hạn chế là mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở thông tin truyền thông đôi khi chưa thật sự thường xuyên và liên tục, các hoạt động chưa đa dạng. Bên cạnh đó, nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với các cơ quan, đoàn thể trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh mối quan hệ với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về các hoạt động của nhà trường. (Tiêu chuẩn 10)

Báo cáo Tự đánh giá của trường CĐSP Nam Định được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng bao gồm 10 tiêu chuẩn 55 tiêu chí theo Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng, Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Thông tư số 37/2012/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012. Các tiêu chuẩn tự đánh giá được trình bày chi tiết ở phần 3 của báo cáo gồm các mục: mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động và tự đánh giá theo từng tiêu chí cụ thể.

PHẦN 3. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Mở đầu

Trường CĐSP Nam Định là đơn vị sự nghiệp đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Sứ mạng của nhà trường đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực. Các kế hoạch, chiến lược phát triển của nhà trường đều nhằm phát huy tiềm năng của đội ngũ CBGV trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong khu vực cũng như trên toàn quốc.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định, được công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành

1. Mô tả

Trải qua nhiều giai đoạn thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình đào tạo, từ năm 1997 trường được mang tên trường CĐSP Nam Định với nhiệm vụ đào tạo giáo viên các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho tỉnh Hà Nam Ninh trước đây, tỉnh Nam Định hiện nay. Tuy nhiên, từ năm 2020, khi Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực, Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non [H1.1.1.1]; đồng thời liên kết đào tạo trình độ đại học cho giáo viên và CBQL các cấp; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực giáo dục có chất lượng cao của tỉnh Nam Định, tiến tới xây dựng trường trở thành trường trọng điểm của tỉnh và vùng Nam đồng bằng sông Hồng về đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non chất lượng cao. Các

nội dung liên quan đến sứ mạng nhà trường được nêu rõ trong các nghị quyết của Đảng bộ, quy chế tổ chức hoạt động và phương hướng công tác hàng năm của nhà trường [H1.1.1.2], [H1.1.1.3], [H1.1.1.4].

Sứ mạng của nhà trường đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu cùng với tập thể sư phạm nhà trường xác định một cách rõ ràng, công bố công khai trên website chính thức của trường (địa chỉ <http://cdspnd.edu.vn>), phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBGV, nhân viên, HSSV trong trường; đồng thời được thể hiện trong Sổ tay HSSV, các ấn phẩm, báo cáo, thông tin quảng bá của nhà trường để các cơ quan, đoàn thể và người dân trong tỉnh được biết [H1.1.1.3], [H6.6.1.1] .

Cùng với sự phát triển chung của tỉnh Nam Định, sứ mạng của nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực đã và hiện có, phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Hàng năm, nhà trường được UBND tỉnh Nam Định, Sở GD&ĐT tỉnh phê duyệt chỉ tiêu về tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo, phân bổ các nguồn kinh phí... trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế, xã hội của tỉnh, phân tích và đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành [H9.9.1.3].

Những nhiệm vụ trọng tâm mà trường CDSP Nam Định đặt ra là đổi mới giáo dục, phát triển đội ngũ CBGV, bổ sung CSVC cho nhà trường nhằm giữ vững chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín và vị thế của trường trong địa phương và trong khối các trường CDSP.

Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm này, trong mỗi năm học và trong giai đoạn vừa qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ nhân lực, tài lực và vật lực phù hợp với điều kiện thực tế. Trường có đội ngũ CBQL, CBGV, nhân viên đạt chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng sư phạm.

Cán bộ, giảng viên giảng dạy có trình độ thạc sĩ đạt 85,2%, trình độ tiến sĩ đạt 4,5%. Trung bình tỉ lệ HSSV trong 5 năm gần đây của nhà trường là 15 HSSV/giảng viên, đảm bảo đúng quy định [H5.5.1.1].

Trên cơ sở xác định sứ mạng của mình, trong những năm qua, nhà trường đã cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ thành những hoạt động cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của trường CĐSP Nam Định đã được xác định rõ ràng, cụ thể hóa thành văn bản; có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; được công bố công khai, rộng rãi tới toàn thể CBGV, nhân viên, HSSV trong trường và các cơ quan, đoàn thể, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Nhà trường cũng đã xác định các mục tiêu giáo dục phù hợp với yêu cầu đổi mới GD&ĐT của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, người học về sứ mạng của nhà trường chưa được triển khai thường xuyên và rộng rãi nên việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng của nhà trường chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, trường CĐSP Nam Định tiếp tục lấy ý kiến của các cơ quan, ban ngành, người học về sứ mạng của nhà trường để có thêm cơ sở dữ liệu trong việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng của nhà trường, đảm bảo tính hợp lý, tính cập nhật và phù hợp với tình hình thực tế. Nhà trường tiếp tục giao cho các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, Công đoàn, Đoàn thanh niên - Hội sinh viên tuyên truyền, phổ biến về sứ mạng của nhà trường thông qua việc giảng dạy các học phần, việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa... Từ đó, CBGV, nhân viên, SV trong toàn trường đều hiểu rõ sứ mạng của nhà trường, định hướng phát triển nhà trường trong tương lai, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện sứ mạng nhà trường qua từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện

1. Mô tả

Mục tiêu của trường CDSP Nam Định được xác định trong giai đoạn vừa qua là xây dựng đội ngũ CBGV có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy và NCKH để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ có phẩm chất và năng lực cho các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng được quy định tại Điều 36 Luật Giáo dục 2019 và phù hợp với sứ mạng nhà trường đã được công bố trên website chính thức của nhà trường (địa chỉ <http://cdspnd.edu.vn>).

Mục tiêu của nhà trường được cụ thể hóa bằng nhiệm vụ năm học, kế hoạch năm học của các khoa chuyên môn, phòng chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường trên tất cả các lĩnh vực như công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, công tác giảng dạy, công tác NCKH, công tác khảo thí và KĐCLGD, công tác tài chính... và được triển khai trong các Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động, trong các cuộc họp giao ban tháng, giao ban quý [H1.1.2.1]. Mục tiêu này cũng được công khai rộng rãi tới toàn thể CBGV, nhân viên, HSSV trong trường thông qua Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động, Hội nghị công tác giáo viên chủ nhiệm, Tuần sinh hoạt công dân HSSV, Hội nghị đối thoại HSSV...[H1.1.2.2].

Vào cuối mỗi năm học, trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tồn tại, nhà trường đã có những phân tích, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung mục tiêu giáo dục cho những năm học tiếp theo [H2.2.3.2].

Mục tiêu giáo dục của nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo từng giai đoạn, từng năm học cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường và của tỉnh, đồng thời phù hợp với nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết 29 [H1.1.2.3]. Những năm gần đây, nhà trường đã có sự rà soát, bổ sung để thích ứng với những thay đổi trong đào tạo. Bên cạnh việc tiến hành chuyển đổi đào tạo theo hình thức tín chỉ trước đó, nhà trường đã triển khai đồng bộ các biện pháp đổi mới đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, mở thêm lĩnh vực đào tạo song ngành phù hợp với nhu cầu

của thị trường lao động như Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh [H3.3.1.9].

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cử giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, có kế hoạch tu sửa, mua sắm, bổ sung CSVC phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên; xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, chuẩn mực. Nhà trường cũng chủ trương đảm bảo và nâng cao yêu cầu đối với sinh viên tốt nghiệp. Theo đó, những sinh viên tốt nghiệp ra trường đảm bảo phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, có nghiệp vụ sư phạm khá và tốt, có thể nhanh chóng thích ứng với việc dạy ở bậc học được đào tạo sau khi được tuyển dụng cũng như có đầy đủ nền tảng kiến thức để tiếp tục học lên cao hơn; đồng thời, đó cũng phải là những người có đạo đức tốt, yêu nghề, mến trẻ, chăm chỉ và có tinh thần cầu thị.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của trường CĐSP Nam Định được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của từng năm học, được triển khai thực hiện, phù hợp với sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường. Mục tiêu này cũng đã được công bố công khai, chính thức và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh qua từng năm học.

3. Tồn tại

Mục tiêu tuyên truyền cho việc xây dựng trường CĐSP Nam Định thành trường trọng điểm đào tạo cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non của tỉnh và khu vực Nam đồng bằng sông Hồng chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền mục tiêu giáo dục của nhà trường để đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 1

Trường CĐSP Nam Định đã xác định được sứ mạng của nhà trường, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của

nhà trường. Các mục tiêu giáo dục đã được cụ thể hóa và hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra, hàng năm đều có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường. Trong quá trình xây dựng và phát triển, định hướng trường thành trường trọng điểm đào tạo cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non của tỉnh và khu vực Nam đồng bằng sông Hồng còn gặp nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền về sứ mạng của nhà trường cũng như lấy ý kiến đóng góp từ các đơn vị tuyển dụng, các sở ban ngành chưa thực sự rộng khắp và thường xuyên.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Tiêu chuẩn 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý là tiền đề cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Xác định rõ tầm quan trọng của việc này, nhiều năm qua, nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác tổ chức và quản lý. Cơ cấu tổ chức của trường được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ trường cao đẳng sư phạm, phù hợp với các nguồn lực và CSVC hiện có. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường; tiêu chuẩn, nhiệm vụ của CBGV, nhân viên, HSSV đều được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Đội ngũ CBQL đảm bảo về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác. Các tổ chức Đảng và đoàn thể ngày một vững mạnh và thực sự là chỗ dựa vững chắc của nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và đào tạo về chuyên môn cho SV. Công tác đảm bảo chất lượng được quan tâm thường xuyên, nhà trường xác định đảm bảo chất lượng là tiền đề cho việc nâng cao chất lượng trên tất cả các mặt hoạt động. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên và văn bản do nhà trường xây dựng đều được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị, cán bộ, viên chức và SV. Hệ thống các văn bản này là căn cứ để các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, sáng tạo trên cơ sở xây dựng kế hoạch và xác định các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hoá trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của nhà trường được thực hiện theo quy định Điều lệ trường cao đẳng sư phạm [H2.2.1.1] do Bộ GD&ĐT ban hành và được thể chế hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐSP Nam Định theo quyết

định số 01/QĐ-CDSP ngày 02/01/2023 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định [H1.1.1.3].

Giai đoạn từ tháng 12/2024 trở về trước, cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm 16 đơn vị (7 phòng: Đào tạo, Tổ chức - Quản lý sinh viên, Khoa học - Công nghệ, Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Quản trị - Đời sống, Khảo thí - Kiểm định chất lượng giáo dục; 05 khoa: Tự nhiên, Xã hội, Ngoại ngữ, Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Bồi dưỡng nhà giáo & Cán bộ quản lý giáo dục; 04 tổ trực thuộc: Tâm lý - Giáo dục, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất - Quốc phòng, Âm nhạc - Mỹ thuật) và các tổ chức đoàn thể. Từ tháng 01/2023, trên cơ sở Đề án tổ chức, sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị trong trường đã được phê duyệt, cơ cấu tổ chức của trường đã được sắp xếp lại trên cơ sở giảm từ 16 đơn vị xuống còn 07 đơn vị thuộc trường. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: 3 phòng (Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Quản trị), 3 khoa (Giáo dục Mầm non, Ngoại ngữ - Tin học, Bồi dưỡng nhà giáo & Cán bộ quản lý giáo dục), 01 trung tâm trực thuộc (Khảo thí - Tuyển sinh & Dịch vụ giáo dục); các tổ chức đoàn thể gồm: Đảng bộ trường, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM), Công đoàn, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và các quy định hiện hành. Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường đã có quyết định ban hành và được sửa đổi, bổ sung căn cứ theo thực tế và công bố trên trang thông tin điện tử [H2.2.1.2].

Ngày 02/01/2023, Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được ban hành. Quy chế đã cụ thể hóa công tác quản lý, chú trọng cải tiến mô hình quản lý theo các giai đoạn và theo yêu cầu thực tế phát triển của nhà trường trong các giai đoạn. Quy chế cũng quy định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc trường. Theo đó, bộ phận Đảm bảo chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh & Dịch vụ giáo dục, có nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai các giải pháp toàn diện để đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển chương trình, phương pháp

giảng dạy, phương pháp học tập, kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo; nghiên cứu và xây dựng hệ thống công cụ đánh giá, chương trình đào tạo, việc giảng dạy của giảng viên, việc học tập của sinh viên, việc làm của sinh viên đã ra trường; tổ chức đánh giá trong và tham gia đánh giá ngoài theo yêu cầu, kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.1.1.3].

Nhà trường ban hành văn bản phân công công tác trong Ban Giám hiệu [H2.2.1.3], phân công trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của từng cá nhân theo nhiệm kỳ và được cụ thể hóa theo năm học. Đồng thời, nhà trường cũng ban hành văn bản cụ thể quy định chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, tổ chức đoàn thể chính trị trong trường và có sự rà soát điều chỉnh nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với tình hình mới. Ngoài ra, nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 08/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường CĐSP Nam Định, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo [H2.2.1.4].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo quy định, được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Thành phần và số lượng của hội đồng được quy định theo từng năm học đồng thời phân định rõ trách nhiệm, yêu cầu đối với hội đồng trong năm học đó [H2.2.1.5]. Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác được thành lập và hoạt động theo quy định.

Năm 2022, Nhà trường đã xây dựng Đề án trình cơ quan chủ quản xem xét, trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Ngày 16/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1110/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, nhiệm kỳ 2022-2027 với 15 thành viên [H2.2.1.6]. Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trong vai trò quản trị nhà trường [H2.2.1.7].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của trường hợp lý, phát huy tốt sức mạnh quản lý và phối

hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cơ cấu tổ chức của trường phù hợp với thực tế và luôn được điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện để phát huy tốt khả năng của mỗi đơn vị trong toàn trường nhằm phục vụ mục tiêu chung.

3. Tồn tại

Lĩnh vực hoạt động của một số đơn vị mới thành lập theo cơ cấu tổ chức đang được triển khai nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục kiện toàn, củng cố một số bộ phận chức năng trong trường phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực dài hạn; kiện toàn bộ máy biên chế các giai đoạn về sau.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị theo hướng tập trung xây dựng mối quan hệ phối hợp góp phần vào sự phát triển của nhà trường; cập nhật, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động khi có thay đổi

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định

1. Mô tả

Lãnh đạo nhà trường gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Văn bản hướng dẫn bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo trường theo quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm do Tỉnh ủy ban hành [H2.2.2.1]. Từ tháng 12 năm 2012, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường do Giám đốc Sở GD&ĐT ký quyết định bổ nhiệm. Từ tháng 01 năm 2016, lãnh đạo trường do Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định bổ nhiệm. Lãnh đạo, quản lý nhà trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng sư phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, uy tín, kinh nghiệm giảng dạy, quản lý và trình độ chuyên môn đồng thời tuân theo quy định của tỉnh [H2.2.1.1].

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại điều 10, 11 của Điều lệ trường cao đẳng sư phạm [H2.2.1.1] Thông tư 23/2022/TT-BGDĐT và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Giám hiệu được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐSP Nam Định [H1.1.1.3].

Độ tuổi và thâm niên công tác của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường đồng thời đảm bảo tính kế thừa trong việc chuyển giao theo hướng ưu tiên xây dựng lực lượng giảng viên trẻ có trình độ chuyên môn cao.

Việc đánh giá công tác quản lý của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá hàng năm theo quy định đánh giá viên chức đã được nhà trường ban hành năm 2015 và theo quy định đánh giá của Sở GD&ĐT [H5.5.1.3].

Ban Giám hiệu thực hiện các chức năng, quyền hạn và trách nhiệm theo quyết định phân công công tác hàng năm: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng Bộ GD&ĐT - cơ quan chủ quản về việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường cao đẳng sư phạm; các Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công, được sử dụng quyền hạn của Hiệu trưởng khi được ủy quyền để giải quyết các công việc, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hiệu trưởng về các quyết định của mình. Phân công công tác cụ thể của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được quy định trong quyết định phân công công tác Ban Giám hiệu từng năm học [H2.2.1.3].

Năm 2006, UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng trường là trường CĐSP hạng I, giữ nguyên chủ trương trường CĐSP Nam Định có hai Phó hiệu trưởng [H2.2.2.2].

Năm 2019, Phó Hiệu trưởng nhà trường chuyển công tác sang Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Hiện tại, nhà trường đang đề nghị các cơ quan liên quan là Sở GD&ĐT, UBND tỉnh bổ sung một đến hai Phó hiệu trưởng theo quy định.

Năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định thực hiện quy trình bổ nhiệm lại vị trí Hiệu trưởng, ngày 11/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND bổ nhiệm lại vị trí Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định [H2.2.2.3].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng không ngừng học tập, NCKH nhằm nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

Việc phân công chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

3. Tồn tại

Từ tháng 9 năm 2021 đến nay, nhà trường chưa được bổ sung chức vụ Phó Hiệu trưởng theo cơ cấu đã được UBND tỉnh phê duyệt; do đó ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Giám hiệu.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục bổ sung, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nguồn nhằm kiện toàn hoạt động của bộ máy tổ chức hiện hành cho đồng bộ, phù hợp với thực tế và đảm bảo tính kế thừa.

Tiếp tục đề nghị tiến hành quy trình bổ sung Phó hiệu trưởng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường có đủ thành phần và thực hiện được chức năng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng

1. Mô tả

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường được thành lập theo đúng quy định tại điều 12 của Điều lệ trường cao đẳng sư phạm [H2.2.1.1] và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong điều 12 của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H1.1.1.3] .

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường gồm: Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, các trưởng khoa, một số trưởng phòng, một số tổ trưởng, giảng viên, cán bộ hoạt động khoa học - công nghệ, một số nhà khoa học và đại diện một số tổ chức chính trị - xã hội [H2.2.1.5].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo tư vấn cho Hiệu trưởng về: mục tiêu, CTĐT; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm phát triển giáo dục đào tạo nhà

trường, hoạt động khoa học và công nghệ của trường; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên; hướng dẫn, trực tiếp chỉ đạo thành lập các hội đồng và tiến hành việc thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, các chương trình chi tiết cho các ngành đào tạo, các tài liệu giảng dạy do giảng viên biên soạn.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã bầu Chủ tịch Hội đồng theo quy định tại Điều lệ trường cao đẳng sư phạm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường họp định kỳ 6 tháng/lần để tiến hành kiểm điểm, đánh giá, sơ kết, tổng kết về hoạt động khoa học và đào tạo của nhà trường trong nửa năm, cả năm. Nội dung này được phản ánh thông qua các kết luận họp hội đồng khoa học và đào tạo 6 tháng, cả năm [H2.2.3.1].

2. Điểm mạnh

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của nhà trường đảm bảo đủ thành phần, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ trường cao đẳng sư phạm. Hội đồng đã phát huy được vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, NCKH, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng và phát triển đội ngũ CBGV.

Hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo diễn ra thường xuyên, sinh hoạt đều đặn, kịp thời đưa ra những quy định, định hướng trong công tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng, chính sách trong từng năm.

Các thành viên trong Hội đồng Khoa học và Đào tạo rất tâm huyết với sự phát triển khoa học và công nghệ của nhà trường.

3. Tồn tại

Hội đồng Khoa học và Đào tạo chưa tận dụng được hết khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Việc nghiên cứu khoa học còn tập trung vào một số cán bộ chủ chốt, giảng viên dày dặn kinh nghiệm trong chuyên môn.

4. Tự đánh giá: Đạt

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục bố trí, phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ; đồng thời

động viên CBGV nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo hàng năm.

Tiêu chí 2.4. Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo quy định

1. Mô tả

Các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc trường được thành lập căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của trường và theo đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt. Cơ cấu của trường có tổ chức chặt chẽ, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời phù hợp với điều kiện, kế hoạch chiến lược của nhà trường nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của trường gồm 3 phòng, 3 khoa, 1 trung tâm thuộc trường và các tổ chức đoàn thể khác. Các phòng gồm: phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, phòng Tổ chức - Hành chính (gồm phòng và tổ Bảo vệ), phòng Tài chính - Quản trị (gồm Ban Quản lý ký túc xá; Trạm Y tế; tổ Thư viện). Các khoa gồm: khoa Giáo dục Mầm non (gồm bộ môn Phương pháp Giáo dục Mầm non; bộ môn Giáo dục trí tuệ; bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; bộ môn Lý luận chính trị; bộ môn Giáo dục thể chất - Dinh dưỡng và Chăm sóc trẻ), khoa Bồi dưỡng nhà giáo & Cán bộ quản lý giáo dục (gồm bộ môn Nghiệp vụ Quản lý giáo dục; bộ môn Tâm lý - Giáo dục), khoa Ngoại ngữ - Tin học (gồm bộ môn Tiếng Anh; bộ môn Tin học), 1 trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh & Dịch vụ giáo dục. Các tổ chức đoàn thể nhà trường gồm: Đảng bộ trường, Đoàn TNCS HCM, Công đoàn, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và các quy định hiện hành. Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường đã có quyết định ban hành [H2.2.1.2] và công bố trên trang thông tin điện tử.

Đứng đầu các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc, bộ môn thuộc khoa là trưởng phòng, trưởng khoa, giám đốc trung tâm, trưởng bộ môn do Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Các phó trưởng đơn vị, phó trưởng bộ môn

do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của trưởng đơn vị [H2.2.4.1]. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chức năng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường [H1.1.1.3], [H2.2.4.2].

Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, các hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động, sơ kết, tổng kết năm học... các cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, giảng viên, cán bộ, nhân viên nhà trường đánh giá tích cực về việc phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ nên đa số các đơn vị chủ động trong các hoạt động tham mưu, quản lý, đào tạo. Phát huy tốt khả năng quản lý, giảng dạy và NCKH.

Tập thể các đơn vị đoàn kết nhất trí, hoàn thành mọi nhiệm vụ được nhà trường giao.

3. Tồn tại

Do mới sắp xếp, kiện toàn, vì vậy một số đơn vị chưa thực sự phát huy hết năng lực và khả năng trong công tác. Do đó sự phối hợp giữa các đơn vị chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lãnh đạo các đơn vị, đặc biệt là công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo quy định

Hàng năm, nhà trường đã thành lập những hội đồng phục vụ hoạt động khoa học và đào tạo như Hội đồng Khoa học - Đào tạo, Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng thi và xét tốt nghiệp, Hội đồng nghiệm thu đề cương bài giảng, nghiệm thu chương trình... Những hội đồng này có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao trong quyết định và tự giải thể sau khi đã hoàn thành công việc

[H2.2.1.5].

Thư viện trực thuộc phòng Tài chính - Quản trị, là đơn vị chức năng tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác thông tin thư viện, phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH; tổ chức xử lý, sắp xếp, bảo quản và khai thác CSVC, thiết bị, sách báo, giáo trình, tài liệu, sách giáo khoa, khóa luận và các đề tài NCKH; tổ chức phục vụ CBGV, HSSV kịp thời, hiệu quả [H8.8.1.3].

Nhà trường đã trang bị các phòng thực hành mầm non đầy đủ các thiết bị cần thiết đã đáp ứng được việc giảng dạy, học tập và NCKH cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường. Các phòng thực hành được khai thác tối đa, đảm bảo theo đúng chương trình, kế hoạch đào tạo của khoa chuyên môn và của nhà trường. Từ đó, sinh viên được trang bị các kỹ năng dạy thực hành trong chương trình giáo dục mầm non.

Hàng năm, nhà trường đã tiến hành liên kết với các trường mầm non trên địa bàn tỉnh để đưa sinh viên xuống thực hành, thực tập tạo thành mạng lưới cơ sở thực hành phục vụ cho việc đào tạo, rèn luyện kỹ năng đi vào chiều sâu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thành lập được các phòng thực hành ở các bộ môn.

Các đề tài NCKH giáo dục được triển khai, nghiệm thu và ứng dụng trong thực tế.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng được cơ sở thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục trình cấp trên đề trường mầm non thực hành sớm được thành lập và đi vào hoạt động.

Trên cơ sở liên kết với các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh, nhà trường sẽ tiến tới tiến hành liên kết thành lập các cơ sở thực hành cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2.6. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Thực hiện Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác đánh giá và KĐCLGD, năm 2009, nhà trường đã tiến hành thành lập bộ phận Đảm bảo chất lượng thuộc phòng Khoa học - Công nghệ và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Để phát huy cao hơn công tác đảm bảo và tự đánh giá chất lượng đào tạo, ngày 25 tháng 06 năm 2012, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 323/ QĐ/TC-CĐSP ngày 25/6/2012 về việc thành lập Phòng Khảo thí và KĐCLGD.

Thực hiện Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, nhà trường đã xây dựng đề án rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà trường theo hướng tinh gọn. Tháng 01/2023, Nhà trường ban hành Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường, theo đó bộ phận Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc sự quản lý của Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh & Kiểm định chất lượng giáo dục [H2.2.1.2].

Đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách đảm bảo chất lượng của trung tâm gồm 12 cán bộ trong đó có 11 thạc sĩ. Những cán bộ của phòng đã được tham gia các chương trình tập huấn về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài do Cục Khảo thí và KĐCLGD, Bộ GD&ĐT tổ chức. Ngoài ra, những cán bộ này đều có kỹ năng khá tốt trong việc sử dụng máy tính, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và đều có chứng chỉ tiếng Anh từ B1 trở lên.

Trung tâm đã tham mưu cho lãnh đạo nhà trường triển khai các hoạt động tự đánh giá và đảm bảo chất lượng theo quy định. Sau khi thực hiện đánh giá và đăng ký kiểm định chu kỳ 1, theo sự góp ý của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, bộ phận chuyên trách đã tham mưu Ban giám hiệu để ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng sau đánh giá ngoài nhằm cải tiến chất lượng của nhà trường. [H2.2.6.1] Hàng năm, các đơn vị chủ động thu thập, bổ sung thông tin minh

chúng, nêu những tồn tại và kế hoạch hành động cho năm tiếp theo đối với các tiêu chí có liên quan đến đơn vị mình. Điều này thể hiện trong các Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học và kế hoạch năm học của nhà trường. [H2.2.6.2]. [H4.4.3.6]

Trung tâm nghiêm túc thực hiện báo cáo Ba công khai để báo cáo với Cục quản lý chất lượng, đơn vị chủ quản nhằm công khai, minh bạch các hoạt động của nhà trường. Các báo cáo công khai hàng năm được đăng tải trên trang Web của nhà trường. [H2.2.6.3]

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện định kỳ một năm hai lần sau khi kết thúc mỗi kì học. Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động của nhà trường cuối mỗi khóa học. Kết quả ý kiến được công khai đến từng đơn vị [H4.4.5.7]. Hàng năm, các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đều được nêu trong báo cáo tổng kết năm học [H6.6.2.5].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ của trung tâm giàu nhiệt huyết, tận tụy với công việc và sẵn sàng học tập ứng dụng những công nghệ mới. Cán bộ của đơn vị được tập huấn về công tác tự đánh giá do Cục Quản lý chất lượng tổ chức.

3. Tồn tại

Đội ngũ cán bộ đảm bảo đủ tiêu chuẩn về Kiểm định chất lượng giáo dục còn thiếu để triển khai có hiệu quả hơn các hoạt động đánh giá và đảm bảo chất lượng của trường.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cử 01 cán bộ của trung tâm tham gia khóa đào tạo kiểm định viên do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7. Tổ chức Đảng trong trường cao đẳng phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật

1. Mô tả

Đảng bộ trường CDSP Nam Định là tổ chức cơ sở đảng trực

thuộc Đảng bộ Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Nam Định, có 07 chi bộ trực thuộc, 88 đảng viên (tính đến tháng 11 năm 2023) [H2.2.7.1]. Đảng bộ trường đã thể hiện vai trò lãnh đạo đối với mọi hoạt động của nhà trường.

Đảng bộ tiến hành Đại hội nhiệm kì 2015 - 2020 và 2020 - 2025 đúng quy định và ban hành Nghị quyết để chỉ đạo các hoạt động của nhà trường [H1.1.1.2]. Đảng bộ đã triển khai đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Đảng bộ khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Nam Định. Điều này được thể hiện rõ trong các báo cáo sơ kết, tổng kết công tác của Đảng bộ hàng năm. Ban Chấp hành Đảng ủy đã xây dựng chương trình công tác toàn khóa và xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng ủy trường, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể và triển khai các hoạt động đến từng chi bộ, từng đảng viên và quần chúng trong trường, tạo nên sự đồng bộ, gắn kết giữa các cấp tổ chức Đảng và quần chúng, giúp nhà trường hoàn thành tốt sứ mạng, nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra [H2.2.7.2].

Đảng ủy trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, qua đó đã xây dựng và chuẩn bị được đội ngũ cán bộ đồng bộ về cơ cấu và phù hợp về độ tuổi [H2.2.7.3].

Công tác phát triển Đảng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên được coi trọng. Các chi bộ luôn đổi mới hoạt động, thực sự là hạt nhân cho mọi hoạt động của trường và tạo điều kiện cho các đoàn thể, quần chúng ưu tú phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức hoạt động. Từ năm 2019 - 2023, Đảng ủy nhà trường đã cử 95 quần chúng ưu tú tham gia học lớp nhận thức về Đảng và kết nạp được 41 đảng viên mới [H2.2.7.4].

Đảng bộ luôn coi trọng công tác kiểm tra đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; chú trọng hoạt động tự phê bình và phê bình trong các buổi sinh hoạt chi bộ, các hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ hàng tháng, hàng quý và cuối năm, tiến hành phân loại, đánh giá tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên hàng năm [H2.2.7.6].

Đảng bộ đã lãnh đạo các chi bộ, tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các đoàn thể xã hội khác phát huy

quyền làm chủ của mình, qua đó đẩy mạnh các phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức Đảng thực hiện theo Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và quy định của Đảng. Đảng bộ trường luôn là đảng bộ trong sạch, vững mạnh [H2.2.7.7].

2. Điểm mạnh

Đảng bộ trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và quy định của Đảng. Đảng viên trong Đảng bộ đoàn kết, thống nhất về quan điểm, nhận thức. Đảng ủy phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của chính quyền, các đoàn thể quần chúng; có tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

3. Tồn tại

Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, do nguyên nhân khách quan, vẫn còn nhiệm vụ chưa thực hiện được, tư tưởng của một bộ phận nhỏ đảng viên đôi lúc chưa ổn định do nhiệm vụ trường cao đẳng sư phạm có sự thay đổi, vẫn còn đảng viên vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ủy, phát huy dân chủ, nêu cao tính tiên phong gương mẫu, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình của đảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.8. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật

1. Mô tả

Ngay từ khi thành lập, trường CĐSP Nam Định đã xây dựng các đoàn thể và tổ chức xã hội nhằm tạo môi trường dân chủ và đảm bảo quyền lợi cho toàn thể VC, giảng viên, SV. Mặt khác, các đoàn thể và tổ chức xã hội trong trường cũng góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và góp phần vào sự phát triển của nhà trường. Hiện tại nhà trường có các tổ chức Công đoàn [H2.2.8.1], Đoàn TNCS HCM [H2.2.8.2], Hội Sinh viên [H2.2.8.3] và Hội Cựu chiến binh [H2.2.8.4]. Các tổ chức được thành lập theo đúng quy định của pháp

luật, quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường, phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ thông qua nhiều hoạt động phong phú, thiết thực góp phần thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục.

Công đoàn trường đã triển khai các nhiệm vụ theo đúng điều lệ của tổ chức. 100% cán bộ, viên chức và người lao động được tham gia tổ chức công đoàn, với 14 công đoàn bộ phận. Từ tháng 01 năm 2023, theo cơ cấu tổ chức của nhà trường, công đoàn trường còn 7 công đoàn bộ phận. Hàng năm, công đoàn nhà trường phối kết hợp với chính quyền tổ chức cho các đoàn viên tham gia học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Công đoàn cấp trên; bồi dưỡng nghiệp vụ công đoàn cho các GV, nhân viên, người lao động tham gia kiêm nhiệm công tác công đoàn; tổ chức các hoạt động VHVN - TĐTT, tham quan, dã ngoại nhân kỷ niệm các ngày lễ trong năm [H2.2.8.14].

Đoàn TNCS HCM nhà trường là lực lượng trẻ, đầy nhiệt huyết, năng động, sáng tạo. Đây là một trong những lực lượng quan trọng thực hiện những nhiệm vụ mục tiêu, hoàn thành sứ mạng của nhà trường và là lực lượng nòng cốt để phát triển giáo dục, xây dựng nhà trường trong tương lai. Thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ về công tác thanh niên, Đoàn TNCS HCM nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng năm học [H2.2.8.9] và có những hoạt động thiết thực trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tích cực củng cố tổ chức Đoàn, bồi dưỡng cán bộ đoàn cơ sở và giới thiệu cho Đảng những đoàn viên ưu tú nhằm thực hiện tốt công tác phát triển Đảng. Có thể kể đến một số hoạt động như tổ chức cho sinh viên về thăm địa chỉ đỏ ở quê hương Nam Định, tích cực tham gia cuộc thi viết “Bác Hồ với Nam Định, Nam Định với Bác Hồ”, cuộc thi Olympic các môn Khoa học Mác Lê nin “Ánh sáng soi đường”...

Trực thuộc Tỉnh đoàn Nam Định, Đoàn TNCS HCM nhà trường luôn bám sát những chủ trương của Trung ương Đoàn và Tỉnh đoàn; từ đó, chủ động lập kế hoạch và triển khai nhanh chóng với nhiều hình thức đa dạng phong phú, cụ thể như: tổ chức *Giao lưu văn hóa “Sắc màu sinh viên”, Áo ấm vùng cao, Hội thi nấu ăn “Dinh dưỡng cho gia đình”*... Đoàn trường cũng phối hợp với các chuyên gia, bác sĩ có uy tín tổ chức tọa đàm “Bình đẳng giới, phòng chống

bạo lực, xâm hại và chăm sóc sức khỏe sinh sản” cho toàn thể sinh viên trong trường. Chương trình còn có sự tham gia của một số sinh viên ở các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Đoàn trường phân công công việc cụ thể cho các đồng chí ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường, đồng thời xây dựng mới 3 đội trực thuộc do các CBGV phụ trách chính để phát huy sở trường, thế mạnh của sinh viên; công tác tuyên truyền của Đoàn TNCS HCM nhà trường được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: văn bản, tờ rơi, khẩu hiệu, áp-phích, fanpage... Chính vì vậy, các phong trào của Đoàn thanh niên thường thu hút được sự quan tâm của không chỉ SV và CBGV trong trường mà còn nhận được sự ủng hộ của đông đảo SV các trường khác. Những thành tích của Đoàn TNCS HCM nhà trường đã được ghi nhận bằng các bằng khen, danh hiệu của Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn và các cấp lãnh đạo trao tặng: Bằng khen của Trung ương Đoàn, bằng khen Tỉnh đoàn Nam Định,...

Hội Sinh viên với vai trò là một tổ chức xã hội đã thu hút các sinh viên tự nguyện tham gia. Hoạt động của Hội góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và góp phần vào sự phát triển của nhà trường. Hàng năm, bám sát nhiệm vụ năm học, mục tiêu giáo dục của nhà trường; Hội Sinh viên lập kế hoạch năm học với các hoạt động bổ ích, thiết thực cho hội viên trong trường [H2.2.8.11]. Hội sinh viên cũng thường xuyên phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống HSSV, tổ chức các phong trào như: *Sinh viên 5 tốt*, Hội thi *Lớp tôi là số 1*, *Ngày hội Ký túc xá*, ... và các hoạt động giao lưu VHVN - TDTT, hiến máu nhân đạo, hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, *Tiếp sức mùa thi*... Những hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức lý tưởng cho hội viên và gắn kết sinh viên nhà trường với đời sống xã hội [H2.2.8.13-14].

Hội Cựu chiến binh là tổ chức xã hội trong trường. Nghị quyết 09-NQ/TW đã chỉ rõ: công tác cựu chiến binh là một trong những công tác vận động quần chúng quan trọng của Đảng, là trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và của toàn xã hội; cần phải tập hợp, đoàn kết, phát huy sức

sáng tạo của cựu chiến binh để đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Hội Cựu chiến binh nhà trường đã phối hợp với các đoàn thể: Ban nữ công, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường trong nhiều hoạt động với tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo. Hội cũng đẩy mạnh phong trào *Cựu chiến binh gương mẫu* tập trung thực hiện các nhiệm vụ Đại hội lần thứ IV đã đề ra, đạt được những kết quả quan trọng để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng bộ nhà trường, nhiệm vụ của Hội cấp trên.

Các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động theo điều lệ, tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhà trường có các văn bản chỉ đạo quy định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức; vì vậy không xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, phát huy được vai trò của CBQL, tập hợp được CBGV, sinh viên tham gia sinh hoạt theo quy định. Các đoàn thể và tổ chức đều hoạt động tích cực và góp phần thực hiện sứ mạng của nhà trường, góp phần quan trọng trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường như: tham gia tích cực trong việc thanh tra, kiểm tra, động viên CBGV, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia tích cực trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và giám sát sử dụng tài chính trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể, tổ chức xã hội đã triển khai được nhiều hoạt động phong phú, đa dạng và tuân theo đúng quy định của pháp luật; có tác động tích cực đến việc nâng cao nhận thức và giáo dục toàn diện cho cán bộ, công chức, viên chức và SV trong nhà trường.

3. Tồn tại

Việc triển khai các hoạt động còn chưa sâu rộng, kinh phí còn hạn chế, chưa có nhiều hoạt động nổi bật, vẫn còn một số bộ phận CBGV, SV chưa nhiệt tình tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, nhà trường tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động cho cán bộ đoàn thể, tăng chất lượng và số lượng các hoạt động để thu hút tất cả mọi thành viên trong trường tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Nhà trường đặc biệt quan tâm tới công tác xây dựng đội ngũ CBQL trên tất cả các mặt: phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực công tác theo Điều lệ trường cao đẳng sư phạm [H2.2.1.1]. Quy trình bổ nhiệm chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu và nhiệm vụ công tác.

Về trình độ: hiện nay nhà trường có 18 CBQL, trong đó có 02 tiến sĩ (11%), 15 thạc sĩ (83%), 01 cử nhân (6%). Về độ tuổi: có 01 người dưới 40 tuổi (6%), 15 người trong độ tuổi từ 40 đến 50 tuổi (83%), 2 người trên 50 tuổi (11%).

Với cơ cấu như trên, về cơ bản, đội ngũ CBQL của nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và được phân bổ hợp lý. Đây là đội ngũ CBQL có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, họ cũng là những đảng viên gương mẫu, đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị tư tưởng, chuyên môn. Đội ngũ CBQL đã được tặng nhiều danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng [H2.2.9.1].

Phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý phòng, khoa, trung tâm được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H1.1.1.3] và Đề án vị trí việc làm [H2.2.1.4].

Từ năm 2015, nhà trường đã xây dựng Quy chế đánh giá viên chức nói chung và viên chức giữ chức vụ quản lý nói riêng theo từng lĩnh vực quản lý, hoạt động, NCKH [H2.2.9.2]. 100% CBQL của nhà trường được đánh giá từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; bằng khen của Bộ trưởng, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Trung ương Đoàn [H2.2.9.1].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác đang đảm nhận; phát huy tốt khả năng chuyên môn cũng như công tác quản lý.

Hàng năm, nhà trường thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, viên chức và xét khen thưởng đối với những viên chức đạt kết quả cao trong công tác.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý chưa thường xuyên được bồi dưỡng qua các lớp bồi dưỡng CBQL nên chưa phát huy hết khả năng cũng như hiệu quả trong công tác.

4. Kế hoạch hành động

Bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, chú trọng bồi dưỡng cán bộ nguồn, cán bộ kế cận; cử cán bộ đi học tập ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước. 100% CBQL trong trường thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ CBQL.

Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng nhằm phát huy tốt năng lực quản lý của cán bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 2

Cơ cấu bộ máy, tổ chức và quản lý của trường CĐSP Nam Định tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với quy định chung của nhà nước và điều kiện cụ thể của nhà trường. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu thực tế.

Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định. CBQL có uy tín, có năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đúng quy định và quyền hạn của mình, tạo được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác của đội ngũ CBGV, xây dựng được khối đoàn kết nhất trí cao trong mọi hoạt động của đơn vị.

Công tác Đảng và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội của trường đạt được nhiều thành tích, đóng góp tích cực vào các hoạt động chung của nhà trường.

Tiêu chuẩn 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trong chu kỳ 2019 - 2024, trường tổ chức đào tạo 08 ngành học với 10 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (Sư phạm Văn - Giáo dục công dân, Sư phạm Toán - Tin, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non (phiên bản 2016, 2020, 2021), Giáo dục Mầm non Tiếng Anh và Giáo dục mầm non liên thông từ Trung cấp sư phạm với 02 chương trình Trung cấp Sư phạm Mầm non.

Chương trình đào tạo của Trường CĐSP Nam Định được chỉnh sửa theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam và theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bảo đảm liên thông giữa các trình độ và các chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được bổ sung chỉnh sửa theo định kỳ phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Sau khi có kết quả kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo chu kỳ 1, trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường tập trung rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non vào các năm 2020, 2021. Năm 2022, trên cơ sở chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non đã chỉnh sửa, Trường phát triển thêm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục Mầm non.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường cao đẳng được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường cao đẳng có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Việc phát triển các chương trình đào tạo của Nhà trường đều bám sát mục tiêu, yêu cầu đào tạo, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực người học đạt được theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H3.3.1.1]; Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên [H3.3.1.2] và Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm [H3.3.1.3].

Năm 2020, nhằm tăng tính cạnh tranh trong tuyển sinh và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, trên cơ sở văn bản hướng dẫn thiết kế chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng chính quy [H3.3.1.4] và Kế hoạch số 159/KH-CĐSP ngày 27/7/2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định về việc triển khai Quy chế đào tạo [H3.3.1.5] trong đó có nêu từng yêu cầu cụ thể của việc rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần. Theo đó, trước khi tuyển sinh khóa 42, Nhà trường đã hoàn thành việc cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo Giáo dục mầm non trên cơ sở của chương trình đào tạo ban hành năm 2018. Cũng trong năm này, Ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng chính quy thành lập các tiểu ban chuyên môn và triển khai thực hiện xây dựng chương trình theo đúng quy trình

quy định tại Điều 7 Quy trình xây dựng chương trình đào tạo của Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H3.3.1.11].

Các chương trình của trường khi chỉnh sửa có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng có uy tín trong nước. Đặc biệt với chương trình ngành Giáo dục mầm non, Trường đã tham khảo chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học có đào tạo ngành Giáo dục mầm non: Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng của trường CDSPTW Hà Nội, CDSPTW thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội...[H.3.3.4.1]. Khi tham khảo các chương trình đào tạo của các trường bạn, Nhà trường đã chắt lọc, lựa chọn những điểm mạnh, tích cực và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường. Chẳng hạn, chương trình đào tạo của một số trường đã tích hợp một số học phần cơ sở ngành vào các học phần chuyên ngành, chuyển một số học phần bắt buộc thành các học phần tự chọn để thêm các học phần mới, đồng thời giảm thời lượng của toàn chương trình đào tạo... Theo đó, biên bản cuộc họp triển khai quy chế đào tạo năm 2020, Ban Chỉ đạo đã thống nhất: “Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng giảm khối lượng từ 117 tín chỉ xuống 112 tín chỉ. Bỏ các học phần Đo lường trong Giáo dục mầm non (2TC), Toán học cơ sở (2TC), Quản lý giáo dục mầm non (1TC). Các nội dung thực sự cần thiết sẽ tích hợp vào các học phần phù hợp” [H3.3.1.7]. Chương trình đào tạo từ năm 2020 trở về trước của Nhà trường không có nội dung tuyên bố chuẩn đầu ra, sau khi tham khảo chương trình đào tạo của các Trường, bám sát các yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng các chương trình đào tạo mới từ năm 2021 có đầy đủ các mục quy định (chương trình Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh).

Việc chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non được dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan: ý kiến của cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về chuẩn đầu ra của chương trình và khung chương trình đào tạo [H3.3.1.6] ; ý kiến góp ý về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non của

cán bộ quản lý toàn thể giảng viên khoa Tiểu học - Mầm non [H3.3.1.7]

Sau khi có bản dự thảo chương trình, Trường tổ chức họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Phòng Đào tạo chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình. Kết quả của chương trình đào tạo đợt này gồm bộ 3 sản phẩm: khung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và chương trình chi tiết các học phần [H3.3.1.8].

Ngày 31/12/2020, Bộ GD&ĐT ra Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Thông tư quy định việc triển khai chương trình không làm phát sinh biên chế về vị trí giáo viên Tiếng Anh. Năm 2021, Sở giáo dục và Đào tạo Nam Định đã triển khai thí điểm chương trình làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. Tuy vậy, các trường mầm non không thể thực hiện do không có giáo viên Tiếng Anh trong dạy học cấp mầm non. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh [H3.3.1.9] và ban hành bộ sản phẩm của chương trình đào tạo gồm: khung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và chương trình chi tiết các học phần [H3.3.1.10].

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo của Trường được chỉnh sửa trên cơ sở các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình chỉnh sửa chương trình có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập...

3. Tồn tại

Chưa phát triển được các chương trình đào tạo khối ngành giáo dục nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường cao đẳng sư phạm.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức Hội nghị đánh giá thực hiện chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non sau 3 năm thực hiện (2021-2024) và Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh

(2022-2025), huy động sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực hành, thực tập, trên cơ sở đó rà soát, chỉnh sửa bám sát khung trình độ Quốc gia Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23-12-2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó chú trọng cập nhật, bám sát Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Nam Định làm cơ sở để xây dựng đề án phát triển chương trình đào tạo nhóm ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động

1. Mô tả

Tất cả các chương trình đào tạo của Nhà trường đều có mục tiêu rõ ràng bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, năng lực cốt lõi, vị trí việc làm sau khi ra trường) và phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường [H3.3.2.1]. Đề cương chi tiết của từng học phần cũng có mục tiêu cụ thể, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực gắn với mục tiêu chung của chương trình đào tạo [H3.3.2.2].

Tất cả các chương trình đào tạo được cấu trúc hợp lý gồm các nội dung sau: tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành, hình thức đào tạo, mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung, chuẩn đầu ra), thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần, danh sách giảng viên giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ học tập, hướng dẫn thực hiện chương trình [H3.3.2.1].

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng theo Kế hoạch số

107/KH-CDSP ngày 08/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định với quy trình và các yêu cầu cụ thể: Nghiên cứu công việc của người giáo viên; Lấy ý kiến của cựu sinh viên, các nhà quản lý và sử dụng lao động về những năng lực và phẩm chất để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của giáo viên mầm non; Xác định năng lực, phẩm chất chung của người giáo viên; xác định năng lực, phẩm chất riêng của người giáo viên trên cơ sở nghiên cứu thực tế công việc của người giáo viên mầm non; Xây dựng văn bản tuyên bố Chuẩn đầu ra; nghiệm thu Chuẩn đầu ra [H3.3.1.11].

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên. [[ChuanDauRa GD MN.pdf](#), [ChuanDauRa GDMN TA.pdf](#)]. So với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non năm 2020, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh có một số điểm bổ sung, điều chỉnh như sau: Bổ sung mục tiêu: “Tham gia thực hiện được Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo” và các chuẩn đầu ra tương ứng: Chuẩn MNH9A “Kiến thức Tiếng Anh cơ bản (bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam), phương pháp cơ bản dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non”, Chuẩn MNK12 “Tổ chức được các hoạt động có chủ đích (có mục đích dạy học) các nội dung giáo dục mầm non, chương trình Tiếng Anh cho trẻ mầm non”, Chuẩn MNK18A “Kỹ năng tiếng Anh ở bậc 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam”.

Các học phần trong chương trình được thiết kế một cách có hệ thống bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung, khối kiến thức kỹ năng cơ bản và khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành với tỉ lệ hợp lý: khối kiến thức kỹ năng chung khoảng 19% - 20%; khối kiến thức kỹ năng cơ bản khoảng 16% - 17%; khối kiến thức ngành khoảng 60% - 65% trong đó, thực hành, kiến tập, thực tập khoảng 10% -15% và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế) khoảng 6% -7%. Tất cả các học phần đều được mã hóa và xếp thứ tự bởi điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính khoa học và logic

của chương trình: các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng cơ bản chủ yếu được thực hiện ở kì 1 và kì 2; các học phần thuộc khối kiến thức ngành thực hiện ở kì 3, 4, 5, 6; thực tập ở kì 4, 5, 6 [H3.3.2.1]. Sự thiết kế nêu trên bảo đảm logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với người học.

Với chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non năm 2021, số tín chỉ phân bố từng kì như sau: học kì 1 (19 tín chỉ), học kì 2 (19 tín chỉ, trong đó KTSP là 01 tín chỉ), học kì 3 (19 tín chỉ), học kì 4 (12 tín chỉ, trong đó TTSP1 là 02 tín chỉ), học kì 5 (16 tín chỉ, trong đó TTSP 2 là 04 tín chỉ, học phần tự chọn là 07 tín chỉ). Các kiến thức cơ bản của ngành Giáo dục mầm non chủ yếu xếp ở năm thứ 2 khi mà người học đã học đa số các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản. Các chuyên đề tự chọn chủ yếu được xếp vào học kì cuối sau khi người học đã có những kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non. Thực tập được triển khai bắt đầu từ học kì 4 sau khi người học đã học xong các học phần về phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và chia thành 02 đợt ở học kì 4 và học kì 5 để người học có đủ thời gian trải nghiệm và vận dụng lý thuyết vào thực tế. Học phần *Rèn nghiệp vụ mầm non* được thiết kế 03 tín chỉ nhưng được bố trí trong tất cả các học kì với thời lượng 1 buổi/tuần (mỗi buổi 2 tiết chuẩn) tương ứng với số tuần của kì học. Nhằm tăng tính thực hành, trải nghiệm, học phần *Rèn nghiệp vụ mầm non* được điều chỉnh thường xuyên đáp ứng yêu cầu cập nhật và hiện đại. Đặc biệt, năm 2023, đề cương chi tiết học phần được chỉnh sửa, bổ sung 18 buổi rèn nghiệp vụ tại trường Mầm non đối với chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh và 14 buổi đối với chương trình đào tạo Giáo dục mầm non. [H3.3.2.1].

Với chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non - Tiếng Anh ban hành năm 2022, việc thiết kế chương trình kế thừa kết quả chương trình Giáo dục Mầm non ban hành năm 2021. Giữ ổn định về cơ bản trong chương trình mới để bảo đảm vị trí việc làm trong chuẩn đầu ra là giáo viên mầm non. Trong đó, khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục mầm non giữ nguyên khối lượng là 37 tín chỉ,

chỉ thay đổi chút ít trong các học phần như giảm 01 tín chỉ học phần *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ* và *Kỹ thuật làm đồ dùng đồ chơi ở trường mầm non* kết hợp với học phần *Mỹ thuật*, có khối lượng 3 tín chỉ. Các học phần *Tiếng Anh* được chuyển khối lượng sang khối kiến thức chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh. Học phần kiến tập sư phạm được chuyển nội dung sang một số học phần chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm. Ngành phụ Sư phạm Tiếng Anh được xây dựng có khối lượng 20 tín chỉ, đảm bảo cho người học có kiến thức Tiếng Anh cơ bản (bậc 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam), phương pháp cơ bản dạy Tiếng Anh cho trẻ mầm non; biết tổ chức được các hoạt động có chủ đích (có mục đích dạy học) các nội dung giáo dục mầm non, chương trình Tiếng Anh cho trẻ mầm non. Người học có kỹ năng Tiếng Anh ở bậc 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các học phần tiếng Anh được xây dựng trên cơ sở nội dung định hướng, mục tiêu cần đạt trong Chương trình làm quen với Tiếng Anh của Bộ GD&ĐT và thực tế dạy Tiếng Anh trong một số cơ sở Giáo dục mầm non.

Tổng khối lượng chương trình Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh là 105 tín chỉ, chưa kể số tín chỉ Giáo dục Thể chất và 165 tiết Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Với khối lượng trên, chương trình phân bố dự kiến đào tạo trong 06 kì (kì 1: 19 tín chỉ, kì 2: 19 tín chỉ, kì 3: 19 tín chỉ, kì 4: 14 tín chỉ, kì 5: 17 tín chỉ, kì 6: 08 tín chỉ). Phân phối thời lượng giữa các kì học được sắp xếp hợp lý, liên thông với chương trình Giáo dục Mầm non. Người học sẽ hoàn thành chương trình trong 3 năm nếu học liên tục.

Như vậy, qua các lần điều chỉnh, các chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung; khối kiến thức, kỹ năng cơ bản; khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; thực tập; khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành được ưu tiên, bảo đảm hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phân bố các học phần bắt buộc/tự chọn và các học phần thuộc các khối kiến thức trong chương trình dạy học hợp lý. Thông tin về học phần học trước, học phần tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần bảo đảm cho việc sắp xếp thứ tự thực hiện các học phần theo trật tự logic với thời lượng phù hợp. Tuy nhiên, các học

phần tự chọn trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành còn chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý có hệ thống bảo đảm logic giữa các học phần, đáp ứng linh hoạt nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

3. Tồn tại

Số học phần tự chọn trong các chương trình đào tạo còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Đợt chỉnh sửa chương trình tiếp theo, Trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và bổ sung các học phần tự chọn, góp phần tăng tính linh hoạt của chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của xã hội

5. Đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chí 3.3. Các học phần, môn học trong Chương trình đào tạo có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học

1. Mô tả

Giai đoạn trước năm 2020, Trường thực hiện đào tạo theo các chương trình và đề cương chi tiết học phần đã báo cáo tại chu kỳ kiểm định trước. Từ năm 2020 trở lại đây, việc xây dựng các đề cương chi tiết được thực hiện đồng thời với xây dựng chương trình đào tạo. Kế hoạch số 107/KH-CĐSP ngày 08/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định hướng dẫn cụ thể quy trình, nhiệm vụ cụ thể của việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần: “Nghiên cứu văn bản quy định về nghề nghiệp giáo viên; ý kiến cựu sinh viên đang làm giáo viên hoặc quản lý mầm non; nghiên cứu công việc thực tế của người giáo viên để đề xuất nội dung học phần cùng tài liệu tham khảo; xây dựng đề cương chi tiết theo mẫu; hoàn thiện đề cương chi tiết, nghiệm thu và ban hành”. (Mục 3.3 Xây dựng chương trình chi tiết và đề cương chi tiết và Mục 4 Kế hoạch thực hiện của Kế hoạch số 107/KH-CĐSP [H3.3.1.11]).

Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo có đủ đề cương chi tiết,

tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học. Đề cương chi tiết bao gồm những nội dung: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, trình độ, phân phối thời gian, điều kiện tiên quyết, mục tiêu học phần, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, thang điểm, nội dung chi tiết học phần. Phần tài liệu học tập quy định ghi rõ học liệu chính (giáo trình/tài liệu dạy học) và học liệu tham khảo [H3.3.2.2]. Các giáo trình và tài liệu tham khảo có trong thư viện của trường [H3.3.3.1].

100% đề cương chi tiết học phần đều xác định rõ ràng mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ; năng lực), nội dung chi tiết, phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.3.2.2].

Các chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non từ năm 2021 trở đi (gồm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh) có bổ sung chuẩn đầu ra của học phần và thể hiện mức độ đóng góp của học phần để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thông qua ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đề cương chi tiết các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ giảng viên sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với người học, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp người học chủ động trong học tập để đạt được chuẩn đầu ra của học phần về kiến thức, kỹ năng, năng lực. 100% các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ hình thức đánh giá, trọng số điểm các bài kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần, số lượng bài kiểm tra. Các hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, vấn đáp, thực hành, hoặc kết hợp vấn đáp - thực hành [H3.3.2.1].

Đề cương chi tiết các học phần cũng thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá và trọng số điểm. Theo quy định, điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kì) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học

phần có trọng số 0,6; điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kì theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kì tính hệ số 2; ngoài ra để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, người học cần tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần [H3.3.2.2].

Đề cương chi tiết các học phần được giảng viên công bố cho sinh viên trước khi thực hiện.

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần, môn học có đủ đề cương chi tiết, giáo trình tài liệu theo quy định, phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập, đáp ứng tốt mục tiêu của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Tồn tại

Phần Mục tiêu trong Đề cương chi tiết học phần có mục “Thái độ”, không có mục “Năng lực tự chủ và trách nhiệm”. Đề cương chi tiết chưa có bảng Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức các hội nghị, hội thảo đánh giá chương trình đào tạo để có cơ sở rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương chi tiết.

Xây dựng Kế hoạch chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, trong đó sẽ thực hiện đồng bộ: rà soát tên, mã, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung các học phần, cách đánh giá học phần, khối lượng mỗi học phần, mỗi khối kiến thức; sửa mục Thái độ thành mục Năng lực tự chủ và trách nhiệm đồng thời cập nhật thêm các thông tin cần thiết khác.

Đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kì bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được định kì bổ sung, điều chỉnh.

Khi Luật Giáo dục 2019 chính thức có hiệu lực, Trường chỉ còn đào tạo duy nhất ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng. Trước yêu cầu đổi mới về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và đặc biệt, cập nhật Quy chế 24 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

Năm 2020, Trường rà soát, chỉnh sửa chương trình và đề cương chi tiết đã ban hành năm 2019 cho phù hợp với quy chế mới và tăng tính cập nhật [H3.3.2.2]. Năm 2021, chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non tiếp tục được nghiên cứu, xây dựng mới với 95 tín chỉ đáp ứng đúng quy trình xây dựng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H3.3.2.1]. Năm 2022, trên phiên bản 2021, Trường phát triển chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh [H3.3.2.1].

Các chương trình được chỉnh sửa theo nguyên tắc:

- Đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu đào tạo, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực mà người học phải đạt được quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

- Kế thừa các nội dung của chương trình đã xây dựng và đang được áp dụng đào tạo tại trường; đồng thời, cập nhật những tiến bộ khoa học, công nghệ

mới của ngành, nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Xác định rõ ràng và cụ thể các yêu cầu cần đạt đối với người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực; điều chỉnh tỉ lệ lí thuyết, thực hành theo hướng tăng tỉ lệ thực hành; tăng số học phần tự chọn. Riêng chương trình ngành Giáo dục mầm non bổ sung mà trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bổ sung các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm hướng tới chuẩn đầu ra của CTĐT.

Chương trình ngành Giáo dục mầm non khi chỉnh sửa có tham khảo các xu hướng đổi mới giáo dục mầm non trên thế giới, các chương trình đào tạo cao đẳng, đại học của Việt Nam và khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

Trường tổ chức các Hội thảo khoa học nhằm công bố những nghiên cứu mới trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, tham vấn ý kiến đại biểu về nội dung, chương trình đào tạo, trên cơ sở đó cập nhật, chỉnh sửa chương trình. Các Hội thảo tiêu biểu như: *Chương trình phổ thông 2018 và vai trò của trường cao đẳng sư phạm, Tiếp cận một số vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay, Hướng tới đổi mới đào tạo và bồi dưỡng GV Mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn; Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở mầm non thực hành...*[H7.7.1.4].

Trường tham khảo chương trình đào tạo cùng trình độ của các trường CĐSP Trung ương Hà Nội, CĐSP Bắc Ninh, khung chương trình đào tạo trường CĐSP trung ương Nha Trang và một số chương trình đào tạo Giáo dục mầm non của các trường khác [3.3.4.1]. Điểm chung của chương trình đào tạo các trường là đều có các khối kiến thức kỹ năng chung: Lí luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Ngoại ngữ; Tin học; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng, an ninh; khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành: *Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Tiếng Việt, Âm nhạc, Mĩ thuật, Múa, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non...*và khối kiến thức chuyên ngành: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non: Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh; Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non; Tổ chức giáo dục hoà nhập và hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non, Phát triển và tổ chức thực*

hiện chương trình giáo dục mầm non; Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non... Một số học phần bắt buộc trước đây như *Toán cơ sở, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Nghiên cứu khoa học giáo dục, Đệm đàn phím điện tử....* được một số trường xếp sang khối kiến thức tự chọn. Về số lượng tín chỉ của chương trình, từ trước năm 2020, khối lượng tín chỉ của các trường đa số đều trên 100 tín chỉ; từ năm 2020 trở lại đây, số lượng tín chỉ của các trường dao động từ 92-100 tín chỉ. Việc tham khảo các chương trình đào tạo của các trường giúp cung cấp cái nhìn chung về diễn đạt chuẩn đầu ra, khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo, tham khảo cách tích hợp học phần, số lượng các học phần tự chọn, cách chuyển một số học phần bắt buộc thành học phần tự chọn... .

Trường cũng khảo sát ý kiến của các bên liên quan: ý kiến của giảng viên về chương trình đào tạo, ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên làm cơ sở để xây dựng, chỉnh sửa chương trình [H3.3.1.6].

Như vậy trong quá trình rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo đã có sự tham gia của: cán bộ quản lý trường mầm non, giảng viên trường cao đẳng, đại học tham gia hội đồng thẩm định; cán bộ quản lý, Hiệu trưởng trường Mầm non, giảng viên tham gia góp ý khung chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra (với chương trình Giáo dục Mầm non 2021); Cán bộ quản lý tham gia các cuộc họp về chỉnh sửa chương trình đào tạo và cuộc họp thông qua chương trình đào tạo; Đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát góp ý cho chương trình đào tạo. Dựa trên các ý kiến đóng góp và dựa trên việc nghiên cứu các chương trình tham khảo, các khoa tổ chức họp để thống nhất những nội dung điều chỉnh và thay đổi so với phiên bản trước. Những thay đổi của phiên bản 2021 so với phiên bản 2019 thể hiện trong báo cáo so sánh chương trình 2019 và 2021 [H3.3.4.2].

Sau khi có bản dự thảo chương trình, Trường tổ chức nghiệm thu chính thức chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo 2021, 2022 chủ yếu là các thành viên bên ngoài nhà trường. Trên cơ sở biên bản của Hội đồng thẩm định, ban biên soạn chương trình chỉnh sửa, hoàn thiện và trình

Hiệu trưởng ký ban hành chương trình [H3.3.4.3].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo được định kì bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và giảng viên.

3. Tồn tại

Việc tham khảo các chương trình đào tạo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức chỉnh sửa các chương trình đào tạo theo định kì, tiếp tục tham khảo các chương trình tiên tiến, lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và giảng viên ở mức độ sâu rộng hơn để làm căn cứ chỉnh sửa chương trình đào tạo cho các lần tiếp theo.

5. Đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non của Nhà trường đảm bảo liên thông từ dọc từ trình độ trung cấp lên cao đẳng và có tính đến liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng được xây dựng theo nguyên tắc nâng cao những nội dung đã học và bổ sung những nội dung chưa học ở chương trình trung cấp chuyên nghiệp. Học sinh tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non của trường rất thuận lợi khi học liên thông lên cao đẳng do đã được học các kiến thức cơ bản và cốt lõi của Giáo dục mầm non, được học đủ các môn phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ và phương pháp tổ chức hoạt động. Từ năm 2018-2023, Trường đã triển khai đào tạo 09 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, trong đó, liên thông chính quy 01 lớp và liên thông VLVH 08 lớp.

Khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, Nhà

trường đã chú trọng tham khảo các chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành của các trường Đại học như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Hải Phòng, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm Vinh... Trường giữ nguyên khối lượng tín chỉ các học phần Lí luận chính trị, Giáo dục quốc phòng, an ninh, nội dung giáo dục thể chất bắt buộc và một số học phần thuộc khối kiến thức chung khác. Do vậy, khi liên kết đào tạo trình độ đại học với các cơ sở giáo dục Đại học, sinh viên của Nhà trường được công nhận kết quả học tập của các học phần đã đạt đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo [H3.3.4.1].

Chương trình đào tạo của Nhà trường bảo đảm liên thông ngang giữa các ngành đào tạo gần nhau và giữa các chương trình đào tạo liên ngành (các chương trình thuộc cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên đều có chung khối kiến thức, kĩ năng chung và khối kiến thức, kĩ năng cơ bản; [H3.3.5.3]; các chương trình giáo dục Mầm non, Giáo dục mầm non Tiếng Anh đều có chung khối kiến thức, kĩ năng chung và khối kiến thức ngành giáo dục mầm non.. [Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Định; Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh - Trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Định].

Sau khi có khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, cùng với việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác, Nhà trường đã xây dựng, ban hành văn bản về quy định xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông chính quy và liên thông VLVH ngành GD Mầm non (Quyết định số 155/QĐ-CDSP ngày 14/8/2020) [H3.3.5.1]. Theo đó, nhiều sinh viên đã được miễn học, miễn thi các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh... Năm 2023, khi quy chế đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính thức ban hành và có hiệu lực, Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và ban hành *Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ* kèm theo Quyết định số 153/QĐ-CDSP ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định thay thế Quyết định số 155/QĐ-CDSP ngày 14/8/2020 của Hiệu trưởng [H3.3.5.1]. Theo quy định mới

này, người học được công nhận tất cả các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung nếu đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Nhà trường. Năm 2023, có 27 sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, trong đó, có sinh viên được miễn tới 06 học phần [H3.3.5.2].

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo của Trường có sự giao thoa, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học cùng lúc hai chương trình đào tạo hoặc sau tốt nghiệp có thể quay lại học để lấy bằng cao đẳng sư phạm thứ hai.

Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông lên trình độ đại học.

3. Tồn tại

Chưa đổi chiều được nhiều chương trình cùng trình độ hoặc trình độ cao hơn để tăng tính liên thông.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường sẽ chú trọng tham khảo nhiều hơn các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của các cơ sở giáo dục đại học uy tín đồng thời rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo của nhà trường nhằm tăng tính liên thông đối với tất cả các chương trình đào tạo.

5. Đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá

1. Mô tả

Nhà trường đã chỉ đạo phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn định kỳ rà soát chương trình để kịp thời điều chỉnh. Theo thời gian, các chương trình đào tạo được chỉnh sửa, cải tiến ngày một hoàn thiện hơn.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận kiểm định cơ sở giáo dục đào tạo, chu kỳ 2018-2023, Trường đã 03 lần thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

Năm 2020, thực hiện Kế hoạch số 159/KH-CĐSP về việc triển khai quy chế đào tạo ban hành theo Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường chỉ đạo: điều chỉnh chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non đã thực hiện từ khóa 38 để triển khai cho khóa 42 theo hướng: rút gọn chương trình, khối lượng từ 117 tín chỉ còn 112 tín chỉ; thay đổi mã học phần; điều chỉnh đề cương chi tiết học phần cho phù hợp với Quy chế đào tạo mới và cập nhật thực tiễn. Tại lần chỉnh sửa này, trên cơ sở trao đổi, khảo sát lấy ý kiến từ các bên liên quan, ban chỉ đạo triển khai quy chế đào tạo theo Quyết định 148/QĐ-CĐSP ngày 23/7/2020 đã họp và thống nhất bỏ đi các học phần: *Đo lường trong Giáo dục mầm non* (02 TC), *Toán học cơ sở* (02 TC), *Quản lý giáo dục mầm non* (01 TC). Các nội dung cốt lõi cần thiết của các học phần này sẽ được tích hợp vào các học phần phù hợp [H3.3.6.1].

Năm 2021, sau khi hoàn tất khóa đào tạo K38, trên cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo và những yêu cầu đổi mới của ngành, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo K43 (Quyết định số 21/QĐ-CĐSP ngày 20/02/2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định). Tại lần cải tiến này, thực hiện quy trình xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng và đảm bảo tính thiết thực, ban biên soạn đã thực hiện điều tra, khảo sát thông qua phiếu hỏi với đối tượng 18 cán bộ quản lý và 63 giáo viên mầm non có thời gian công tác từ 2 - 31 năm. Kết quả cho thấy chuẩn đầu ra và ma trận học phần tương ứng với chuẩn đầu ra là tương đối phù hợp. Trên cơ sở phân tích kết quả điều tra, ban soạn thảo đã điều chỉnh và thống nhất khung chương trình tương ứng gồm: khối kiến thức kỹ năng chung (9 HP), khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (9 HP), khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ (10 HP), khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (16 HP), khóa luận và học phần thay thế khóa luận (5 HP). Tổng thời lượng của chương trình là 95 tín chỉ chưa kể khối lượng Giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh, giảm 07 tín chỉ so với chương trình đào tạo năm 2000 [H3.3.6.2].

Năm học 2023-2024, Hội đồng khoa học đào tạo sau khi tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023 đã đề xuất chỉ định khoa Ngoại ngữ - Tin học chủ trì tổ chức hội thảo khoa học “Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh: Thuận lợi và khó khăn qua một năm thực hiện” với mục tiêu: “đánh giá và

cập nhật nội dung chương trình môn học, học phần và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động” [H3.3.6.3].

Năm học 2024-2025, Trường đã xây dựng Kế hoạch số 203/KH-CDSP ngày 28/8/2024 về việc tổ chức hội thảo khoa học: “Đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non năm 2021 và Công tác bồi dưỡng giáo viên sau 03 năm triển khai đào tạo, bồi dưỡng”. Đến tháng 12/2024, Ban tổ chức Hội thảo đã hoàn thành biên soạn kỉ yếu gồm 26 báo cáo tham luận và 01 báo cáo đề dẫn. Hội thảo được tổ chức vào ngày 16/01/2025 [H3.3.6.3]. Sau Hội thảo, Hội đồng chuyên môn sẽ tiến hành các bước tiếp theo của quy trình chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động rà soát, chỉnh sửa chương trình, cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện đăng ký đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo để đăng ký kiểm định chất lượng vào năm 2025.

Cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá đặc biệt là chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

5. Đánh giá tiêu chí: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 3

Trường đã chủ động rà soát, chỉnh sửa chương trình, cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Việc đánh giá, thẩm định các chương trình đào tạo ban hành năm 2021, 2022 đảm bảo tính khách quan khi thành viên Hội đồng thẩm định chủ yếu là các chuyên gia giáo dục Mầm non, giảng viên, nhà quản lý ngoài trường.

Tất cả các học phần, môn học của nhà trường có đủ đề cương chi tiết,

giáo trình tài liệu theo quy định. Các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý có hệ thống bảo đảm logic giữa các học phần, đáp ứng linh hoạt nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Tuy nhiên, các chương trình đào tạo ban hành năm 2021 và 2022 chưa hoàn tất chu kì đào tạo của một khóa học, do vậy cần có thời gian để kiểm chứng chất lượng chương trình đào tạo nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các khâu của quá trình phát triển chương trình đào tạo để tiến tới kiểm định chất lượng chương trình.

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Hoạt động đào tạo của Trường CĐSP Nam Định được điều hành trên cơ sở mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và quy chế đào tạo của Nhà trường, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ GD&ĐT, thực hiện đa dạng các hình thức đào tạo, nỗ lực đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực của người học, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện. Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế; số liệu thống kê về người tốt nghiệp hằng năm được công bố công khai; chú trọng tổ chức đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

Sau giai đoạn đánh giá lần 1 năm 2018, Nhà trường chú trọng hơn tới việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 phát sinh và diễn biến phức tạp đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Nhà trường. Để hoạt động đào tạo không bị gián đoạn và vẫn bảo đảm chất lượng, hiệu quả; được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, việc chuyển đổi hình thức đào tạo trực tuyến thay thế cho hình thức đào tạo trực tiếp đã được thực hiện trong những giai đoạn dịch bệnh căng thẳng. Việc chuyển đổi đó không chỉ thực hiện ở công tác tổ chức đào tạo, mà còn ở công tác tuyển sinh. Chính sự chuyển đổi này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thí sinh trong việc đăng ký nộp hồ sơ xét tuyển, đăng ký thi và thi năng khiếu.

Những thay đổi của Luật Giáo dục cũng ảnh hưởng sâu sắc đến công tác đào tạo và tuyển sinh của Nhà trường. Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường chỉ thực hiện tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non và đến năm học 2022 - 2023 thì dừng hoạt động đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, chỉ đào tạo giáo viên mầm non. Điều này đã dẫn tới quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo của Nhà trường giảm mạnh, gây ra những khó khăn rất lớn cho việc duy trì hiệu quả tuyển sinh và đào tạo. Tuy nhiên, thực tế này cũng đã thúc đẩy cán bộ quản lý và

cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường đoàn kết, sáng tạo hơn trong thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh và đào tạo.

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học, công tác cấp phát văn bằng chứng chỉ cho người học thực hiện đúng quy định và không xảy ra mất mát, khiếu kiện. Bước đầu thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo và điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội. Phần mềm quản lý đào tạo đang tiếp tục được sử dụng một cách hiệu quả, giúp cho việc điều hành đào tạo, lưu trữ, công khai kết quả học tập của người học được nhanh chóng, chính xác.

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, các hội thảo về PPDH và kiểm tra đánh giá được khuyến khích, đồng thời tạo điều kiện để giảng viên triển khai thực hiện.

Tiêu chí 4.1. Công tác tuyển sinh được bảo đảm thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ GD&ĐT

1. Mô tả

Từ năm 2019 đến nay, tiếp nối các kết quả tích cực đã làm được, công tác tuyển sinh luôn được Nhà trường xác định là công việc then chốt, cần được chú trọng, tập trung mọi nguồn lực. Cơ sở thực tiễn để Nhà trường tiếp tục đầu tư nguồn lực, duy trì ngành Giáo dục Mầm non, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh là dựa trên: kết quả hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm của Nhà trường, kết quả thực tập của sinh viên và kết quả nghiên cứu của các cơ quan chức năng về thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non.

Sau mỗi kì tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá lại toàn bộ công tác tuyển sinh đã thực hiện, đồng thời đề ra những giải pháp khắc phục cho kỳ tuyển sinh tiếp theo. Thông qua hội nghị, rất nhiều ý kiến đã được nêu ra, góp ý cho công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài việc thống kê số lượng và đưa ra những phân tích về thí sinh nhập học, Hội đồng còn tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá hoạt động tư vấn tuyển sinh và công tác tổ chức thực hiện tuyển sinh; đánh giá hiệu quả,

hạn chế công tác tuyển sinh làm cơ sở để tiếp tục cải tiến công tác này trong các năm tiếp theo [H4.4.1.1].

Cùng với đó, các cơ sở thực tập đánh giá cao chất lượng đào tạo, nhất là chất lượng rèn luyện nghiệp vụ của Nhà trường thông qua đánh giá kết quả thực tập của sinh viên [H4.4.9.2; H4.4.1.2]. Kết quả cho thấy, các cơ sở giáo dục mầm non tin tưởng vào chất lượng đào tạo của Nhà trường, hầu hết đều đánh giá là chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên khá tốt, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nghề nghiệp.

Tại Hội nghị tổng kết giáo dục mầm non năm học 2022 - 2023, báo cáo của Vụ Giáo dục Mầm non cho thấy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên mầm non còn rất lớn, toàn quốc thiếu khoảng 45.000 giáo viên mầm non. Tình trạng thiếu giáo viên tại nhiều địa phương chậm được khắc phục; tỷ lệ giáo viên/lớp ở nhiều địa phương rất thấp, năm học 2022 - 2023, tỷ lệ này là 1,86, tăng 0,02% so với năm học trước (theo chuẩn thấp nhất là 2,2 giáo viên/lớp). giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo CDSP trở lên là 87.3%, tăng 10.6%; trên chuẩn đạt 65.1%, tăng 7.2%; giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo còn 12.7%, giảm 10.6%. Điều đó cho thấy nhu cầu đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên mầm non trong tỉnh và toàn quốc còn rất lớn.

Những cơ sở thực tiễn trên là căn cứ để Nhà trường tiếp tục duy trì đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo giáo viên mầm non, mở rộng phạm vi tuyển sinh ra cả nước [H9.9.1.3]. Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể đều có báo cáo và được sự phê duyệt của Sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT [H4.4.1.3].

Công tác tuyển sinh được thực hiện bởi Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập [H4.4.1.4]. Hội đồng tuyển sinh thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của Nhà trường [H4.4.1.5]; điều hành toàn bộ các công việc liên quan: xây dựng kế hoạch, đề án tuyển sinh, tổ chức họp Hội đồng trong các đợt thi/xét tuyển, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm. Công khai các thông tin tuyển sinh bảo đảm minh bạch, công bằng, khách quan và đề xuất một số quy định tuyển sinh riêng trong phạm vi thẩm quyền để thực hiện chủ trương tự chủ

trong tuyển sinh.

Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh hằng năm [H4.4.1.6], gửi lên phần mềm Nghiệp vụ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh và các quy định của trường trong phạm vi tự chủ cho phép: quy chế thi năng khiếu, thông báo tuyển sinh, thông báo ngưỡng điểm nhận hồ sơ... đều được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử (<https://cdspnd.edu.vn/category/tuyen-sinh/>), trang mạng xã hội của Trường và bảng thông báo của Ban tuyển sinh [H4.4.1.7; H4.4.1.8]. Chế độ đối với các đối tượng thuộc diện chế độ chính sách được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.1.5]. Từng văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh: hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh [H4.4.1.9]; các quyết định, biên bản của Hội đồng tuyển sinh [H4.4.1.13] đầy đủ, bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.

Từ năm 2022, Bộ GD&ĐT quy định số hóa nguồn dữ liệu thí sinh, đồng bộ kết quả học tập THPT với việc xét tuyển Cao đẳng, Đại học, do đó Nhà trường thực hiện tuyển sinh đợt xét tuyển chung bằng cơ sở dữ liệu trên phần mềm tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh những thuận lợi, điều này ít nhiều gây khó khăn cho cán bộ thực hiện nghiệp vụ tuyển sinh và cho thí sinh, đặc biệt là thí sinh tự do (tốt nghiệp THPT trước năm xét tuyển) trong việc đăng ký dự thi. Một số thí sinh tự do không kịp làm phiếu đăng ký mở tài khoản tại Sở GD&ĐT theo quy định của Bộ để thực hiện việc xét tuyển, một số thí sinh không cập nhật thông tin nên đăng ký phương thức xét tuyển không đúng, thí sinh còn gặp khó khăn trong khâu nộp lệ phí xét tuyển và xác nhận nhập học trực tuyến. Trước thực tế đó, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường quán triệt tinh thần vượt khó đến tất cả các bộ phận tham gia công tác tuyển sinh, hướng dẫn và hỗ trợ tối đa cho thí sinh. Nhà trường cũng trao đổi với cán bộ phụ trách thuộc Sở GD&ĐT Nam Định và lãnh đạo một số trường THPT trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ các thí sinh tự do được đăng ký xét tuyển kịp thời, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho thí sinh.

Công tác tuyển sinh luôn coi trọng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh tiêu chí là điểm thi THPT quốc gia, từ năm 2022, Nhà

trường có thêm tiêu chí tuyển sinh là điểm học bạ năm lớp 12. Phương thức tuyển sinh đa dạng: xét tuyển sớm, xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển môn năng khiếu; tổ hợp môn xét tuyển phong phú hơn. Hình thức đăng ký, nộp hồ sơ xét tuyển và thi năng khiếu linh hoạt kết hợp giữa trực tiếp, gián tiếp qua đường bưu điện và trực tuyến trong giai đoạn diễn ra dịch Covid-19 và trong bối cảnh hiện nay theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh, đặc biệt là thí sinh ở ngoài tỉnh. Tất cả những thay đổi này đều được Nhà trường thông tin đầy đủ trên website để bảo đảm quyền lợi, cơ hội trúng tuyển cao hơn và công bằng cho các thí sinh.

Kết quả tuyển sinh hàng năm đều được nhà trường phân tích, so sánh để thấy được xu hướng thay đổi chất lượng tuyển sinh. Thống kê cho thấy điểm xét tuyển cao đẳng chính quy của thí sinh trúng tuyển nhập học tăng mạnh, số thí sinh trúng tuyển ở mức điểm trên 20 điểm chiếm đa số.

TT	Điểm xét tuyển (thí sinh)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Từ 16 đến cận 20	63	3	2	4	2	3
2	Từ 20 đến cận 25	37	27	56	31	86	149
3	Lớn hơn 25	0	3	5	13	26	88
	Tổng	100	33	63	48	114	240

Điểm xét tuyển sinh cao đẳng liên thông tương đối ổn định theo thời gian và có xu hướng tăng lên.

TT	Điểm xét tuyển	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Cao đẳng liên thông chính quy và VLVH	18.0 [*]	5.5 ^{**}	5.0 ^{**}	6.0 ^{**}	5.5 ^{**}	6.6 ^{**}

2	Cao đẳng VLVH (đối tượng THPT)						18.0***
---	--------------------------------	--	--	--	--	--	---------

(*: Thi tuyển 3 môn; **: Điểm xét tốt nghiệp trung cấp, ***: Xét tuyển tổ hợp 3 môn)

Song song với các đợt xét tuyển, Nhà trường tổ chức các đợt thi năng khiếu cho thí sinh đăng ký tổ hợp môn xét tuyển có môn năng khiếu. Việc tổ chức thi tuyển năng khiếu đã bảo đảm tính công bằng, khách quan: niêm yết đầy đủ các quy định, hướng dẫn, danh sách phòng thi trước mỗi đợt thi (niêm yết tại điểm thi, thông tin vào các nhóm zalo thí sinh) [H4.4.1.10]. Công tác ra đề thi được bảo mật tuyệt đối, khoa học, không có sai sót, có khả năng phân loại thí sinh [H4.4.1.11]. Công tác coi thi đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; Quy chế thi được phổ biến tới cán bộ coi thi và thí sinh trước mỗi buổi thi; công tác chấm thi bảo đảm tính khách quan, đúng đáp án, thang điểm theo yêu cầu của đề thi [H4.4.1.12]. Hội đồng tuyển sinh quán triệt tới toàn bộ cán bộ ra đề, coi, chấm thi các quy chế, quy định liên quan, do đó không để xảy ra sai phạm trong quá trình tổ chức thi tuyển. Quy trình tổ chức chấm thi năng khiếu được cải tiến hằng năm, ngày càng hoàn thiện, tránh tối đa hiện tượng tiêu cực trong quá trình tổ chức thi; vì vậy, không có bất kì khiếu nại nào.

Hội đồng tuyển sinh đã thực hiện đúng quy định về công tác xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển. Với cao đẳng chính quy, đợt xét tuyển chung được thực hiện theo kế hoạch chung trên phần mềm tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; còn xét tuyển sớm CDCQ và cao đẳng liên thông, cao đẳng VLVH được thực hiện theo kế hoạch của Nhà trường. Hội đồng xây dựng phương án điểm trúng tuyển; công bố điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử và các trang mạng xã hội của Nhà trường [H4.4.1.13]. Trước khi tổ chức nhập học, giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển [H4.4.1.14] được gửi cho thí sinh qua đường chuyển phát nhanh và nhóm zalo thí sinh; kế hoạch nhập học được đăng tải trên website của trường, trên các nhóm zalo và fan page [H4.4.1.15]. Việc tổ chức nhập học đúng quy chế, thuận lợi, khoa học; giải quyết kịp thời những trường hợp thí sinh trúng tuyển đến muộn có lí do chính đáng. Sau khi tổ

chức nhập học, Hội đồng tuyển sinh đã thực hiện thống kê, gửi đầy đủ báo cáo kết quả tuyển sinh tới Bộ GD&ĐT tạo theo quy định; trong đó có phân loại người học theo khu vực, dân tộc, diện chính sách [H4.4.1.16].

Cùng với đó, khâu tuyên truyền tuyển sinh cũng được đẩy mạnh với đa dạng các hình thức thực hiện: tư vấn trực tiếp cho các thí sinh, đăng thông tin tuyển sinh trên website, trang mạng xã hội, đài phát thanh, phát tờ rơi, tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT [H4.4.1.17]. Các khâu tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh tự do (thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm xét tuyển) đăng ký xét tuyển được quan tâm sát sao hơn. Đặc biệt, từ mùa tuyển sinh năm 2023, Nhà trường đã đưa tuyên truyền tuyển sinh là một trong những nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên và đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá viên chức, bình xét thi đua cuối năm. Mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường đã trở thành một cán bộ tuyển sinh, do đó, công tác tuyển sinh chuyển biến rõ rệt, kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu do Bộ GD&ĐT giao.

Kết quả tuyển sinh các năm 2019 - 2022 chưa ổn định, số lượng tuyển sinh chưa đạt so với chỉ tiêu được giao. Tuy nhiên, từ năm 2023, với sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, công tác tuyên truyền tuyển sinh được cải tiến với nhiều hình thức, kết quả tuyển sinh của Nhà trường đã đạt chỉ tiêu được giao. Cụ thể:

TT	Trình độ/hệ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Cao đẳng Chính quy	132	62	71	80	144	280
2	Cao đẳng vừa làm vừa học	55	159	38	54	56	152
3	Trung cấp chuyên nghiệp	20	0	0	0	0	0
	Tổng	207	221	109	134	200	432

Số lượng học sinh, sinh viên trúng tuyển nhập học các năm:

TT	Trình độ/hệ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Cao đẳng Chính quy	100	43	63	48	114	240
2	Cao đẳng vừa làm vừa học	53	159	38	49	50	124
3	Trung cấp chuyên nghiệp	20	0	0	0	0	0
	Tổng	173	202	101	97	164	364

Số lượng học sinh, sinh viên trúng tuyển nhập học phân theo khu vực, đối tượng ưu tiên và điểm đầu vào hệ chính quy ngành GDMN các năm:

TT	Năm	Số lượng	KV1	KV2	KV 2NT	KV3	ĐTU'T	Điểm đầu vào
1	Năm 2019	100	0	19	81	0	1	16
2	Năm 2020	43	1	9	33	0	2	16.5
3	Năm 2021	63	2	13	48	0	0	17
4	Năm 2022	48	4	4	40	0	1	17
	- GD Mầm non	31	3	1	27	0	0	17
	- GD Mầm non - Tiếng Anh	17	1	3	13	0	1	17
5	Năm 2023	114	3	21	71	19	2	17
	- GD Mầm non	75	2	14	47	12	1	17
	- GD Mầm non - Tiếng Anh	39	1	7	24	7	1	17
6	Năm 2024	240	10	36	155	39	5	18
	- GD Mầm non	163	7	29	104	23	1	18
	- GD Mầm non - Tiếng Anh	77	3	7	51	16	4	18

Từ năm 2020, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành duy nhất là Giáo dục Mầm non. Nhà trường luôn nỗ lực duy trì số lượng và chất lượng tuyển sinh trong tình hình khó khăn chung của các trường cao đẳng. Năm 2021, Nhà trường thực hiện đào tạo theo Nghị định 71 (nâng chuẩn trình độ giáo viên mầm non)

theo đặt hàng của Sở GD&ĐT Nam Định. Năm 2022, bên cạnh chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, Nhà trường tuyển sinh thêm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh. Chương trình đào tạo mới đã thu hút được sự quan tâm khá lớn của các thí sinh, thể hiện ở số thí sinh trúng tuyển ngay từ năm tuyển sinh đầu tiên đã đạt khá và tăng lên ở năm tuyển sinh thứ hai. Năm 2024, Nhà trường bắt đầu thực hiện tuyển sinh cao đẳng hình thức vừa làm vừa học với đối tượng thí sinh có trình độ THPT. Hoạt động này đã đáp ứng được nhu cầu thực tế của người học nên đã thu hút được nhiều thí sinh tham gia.

Điểm trúng tuyển đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức điểm thi THPT và học lực đạt loại khá đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức học bạ. Điểm trúng tuyển của thí sinh có xu hướng tăng lên và tăng đột biến vào năm 2023, 2024. Kết quả này đạt được là do những đổi mới trong phương thức tuyển sinh, cách thức tuyên truyền tuyển sinh và chế độ hỗ trợ cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116 của Thủ tướng Chính phủ được Nhà trường phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhanh chóng và kịp thời, tạo điểm nhấn thu hút thí sinh trong tỉnh và tỉnh ngoài đăng ký dự thi.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh đã được Nhà trường quan tâm, chú trọng, đầu tư nguồn lực vật chất và con người, trở thành công việc có nền nếp, phát huy được sức mạnh trí tuệ tập thể. Mọi khâu trong công tác tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời không ngừng được điều chỉnh hoàn thiện qua từng năm, bảo đảm công khai, công bằng, khách quan, đánh giá đúng năng lực thí sinh, đặt quyền lợi của thí sinh lên hàng đầu. Các chính sách ưu tiên, hỗ trợ được thực hiện đầy đủ góp phần cải thiện cơ cấu xã hội trong sinh viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực giáo viên mầm non và nhu cầu học tập của nhân dân địa phương và cả nước, bảo đảm nguồn lực người học có chất lượng, đóng góp cho sự phát triển xã hội

3. Tồn tại

Căn cứ để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường mới chỉ sử dụng số liệu trong báo cáo hằng năm của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Nam Định. Nhà trường chưa thực hiện được việc khảo sát, điều tra trực tiếp nhu cầu xã hội nên chưa xác định được nhu cầu giáo viên mầm non theo từng huyện, thành phố và chưa xây dựng được kế hoạch tuyển sinh có tầm nhìn dài hạn.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh đã đạt được trong công tác tuyển sinh trong những năm qua, bảo đảm thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện lấy ý kiến khảo sát của người học về công tác tuyển sinh để làm cơ sở cho việc đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2. Công khai số liệu thống kê hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Sau giai đoạn đánh giá lần 1, công tác công khai số liệu hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo được Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Việc xét và công nhận tốt nghiệp cuối mỗi khoá học luôn tuân thủ đúng quy chế của hệ đào tạo tương ứng và là công việc của Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được công khai với người học từ đầu khoá học và được nhắc lại trong tuần Sinh hoạt công dân - HSSV hằng năm. Danh sách dự kiến sinh viên được xét tốt nghiệp được gửi lên phần mềm quản lý đào tạo và gửi về các lớp để sinh viên phản hồi. Sau thời gian phản hồi, Hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức họp xét, Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt danh sách tốt nghiệp [H4.4.2.1]. Danh sách sinh viên tốt nghiệp hằng năm được gửi về Bộ GD&ĐT để báo cáo, đề nghị mua phôi bằng, đồng thời niêm yết tại bảng tin của Nhà trường. Việc công khai

thông tin sinh viên tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử được thực hiện từ năm 2018 (<http://27.72.154.180/VanBangTotNghiepSearch.aspx>).

Việc khảo sát thông tin người học có việc làm sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ từ năm 2017 cho đến nay và được xác định là một nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường. Quy trình khảo sát như sau: (1) Căn cứ vào quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường giao phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của sinh viên trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp; (2) Cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau (điện thoại, mạng xã hội, phiếu hỏi...), tổng hợp số liệu; (3) Cập nhật dữ liệu lên hệ thống cơ sở dữ liệu và lập báo cáo gửi Bộ GD&ĐT [H6.6.2.10], đồng thời chuyển số liệu cho Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường để xây dựng Đề án tuyển sinh. Các số liệu thống kê về tình hình việc làm được công khai trong mục 3 công khai trên website của Nhà trường (<https://cdspnd.edu.vn/tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2022/>) và trên cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT.

Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau tốt nghiệp cao, lên tới trên 90%, có việc làm đúng ngành đào tạo cũng lên tới 80% - 90% tùy từng năm.

Các tiêu chí	Năm khảo sát					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp	342/380	191/206	160/167	212/259	66/66	100/106
Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	80,79	79,13	91,62	79,15	80,3	93,0
Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%)	8,95	5,34	4,00	2,70	16,67	7,00

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, tỷ lệ SV tốt nghiệp và tỷ lệ SV sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo khá cao, đặc biệt là ở ngành

Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non. Điều đó đã khẳng định chất lượng, thương hiệu, uy tín của Nhà trường. Việc công khai danh sách sinh viên tốt nghiệp và số liệu SV có việc làm sau khi ra trường thể hiện sự công khai, minh bạch trong công tác đào tạo. Đồng thời, đó là điểm sáng thu hút thí sinh đăng ký dự thi vào trường, là cơ sở để các nhà tuyển dụng tra cứu về người đăng ký dự tuyển làm giáo viên và các trường đại học tra cứu về người đăng ký dự tuyển liên thông lên đại học theo chuyên ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Số liệu thống kê chưa thật đầy đủ và có hệ thống rõ ràng về người tốt nghiệp có việc làm (thu nhập, cơ quan làm việc...), việc khảo sát trên một số kênh chưa thu được hiệu quả mong muốn. Chưa kết hợp được khảo sát việc làm với khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp về công tác đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục duy trì thường xuyên và hiệu quả hơn nữa việc công khai số liệu thống kê hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo. Mở rộng công bố kết quả khảo sát trên các trang mạng xã hội Facebook, Zalo và các bên liên quan để làm cơ sở tham khảo, qua đó làm tăng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường. Thông tin khảo sát cần chi tiết hơn, kết hợp khảo sát việc làm và khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp về công tác đào tạo của Nhà trường. Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3. Tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

1. Mô tả

Công tác tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Các kết quả này được sử dụng trong xác định/điều chỉnh định hướng phát triển các loại hình đào tạo, bồi dưỡng trong tương lai. Hiện nay nhà trường có 02 loại hình: đào tạo dài hạn (hình thức chính quy, vừa làm vừa học) và bồi dưỡng ngắn hạn.

Kết quả đào tạo dài hạn thể hiện ở 04 minh chứng: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, kết quả tốt nghiệp; kết quả thực tập; văn bản giao chỉ tiêu của cơ quan có thẩm quyền và văn bản điều hành của cấp trên.

Về kết quả tốt nghiệp [H4.4.2.1] của cao đẳng chính quy: Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với nhập học đầu khóa cao, đạt trên 80%, riêng năm 2024 đạt trên 90%. Mỗi năm có khoảng 90% sinh viên đạt xếp loại tốt nghiệp từ Khá trở lên, trong đó khoảng 30% tốt nghiệp loại Giỏi và Xuất sắc.

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số SV nhập học đầu khóa	289	213	131	110	33	63
Số SV tốt nghiệp	252	189	113	92	28	58
Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	87,20	88,73	86,26	83,64	84,85	92,06
Phân loại:						
- Xuất sắc (%)	0,79	1,06	1,77	1,20	17,86	25,86
- Giỏi (%)	38,49	41,80	42,48	37,35	14,29	3,45
- Khá (%)	55,16	46,03	48,67	56,63	64,29	70,69
- Trung bình (%)	5,56	11,11	7,08	4,82	3,57	

Kết quả tốt nghiệp của cao đẳng liên thông vừa làm vừa học: 100% học viên xếp loại tốt nghiệp từ Khá trở lên.

Các tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số SV nhập học đầu khóa	17	55	159	38	49
Số SV tốt nghiệp	17	51	155	38	48
Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	100	92,73	97,48	100	97,96
Phân loại:					
- Xuất sắc (%)		1,97	84,52	94,74	95,83
- Giỏi (%)	100	98,03	12,90	2,63	2,08
- Khá (%)			2,58	2,63	2,08

Kết quả tốt nghiệp của trung cấp chuyên nghiệp:

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2022
Số HS nhập học đầu khóa	100	20
Số HS tốt nghiệp	92	12
Tỉ lệ HS tốt nghiệp (%)	92	60
Phân loại:		
- Xuất sắc (%)	3,26	0
- Giỏi (%)	93,48	66,67
- Khá (%)	3,26	25,00
- Trung bình khá (%)	0	8,33

Về kết quả thực tập, kiến tập [H4.4.1.2] của cao đẳng chính quy: Trên 90% sinh viên đạt từ loại Giỏi trở lên.

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Kiến tập sư phạm						
- Giỏi (%)	82,61	83,33	13,79	28,33	90,00	93,00
- Khá (%)	13,04	16,67	27,59	46,67	10,00	7,00
- Trung bình (%)	4,35		58,62	25,00		
2. Thực tập sư phạm lần 1						
- Giỏi (%)	94,33	95,04	90,12	100	93,22	100
- Khá (%)	5,15	4,13	9,88		6,78	
- Trung bình (%)	0,52	0,83				
3. Thực tập sư phạm lần 2						
- Giỏi (%)	99,61	97,40	97,48	100	100	96,43
- Khá (%)	0,39	2,60	2,52			3,57
- Trung bình (%)						

Kết quả thực tập cuối khóa của cao đẳng liên thông vừa làm vừa học: Do học viên cao đẳng liên thông phần lớn đều là giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập hoặc tư thục nên có kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ khá tốt, do đó kết quả thực tập được các cơ sở thực tập đánh giá cao.

Các tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số học viên	51	155	35	48	49
Phân loại:					
- Giỏi (%)	100	96,77	100	100	100
- Khá (%)		3,23			

Kết quả thực tập cuối khóa của trung cấp chuyên nghiệp:

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2022
Tổng số học sinh	92	12
Phân loại:		
- Giỏi (%)	100	100
- Khá (%)	0	0

Về văn bản giao chỉ tiêu của cơ quan có thẩm quyền và văn bản điều hành của cấp trên: Nhà trường là đơn vị có kinh nghiệm, uy tín trong đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và cán bộ quản lý giáo dục cho tỉnh Nam Định và cả nước. Các cấp chính quyền địa phương luôn đánh giá cao và tin tưởng vào chất lượng đào tạo của Nhà trường nên hàng năm đều giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo đề nghị của Nhà trường. Việc xây dựng chỉ tiêu đào tạo hàng năm được đưa vào báo cáo xin chỉ tiêu tuyển sinh gửi Bộ GD&ĐT và kế hoạch đào tạo [H4.4.1.18] để báo cáo các cấp có thẩm quyền là Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch - Đầu tư phê duyệt. Sau khi nhận được văn bản giao chỉ tiêu của Sở GD&ĐT [H9.9.1.3], của Bộ GD&ĐT [H4.4.1.3], Nhà trường bắt đầu triển khai các công tác tuyển sinh, đào tạo.

Nắm bắt từ nhu cầu thực tiễn, được sự cho phép của các cấp có thẩm quyền, Nhà trường triển khai thực hiện đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng chuyên đề theo nhu cầu.

Đến năm học 2021 - 2022, Nhà trường đào tạo giáo viên ở cả 3 cấp học là: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Từ năm học 2022 - 2023 đến nay, Nhà trường còn đào tạo duy nhất ngành Giáo dục Mầm non.

Về chương trình đào tạo, cao đẳng chính quy có 02 chương trình đào tạo là Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh; liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng có 01 chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non; trung cấp chuyên nghiệp có 01 chương trình đào tạo Sư phạm Mầm non. Các chương trình đào tạo của từng ngành, từng loại hình đào tạo được thiết kế một cách có hệ thống, cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bảo đảm liên thông giữa các trình độ, các ngành và các chương trình đào tạo.

Các chương trình đào tạo cũng được bổ sung chỉnh sửa theo định kì để phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Đối với thị trường lao động, việc chỉnh sửa chương trình ngành Giáo dục Mầm non của Nhà trường được thực hiện dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan: ý kiến đóng góp của chuyên gia và giáo viên mầm non; ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV.

Năm 2020, Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non mới. Chương trình đào tạo được xây dựng từ cấp khoa với sự tham gia của các giảng viên, tổ chuyên môn và cán bộ quản lý. Năm 2021, trên cơ sở chương trình đào tạo hiện có, phòng Đào tạo - NCKH làm đầu mối phát triển thêm chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh dựa trên Chương trình làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo kèm theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 do Bộ GD&ĐT ban hành [H4.4.3.1]. Sau khi có bản dự thảo, Nhà trường tổ chức họp Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo và các ban chuyên môn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H3.3.1.9]. Tiếp đó, Nhà trường tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, hội nghị có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục Mầm non, các giáo viên mầm non [H3.3.1.6]. Hội đồng biên soạn tiến hành chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện, nghiệm thu chương trình khung và đề

cương chi tiết các học phần trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình đào tạo [H3.3.2.1], đề cương chi tiết học phần [H3.3.2.2].

Ngoài hoạt động đào tạo được tổ chức xuyên suốt, hàng năm là cao đẳng chính quy và cao đẳng liên thông VLVH, Nhà trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên thông chính quy (năm 2020), trung cấp chính quy (năm 2019) ngành Giáo dục Mầm non. Từ năm 2024, Nhà trường bắt đầu tổ chức đào tạo cao đẳng VLVH với đối tượng tuyển sinh là thí sinh có trình độ THPT, thời gian đào tạo 03 năm. Người học hình thức đào tạo vừa làm vừa học được học cùng chương trình đào tạo, quy chế đào tạo với hình thức đào tạo chính quy nhưng kế hoạch giảng dạy vào cuối tuần.

Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo quy chế đào tạo và các quy định tương ứng với từng khóa tuyển sinh [H4.4.3.2].

Năm tuyển sinh	Quy chế đào tạo
Năm 2016 CĐCQ K38	Quy chế đào tạo cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 376/QĐ-CĐSP ngày 16/9/2013 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định.
Năm 2017, 2018, 2019 - CĐCQ K39, 40, 41 - CĐLT VLVH K13, 14 - TCMN K39, 40, 41	- Quy chế đào tạo cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-CĐSP ngày 27/7/2017 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định. - Quyết định số 255/QĐ-CĐSP ngày 26/8/2019 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định điều chỉnh Quy chế đào tạo cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-

Năm tuyển sinh	Quy chế đào tạo
	BGDĐT ngày 09/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
Năm 2020, 2021, 2022 - CDCQ K42, 43, 44 - CDLT VLVH K15, 16, 17 - CDLT CQ K42	- Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. - Quyết định số 269/QĐ-CĐSP ngày 10/12/2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định ban hành Quy định triển khai Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.
Năm 2023 - CDCQ K45 - CDLT VLVH K18	- Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-CĐSP ngày 28/7/2023. - Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-CĐSP ngày 04/8/2023. - Quy định thực hành sư phạm, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm ngành GD Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 183/QĐ-CĐSP ngày 08/9/2023. - Quy định làm khóa luận cuối khóa ngành GD Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-CĐSP ngày 17/10/2023.
Năm 2024 đến nay - CDCQ K46 - CDLT VLVH K19 - CD VLVH K19	- Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-CĐSP ngày 28/7/2023; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 116 ngày 24/7/2024 của

Năm tuyển sinh	Quy chế đào tạo
	Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định. - Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 117/QĐ-CĐSP ngày 24/7/2024. - Quy định thực hành sư phạm, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm ngành GD Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 183/QĐ-CĐSP ngày 08/9/2023. - Quy định làm khóa luận cuối khóa ngành GD Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-CĐSP ngày 17/10/2023.

Đối với mỗi khóa đào tạo, Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy toàn khóa bám sát mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, gồm kế hoạch 2,5 - 3,0 năm với trình độ cao đẳng hệ chính quy, kế hoạch 2,0 năm với trình độ trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, kế hoạch 1,5 năm đối với trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch năm học, Nhà trường tổ chức xây dựng và ban hành các kế hoạch: khung kế hoạch đào tạo năm học [H4.4.3.3]; kế hoạch hội giảng và hội thi nghiệp vụ sư phạm [H4.4.3.4]; kế hoạch thực tập, kiến tập [H4.4.3.5]... Trên cơ sở khung kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường, các phòng, khoa, trung tâm xây dựng kế hoạch của đơn vị, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H4.4.3.6].

Để triển khai đào tạo, Nhà trường ban hành thông báo chuyên môn theo từng học kỳ hoặc đột xuất khi có diễn biến bất thường xảy ra [H4.4.3.7], làm cơ sở để xây dựng thời khóa biểu [H4.4.3.8] và phân công chuyên môn [H4.4.3.6].

Từ năm học 2023 - 2024, căn cứ vào Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, Nhà trường lập Hội đồng và tổ chức xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học một cách công khai, minh bạch, công bằng, đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và học phần

[H3.3.5.1; H3.3.5.2]. Người học đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học khác được công nhận kết quả học tập và tín chỉ đã tích lũy, được miễn học và miễn thi các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của Nhà trường. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người học và là một trong những điểm nhấn thu hút thí sinh đăng kí xét tuyển vào trường.

Bên cạnh công tác đào tạo, công tác bồi dưỡng cũng là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường với 02 hoạt động là bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và bồi dưỡng theo nhu cầu của địa phương.

Về bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, Nhà trường thực hiện chương trình bồi dưỡng theo Thông tư số 28/2014/TT-BGDĐT ngày 26/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về việc bồi dưỡng và cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục [H4.4.3.9]. Trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục từ khóa 75 đến khóa 85 [H4.4.3.10].

TT	Khóa	Năm hoàn thành	Số học viên		
			Tổng	Phổ thông	Mầm non
1	K75	2019	55	29	26
2	K76	2019	24	11	13
3	K77	2019	27	17	10
4	K78	2020	36	15	21
5	K79	2020	44	22	22
6	K80	2020	28	11	17
7	K81	2021	23	17	6
8	K82	2021	28	21	7
9	K83	2021	33	14	19
10	K84	2022	30	17	13
11	K85	2022	48	27	21
	Tổng		376	201	175

Sau khi hoàn thành bồi dưỡng khóa 85, Nhà trường tạm dừng công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục theo Quyết định số 1496/QĐ-BGDĐT ngày 07/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc dừng bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục [H4.4.3.11].

Về bồi dưỡng theo nhu cầu của địa phương, Nhà trường thực hiện bồi dưỡng chuyên đề cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non theo nhu cầu của phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện trong tỉnh, có huyện đặt hàng tới 04 chuyên đề [H4.4.3.12]. Các chuyên đề bồi dưỡng có nội dung về phương pháp giáo dục Montessori và STEM/STEAM, chuyển đổi số... dựa trên tài liệu bồi dưỡng, chương trình chi tiết đã được Nhà trường xây dựng, thẩm định và ban hành [H7.7.4.7].

TT	Thời gian	Địa điểm	Số học viên		
			Tổng	Cán bộ quản lý	Giáo viên
	<i>Năm 2021</i>		36	25	11
1	21, 22/12/2021	Vụ Bản	36	25	11
	<i>Năm 2022</i>		232	73	159
1	28, 29/6/2022	Nam Trực	150	52	98
2	27, 28/9/2022	Vụ Bản	82	21	61
	<i>Năm 2023</i>		239	74	165
1	20, 21/4/2023	Mỹ Lộc	33	11	22
2	14, 15/8/2023	Xuân Trường	55	21	34
3	21, 22/8/2023	Xuân Trường	151	42	109
	<i>Năm 2024</i>		1.093	487	606
1	22, 23/3/2024	Xuân Trường	109	13	96
2	28, 29/3/2024	Giao Thủy	110	22	88
3	12, 13/4/2024	Hải Hậu	154	80	74
4	07,08,09/8/2024	Trực Ninh	126	91	35
5	07,08,09/8/2024	Trực Ninh	126	91	35
6	19,20,21/8/2024	Vụ Bản	72	30	42

7	19,20,21/8/2024	Vụ Bản	72	30	42
8	22,23/8/2024	Xuân Trường	172	46	126
9	26,27/10/2024	Ý Yên	152	84	68
	Tổng		1.600	659	941

2. Điểm mạnh

Căn cứ trên thực tế nhu cầu xã hội cần số lượng lớn đội ngũ giáo viên mầm non và mong muốn được đào tạo, bồi dưỡng của người học..., Nhà trường đã chú trọng đến việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng với các hình thức đa dạng. Ngoài hình thức đào tạo chính quy, Nhà trường tổ chức đào tạo hình thức vừa làm vừa học, liên thông vừa làm vừa học; bồi dưỡng theo nhu cầu của địa phương. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo được phát triển thêm trên cơ sở chương trình đào tạo hiện có với mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình phù hợp với khung năng lực quốc gia Việt Nam. Công tác tổ chức và điều hành đào tạo được thực hiện theo các chương trình đào tạo đã được ban hành, tuân thủ các quy định, quy chế đào tạo, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, nhu cầu của người học và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Tồn tại

Việc khảo sát nhà tuyển dụng về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học và việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về chương trình đào tạo chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn tới, Nhà trường tiếp tục phát huy thế mạnh về chất lượng đào tạo của Nhà trường, phát triển đội ngũ giảng viên chuyên ngành mầm non để có bước phát triển tiếp theo. Đồng thời, Nhà trường nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và triển khai định kì việc khảo sát nhà tuyển dụng về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học và lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về chương trình đào tạo để làm cơ sở điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học và nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4. Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

1. Mô tả

Luôn nhận thức chất lượng đào tạo là vấn đề then chốt, sau giai đoạn đánh giá trường lần 1, chủ trương đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường [H1.1.1.4].

Để hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp dạy học, trong những năm qua, Nhà trường chú trọng cải tạo, đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để nâng cao chất lượng dạy và học [H8.8.1.2; H8.8.1.3; H8.8.2.2; H8.8.2.5; H8.8.4.1]. Phần mềm quản lý đào tạo do công ty phần mềm Thiên An cung cấp từ năm 2012 vẫn được Nhà trường duy trì sử dụng và phát huy hiệu quả. Toàn bộ khu phòng làm việc, khu giảng đường và ký túc xá SV đã được lắp đặt hệ thống mạng wifi. Đầu tư mới phòng học đa năng, trang bị 41 máy tính, một số thiết bị phụ kiện phục vụ cho đào tạo trực tiếp và trực tuyến. Cải tạo và bổ sung trang thiết bị tại 02 phòng Nghiệp vụ Mầm non, 01 phòng thực hành Vệ sinh - Dinh dưỡng, 01 phòng Nghiệp vụ Mỹ thuật, 01 phòng Nghiệp vụ Tiếng Anh phục vụ cho công tác giảng dạy và rèn nghiệp vụ cho SV. Trang thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống các phòng thực hành giúp giảng viên và SV ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học, đổi mới phương pháp dạy và học, nhất là giai đoạn diễn ra dịch bệnh Covid-19 trước đây và hiện nay là kỉ nguyên chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường. Đó là những tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, góp phần hình thành năng lực số cho người học.

Đặc biệt, để nâng cao chất lượng đội ngũ phục vụ cho đào tạo ngành GD Mầm non, việc cử giảng viên tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo... nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện. Trong giai đoạn vừa qua, Nhà trường đã cử giảng viên tham gia các khóa tập huấn chương trình giáo dục phổ thông, tập huấn phương pháp giáo dục

Montessori, STEM; tham dự hội thảo quốc gia, quốc tế, liên trường; 01 giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành SP Lịch sử và 02 giảng viên hoàn thành văn bằng 2 Đại học ngành Giáo dục Mầm non; 01 giảng viên đang học Thạc sĩ ngành Giáo dục Mầm non [H5.5.1.5; H5.5.2.1-3].

Với sự tạo điều kiện của Nhà trường về cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ, giảng viên luôn coi đổi mới phương pháp dạy học là hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên. Kết quả của việc đổi mới đó được thể hiện ở các đợt hội giảng hàng năm, dự giờ sinh hoạt chuyên môn; các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, hội thảo các cấp về đổi mới phương pháp dạy học.

Hoạt động cử giảng viên tham gia dạy thực tế ở trường phổ thông và dự giờ sinh hoạt chuyên môn được tiến hành thường xuyên trong cả năm học, góp phần rất lớn trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên. Sau tiết dạy, các khoa và bộ môn tiến hành sinh hoạt chuyên môn, dự giờ góp ý cho các giảng viên về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học... [H4.4.4.1]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức hội giảng cho giảng viên vào dịp kỉ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, thu hút đông đảo giảng viên tham gia [H4.4.4.2]. Thông qua hoạt động này, giảng viên có cơ hội báo cáo kết quả đổi mới phương pháp dạy học của bản thân trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, các phương pháp giáo dục tiên tiến vào bài giảng; từ đó giúp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người dạy, cung cấp các phương pháp dạy học và giáo dục mới cho người học.

Để phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của SV, giảng viên đã đổi mới cả phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Về đổi mới phương pháp dạy học: giảng viên đa dạng hóa các phương pháp dạy học khi lên lớp, hạn chế thuyết trình, tăng cường thảo luận, thực hành, buộc tất cả SV phải làm việc tích cực trước và trong giờ học; giảng viên công bố chương trình chi tiết học phần cho SV, trong đó có hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn, giáo trình, tài liệu tham khảo, hình thức thi [H3.3.2.2]. Về đổi mới phương đánh giá kết quả học tập của người học: cải tiến

và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá, khuyến khích xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi mở [H4.4.3.7; H7.7.1.4].

Nhà trường có định hướng rõ ràng trong công tác nghiên cứu khoa học, ưu tiên các nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy - học, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức các hội thảo ở cấp khoa, cấp trường về đổi mới phương pháp dạy và học. Cán bộ giảng viên có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm nhằm làm rõ cơ sở khoa học của việc đổi mới phương pháp và đề xuất những biện pháp cụ thể, do đó các nghiên cứu này thường có tính ứng dụng rõ nét. Việc tổ chức nghiệm thu đề tài nghiêm túc vừa là khẳng định những đóng góp của đề tài, vừa là phổ biến, nhân rộng kết quả của đề tài. Từ 2019 đến 2024, Nhà trường đã tổ chức thành công 02 hội thảo cấp khoa, 03 hội thảo cấp trường; có 07 bài báo quốc tế, 142 bài đăng tạp chí trong nước, 79 bài hội thảo quốc gia, quốc tế và liên trường; 28 đề tài NCKH các cấp; 30 sáng kiến kinh nghiệm, 39 tài liệu giảng dạy; 91 tài liệu bồi dưỡng; tác giả, đồng tác giả 28 đầu sách [H7.7.1.3].

Để tăng tính thực hành trong quá trình đào tạo, Nhà trường mở rộng mạng lưới cơ sở thực tập từ năm học 2021 - 2022, bên cạnh các trường mầm non công lập còn tổ chức thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Thông tư 02/2020/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT [H4.4.4.3] hoặc áp dụng các phương pháp giáo dục mới hoặc có yếu tố tiếng Anh. Địa bàn thực tập cũng tập trung tại khu vực thành phố và các huyện lân cận thành phố giúp sinh viên đi lại thuận tiện hơn [H4.4.4.4]. Từ kết quả của Hội thảo “Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non thực hành” được tổ chức vào tháng 4/2023, Nhà trường xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành nghiệp vụ mầm non. Ngay từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường đã lựa chọn Trường Mầm non tư thục Hoa Sữa để đưa SV xuống thực hành thường xuyên trong các buổi học Rèn nghiệp vụ, đến năm học 2024 - 2025, mạng lưới cơ sở thực hành được mở rộng thêm 02 cơ sở là Trường Mầm non số 4 và Lớp

Mầm non độc lập Happy School [H4.4.4.5]. Để tạo điều kiện cho SV và cơ sở thực hành, phù hợp với đặc thù hoạt động của giáo dục mầm non, thời khóa biểu được thay đổi theo hướng học xen kẽ sáng, chiều giữa các khóa học: khóa 43, 45 học chính khóa vào buổi sáng; khóa 44 học chính khóa vào buổi chiều [H4.4.3.8].

Nhà trường cũng tổ chức cho SV đi học tập trải nghiệm tại các cơ sở giáo dục mầm non chất lượng cao tại Hà Nội, Quảng Ninh... tiếp cận với các phương pháp giáo dục tiên tiến trong giáo dục mầm non, đồng thời giúp SV có cơ hội học hỏi và trải nghiệm cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm [H4.4.4.6].

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, các trường học ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam và Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định đã lựa chọn đào tạo trực tuyến là một trong những giải pháp tối ưu nhằm bảo đảm an toàn sức khỏe và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, đào tạo trực tuyến khi đó mới chỉ ở mức độ kết nối trực tuyến trên nền tảng các ứng dụng họp trực tuyến và Internet, chưa làm thay đổi căn bản phương pháp học tập. Dù vậy, việc thay đổi hình thức dạy học cũng đặt ra yêu cầu đối với giảng viên phải đổi mới phương pháp dạy học, lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

Kết quả của việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên tạo thêm động lực thúc đẩy giảng viên đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá [H4.4.5.7]. Sinh viên đánh giá cao chất lượng giảng viên với trên 90% giảng viên xếp loại A, có năm học đạt 100% giảng viên xếp loại A. Đây là minh chứng rõ ràng khẳng định năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, hiệu quả đổi mới phương pháp dạy và học của giảng viên.

Năm học	Tổng số GV	Kết quả ý kiến phản hồi của người học			
		Loại A		Loại B	
		Số GV	Tỉ lệ %	Số GV	Tỉ lệ %
2018 - 2019	98	91	92.85	7	7.15

2019 - 2020	96	94	97.91	2	2.09
2020 - 2021	86	86	100	0	0
2021 - 2022	76	69	90.79	7	9.21
2022 - 2023	63	61	96.82	2	3.18
2023 - 2024	65	64	98.46	1	1.54

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, quan tâm đầu tư nguồn lực vật chất và con người cho công tác giảng dạy; các giảng viên có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, luôn có ý thức học hỏi để nâng cao năng lực chuyên môn, làm chủ khoa học công nghệ, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, góp phần nâng cao kết quả học tập, sự chủ động sáng tạo người học, nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

3. Tồn tại

Hiệu quả của việc đổi mới phương pháp dạy học chưa thực sự rõ ràng. Hệ thống phòng học đang có dấu hiệu xuống cấp. Các đồ dùng dạy học tại các phòng thực hành nghiệp vụ mới đảm bảo ở mức tối thiểu, chưa có nhiều đồ dùng phục vụ cho việc giảng dạy các phương pháp giáo dục hiện đại. Số lượng giảng viên được cử đi tập huấn, bồi dưỡng phương pháp giáo dục mới chưa nhiều. Nhà trường chưa thành lập được cơ sở mầm non thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm học tới, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch, lộ trình đẩy mạnh số hóa bài giảng, thúc đẩy giảng viên tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, trong đó có xây dựng các bài giảng E-learning cho các học phần. Tăng cường cử giảng viên tham gia các khóa tập huấn chuyên môn để tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới, học chuyển đổi sang ngành Giáo dục Mầm non. Đồng thời, khuyến khích và hỗ trợ SV làm tiểu luận, bài tập nhóm, nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cũng như kỹ năng làm việc nhóm.

Tiếp tục đề xuất các cấp có thẩm quyền đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống phòng học, bổ sung đồ dùng dạy học, các bộ giáo cụ dạy học theo phương pháp giáo dục mới; thành lập cơ sở mầm non thực hành để tạo môi trường cho sinh viên được thực hành nghề nghiệp thường xuyên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đổi mới theo từng giai đoạn học tập, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, thực hiện đúng mục tiêu đào tạo của ngành học. Các khâu đánh giá, ra đề, coi thi, chấm thi, phúc khảo đều tuân thủ nghiêm túc quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của nhà trường.

Các quy chế đào tạo là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc đánh giá được khách quan, nghiêm túc. Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện Quy chế 43 về đào tạo theo hình thức tín chỉ và Thông tư 57 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư 24, Thông tư 57... Các quy chế đó được cụ thể hoá bằng các văn bản như quyết định triển khai, ban hành quy chế đào tạo và được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H4.4.5.1-2]. Hệ thống các văn bản phục vụ cho công tác tuyển sinh theo đặc thù môn học như hướng dẫn, ban hành quy chế thi năng khiếu, chọn lựa môn thi năng khiếu... được cải thiện, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất việc đánh giá thí sinh, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đánh giá khi sinh viên vào học tại trường. [H4.4.1.12].

Tất cả đề cương chi tiết học phần đều có quy định về việc đánh giá người học, trong đó có quy định hình thức kiểm tra đánh giá theo đặc thù của từng học phần, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng và phù hợp nhất với đặc thù môn học [H3.3.2.2]. Đề cương chi tiết của các học phần trong chương trình đào tạo đều được các khoa, tổ, bộ môn thống nhất, hoàn thiện và đề xuất hình thức kiểm

tra, đánh giá. Tỷ lệ của các hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối học phần đảm bảo được sự khách quan, công bằng, phù hợp đặc thù học phần và có sự thay đổi, chỉnh sửa cho phù hợp; đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào hình thức thi, kiểm tra đánh giá được thống nhất trong đề cương chi tiết từ khoa, bộ môn; bộ phận khảo thí tổ chức kiểm tra đánh giá theo đúng yêu cầu. Các chương trình đã dừng đào tạo như SP Văn GDCD, SP Toán Tin, SP Tiếng Anh, Giáo dục thể chất... đều có sự phù hợp giữa hình thức thi với chương trình, thay đổi cho phù hợp. Ví dụ ngành SP Ngữ văn, ở chương trình SP Văn GDCD K39 hình thức thi tự luận đã có sự thay đổi từ 80,36% xuống còn 44,56%, hình thức vấn đáp - thực hành từ 3,356% giảm còn 1,79%... Hay ngành Giáo dục Tiểu học, từ chương trình K39 đánh giá theo hình thức tự luận là 59,19% đã tăng lên 63,26%. Với ngành Giáo dục mầm non, các khóa đào tạo có sự thay đổi linh hoạt về hình thức đánh giá, từ khóa K39 đến khóa K42, các hình thức cơ bản gồm tự luận, vấn đáp, thực hành, vấn đáp - thực hành, đánh giá thực tế, khóa luận thì từ K43 đã có thêm hình thức trắc nghiệm - tự luận chiếm 10,88% và Trắc nghiệm - thực hành chiếm 2,17% để đảm bảo đánh giá hợp lý, xác đáng. K44 tiếp tục duy trì hai hình thức này, loại bỏ hình thức vấn đáp.

Chương trình đào tạo/ Hình thức đánh giá	Tự luận	Thực hành	Vấn đáp	Vấn đáp - Thực hành	Đánh giá thực tế	Thu hoạch, khóa luận	Trắc nghiệm - Tự luận	Trắc nghiệm - Thực hành
Giáo dục Mầm non K 39	68,68%	9,81%	5,88%	1,96%	11,76%	1,96%		
Giáo dục Mầm non K 40	62%	14%	8%	4%	12%			
Giáo dục Mầm non K 41	68%	8%	8%	2%	2%	12%		
Giáo dục Mầm non K 42	67,39%	10,88%	6,52%	6,52%	6,52%	2,17%		
Giáo dục Mầm non K 43	45,65%	15,22%		17,39%	6,52%	2,17%	10,88%	2,17%
Giáo dục Mầm non K 44	46,67%	15,56%		17,78%	6,67%		11,11%	2,22%
Giáo dục Mầm non Tiếng Anh K 44	51,02%	12,24%	6,12%	14,29%	4,08%		10,21%	

Bảng thống kê tỉ lệ hình thức thi, đánh giá học phần ngành Giáo dục mầm non

Các quy định về coi thi, chấm thi, làm điểm, báo và lưu điểm được công khai, linh hoạt theo từng thời kì để đảm bảo đúng tiến độ, công bằng, khách quan. Nội quy thi được phổ biến rộng rãi đến toàn thể giảng viên, sinh viên; bảo đảm mỗi cán bộ giảng viên đều thực hiện nghiêm túc, khách quan việc đánh giá,

coi, chấm thi; sinh viên thực hiện các hoạt động đánh giá học phần một cách nghiêm túc. Kế hoạch tổ chức các kì thi bảo đảm công bằng, đúng tiến độ, bố trí giám sát, thanh tra đảm bảo thi nghiêm túc đối với mọi phòng thi, được công khai trên website của nhà trường. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời cho người học theo đúng quy định. Các khiếu nại về kết quả đánh giá được giải quyết kịp thời và công khai. Các quy định về tổ chức thi được ban hành, sửa đổi theo tình hình thực tế của nhà trường. Tháng 1 năm 2021, nhà trường ban hành *Quy định thi học phần và chấm khóa luận* [H4.4.5.3] nhằm hướng dẫn cụ thể, chi tiết về công tác tổ chức thi, hướng dẫn chấm khóa luận. Ngay cuối năm đó, do ảnh hưởng của dịch Covid, nhà trường đã ban hành *Quy định thi học phần theo hình thức trực tuyến* [H4.4.5.4] để thay đổi linh hoạt hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên, đảm bảo đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng. Năm 2023, nhà trường tiếp tục có sự thay đổi, chỉnh sửa, ban hành *Quy định làm khóa luận cuối khóa ngành Giáo dục Mầm non* và *Quy định thi học phần* [H4.4.5.5-6] để hướng dẫn cụ thể, chi tiết cán bộ giảng viên và sinh viên trong việc thực hiện tổ chức kiểm tra, đánh giá, bảo vệ khóa luận cuối khóa.

Để đảm bảo cho công tác đánh giá, kiểm tra được công bằng, khách quan; nhà trường đã tiến hành xây dựng các quỹ đề của chương trình đào tạo Giáo dục mầm non mới. Việc xây dựng, quản lí, sử dụng quỹ đề thi kết thúc học phần được hướng dẫn cụ thể, chi tiết trong văn bản *Quy định xây dựng, quản lí và sử dụng quỹ đề thi kết thúc học phần* [H4.4.5.10] nhằm đảm bảo căn cứ tốt nhất cho việc xây dựng quỹ đề. Việc thành lập hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu quỹ đề thi kết thúc học phần được thực hiện nghiêm túc, cẩn trọng [H4.4.5.8]. Kết quả, năm học 2024-2025 nhà trường đã có 04 quỹ đề thi kết thúc học phần mới được đưa vào sử dụng, đảm bảo tính khách quan, công bằng trong đánh giá. [H4.4.5.9].

Công tác thi được điều chỉnh trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học, người dạy qua hội nghị đối thoại sinh viên, hội nghị viên chức hàng năm, các đợt lấy ý kiến phản hồi. Việc kiểm tra đánh giá sau mỗi học kì, mỗi năm học, cuối khóa học nhận được ý kiến phản hồi tích cực từ người học về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố [H4.4.5.7].

Các tiêu chí	Khóa 42	Khóa 43	Khóa 44
Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm	86,67%	84,48%	97,92%

tra đánh giá môn học			
Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp	90%	84,48%	93,75%
Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học và được thông báo cho sinh viên trước khi bắt đầu môn học.	86,67%	84,48%	95,83%
Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời tới sinh viên.	86,67%	86,21%	93,75%

Bảng: Tỷ lệ của đánh giá **Tốt** của sinh viên CĐCQ về việc kiểm tra đánh giá

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết, thay đổi linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, công bằng.

3. Tồn tại

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đánh giá người học còn một số hạn chế nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đánh giá người học. Hoạt động này được thực hiện từng năm.

Xây dựng ngân hàng đề thi để việc đánh giá đảm bảo khách quan, nghiêm túc hơn. Hoạt động này thực hiện trong các năm học.

5. Đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chí 4.6. Đảm bảo an toàn, chính xác trong lưu trữ kết quả học tập của người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã bảo đảm an toàn, chính xác trong lưu trữ kết quả học tập của người học theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT. Các kết quả học tập của người học bao gồm: kết quả tuyển sinh đầu vào, điểm thành phần của các học phần, điểm thi, bảng điểm học phần, điểm thực tập, kiến tập, kết quả tốt nghiệp.

Điểm trúng tuyển, danh sách SV trúng tuyển, danh sách SV trúng tuyển nhập học từng khóa tuyển sinh được lưu trữ trong hồ sơ tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.1.13].

Kết quả học tập của người học được lưu trữ bằng cả bản cứng (hệ thống sổ sách) và bản mềm. Sổ theo dõi giờ lên lớp của giảng viên và bảng điểm thành phần trước đây được lưu giữ tại khoa Giáo dục Mầm non và hiện nay được lưu giữ tại phòng Đào tạo - NCKH [H4.4.6.1]; điểm thi và bài thi được lưu giữ tại Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục [H4.4.6.2]; bảng điểm học phần được lưu giữ tại cả 02 đơn vị trên [H4.4.6.3]. Công tác chấm thi các học phần có hình thức thi tự luận được thực hiện tập trung tại Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục. Công tác chấm thi các học phần vấn đáp, thực hành được thực hiện tại địa điểm thi, sau buổi thi, giảng viên nộp kết quả thi về Trung tâm [H4.4.6.4].

Ngoài lưu giữ bản cứng, các đầu điểm được các đơn vị lưu giữ nhập lên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường: điểm thành phần do khoa Giáo dục Mầm non nhập, điểm thi do Trung tâm nhập, điểm học phần thực tập, kiến tập do phòng Đào tạo - NCKH nhập. Phòng Đào tạo - NCKH là đơn vị theo dõi và quản lý điểm toàn trường. Từ năm 2024, điểm thành phần do phòng Đào tạo - NCKH nhập. Sau khi gửi điểm lên hệ thống và xuất bảng điểm học phần cuối cùng, điểm trên hệ thống được khóa lại để tránh bị chỉnh sửa. Điều này bảo đảm sự chính xác trong lưu trữ kết quả của người học. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đã bảo đảm tính bảo mật và các dữ liệu đào tạo thường xuyên được backup, các dữ liệu học tập của SV được lưu giữ tại ổ cứng để tránh việc khi server hỏng, các dữ liệu kết quả học tập không bị mất. Với phần mềm này, sinh viên được cấp tài khoản cá nhân để tra cứu kết quả học tập đã tích lũy một cách thuận tiện, nhanh chóng, chính xác [H4.4.6.5].

Không xảy ra tình trạng thất lạc điểm của người học. Sai sót trong nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo không đáng kể và đã được điều chỉnh kịp thời với sự thống nhất của các bên liên quan trước khi trích xuất bảng điểm chính thức.

Việc lưu trữ văn bằng chứng chỉ và hệ thống sổ sách lưu trữ việc cấp phát văn bằng chứng chỉ được tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H4.4.6.6]. Hệ thống sổ sách lưu trữ việc cấp phát văn bằng chứng chỉ bao gồm: Quyết định phê duyệt danh sách tốt nghiệp và phê duyệt danh sách hoàn thành khóa học [H4.4.2.1; H4.4.3.10], bảng điểm toàn khóa [H4.4.6.7], sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ [H4.4.6.8]. Các văn bản trên và các văn bằng chứng chỉ chưa phát cho sinh viên được quản lý một cách an toàn, hệ thống và khoa học; giữ trong két sắt đảm bảo độ an toàn cao. Không xảy ra thất lạc về văn bằng chứng chỉ, sổ sách lưu giữ điểm và sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ của người học.

Kết quả của người học được lưu trữ đầy đủ và khoa học nên công tác cấp lại bảng điểm và giấy chứng nhận tốt nghiệp cho người học sau khi ra trường (do thất lạc bảng điểm, bằng tốt nghiệp) thuận lợi; việc phối hợp với các cơ quan điều tra, tuyển dụng trong việc xác minh văn bằng chứng chỉ được nhanh chóng, chính xác [H4.4.6.9; H4.4.6.10].

2. Điểm mạnh

Cán bộ phụ trách quản lý điểm và văn bằng, chứng chỉ có ý thức trách nhiệm cao, làm việc cẩn trọng, tỉ mỉ với quy trình khoa học, nghiêm ngặt và sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo, kết quả học tập của người học được lưu trữ chính xác, đầy đủ, khoa học, an toàn từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo và tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Việc lưu trữ kết học tập của người học trên phần mềm mới chỉ được thực hiện ở đào tạo cao đẳng chính quy từ năm 2012, cao đẳng vừa làm vừa học từ năm 2023 đến nay, các khóa học trước đó và các hệ đào tạo khác chưa có trên phần mềm nên việc tra cứu, tìm kiếm kết quả học tập đối với các khóa và hệ đào tạo này đó chưa được nhanh chóng, thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Từng bước thực hiện số hóa, cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo kết quả học tập của người học của các khóa và các hệ đào tạo mới chỉ lưu trữ bản cứng mà chưa có trên phần mềm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7. Kết quả người học được thông báo kịp thời. Văn bằng chứng chỉ học tập được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường thực hiện việc thông báo kết quả học tập kịp thời đến người học. Kết quả đánh giá thường xuyên và định kỳ được giảng viên công bố cho SV trước khi thi kết thúc học phần và chuyển cho giáo vụ khoa để nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo, SV có thời gian xem và phản hồi tới giảng viên nếu có sai sót trước khi thi 01 tuần.

Việc tổ chức thi, chấm, nhập điểm lên phần mềm và công bố kết quả thi kết thúc học phần được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo và quy định về việc tổ chức thi của trường. Đối với việc công bố điểm thi kết thúc học phần, điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm. Đối với các hình thức thi tự luận, điểm thi phải được công bố cho người học sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong học phần đó. SV tra cứu điểm học phần trên phần mềm quản lý đào tạo [H4.4.7.1].

Mọi thắc mắc của người học về kết quả thi đều được giải đáp thông qua Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục. Quy trình giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định về việc tổ chức thi hiện hành.

Sau khi người học tích lũy đủ số học phần và tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo, phòng Đào tạo - NCKH sẽ trích xuất các thông tin bao gồm: thông tin cá nhân của sinh viên, dữ liệu điểm tất cả các học phần, điểm trung bình tích lũy, dự kiến xếp hạng tốt nghiệp và gửi cho sinh viên rà soát, kiểm tra thông tin, phản hồi trong thời gian theo quy định của quy chế đào tạo.

Khi khoá học kết thúc, toàn bộ điểm thi và kết quả học tập được in thành bảng điểm toàn khóa, bảng điểm cá nhân để cấp cho người học [H4.4.6.7].

Các văn bằng chứng chỉ học tập của người học được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Đây là khâu cuối của quá trình đào tạo, được thực hiện sau khi có các quyết định phê duyệt danh sách tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình môn học, chương trình bồi dưỡng. Việc cấp văn bằng chứng chỉ có ý nghĩa đặc biệt đối với người học trong tuyển dụng nên cũng dễ nảy sinh những vấn đề phức tạp. Bởi vậy, công việc này phải được tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ GD&ĐT về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ [H4.4.6.6]. Nhà trường có cán bộ phụ trách văn bằng chứng chỉ thuộc phòng Đào tạo - NCKH. Sau khi có kết quả xét tốt nghiệp và xét hoàn thành chương trình học, Nhà trường ban hành Quyết định phê duyệt danh sách tốt nghiệp và danh sách hoàn thành khóa học [H4.4.2.1; H4.4.3.10]. Tiếp đó, Nhà trường làm thủ tục đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phát phôi [H4.4.7.2]; in, cấp phát văn bằng chứng chỉ theo sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ. Từ năm 2023, Nhà trường in chứng chỉ môn học Giáo dục thể chất theo quy định để cấp cho người học. Ngoài văn bằng chứng chỉ, Nhà trường còn cấp giấy chứng nhận hoàn thành các chương trình bồi dưỡng [H4.4.6.8]. Tình trạng sai sót trong khâu in văn bằng chứng chỉ rất ít, khi xảy ra được xử lý kịp thời theo đúng quy định. Từ năm 2019 đến năm 2024, in sai thông tin trên phôi văn bằng chứng chỉ và phải hủy bỏ phôi là 07 phôi (phôi bằng là 05, phôi chứng chỉ là 02); in sai thông tin số hiệu bằng tốt nghiệp là 51 trường hợp [H4.4.7.3]. Thông tin sinh viên tốt nghiệp được công bố công khai trên trang thông tin điện tử (<http://27.72.154.180/VanBangTotNghiepSearch.aspx>).

SV trực tiếp nhận bằng tốt nghiệp tại trường; những trường hợp nhận thay cần trình giấy ủy quyền của SV tốt nghiệp, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi cư trú [H4.4.7.4]. Trường hợp người học có nhu cầu được xác nhận tốt nghiệp trong thời gian chờ cấp bằng tốt nghiệp, Nhà trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời [H4.4.7.5].

Do đó, trong khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường, sinh viên đánh giá kết quả học tập được Nhà trường thông báo kịp thời với gần 90% sinh viên đánh giá tốt [H4.4.9.2]. Trong Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hàng năm, sinh viên cũng không có câu hỏi, kiến nghị nào về thời gian công bố kết quả học tập và cách thức cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Nhà trường [H1.1.2.2].

2. Điểm mạnh

Với cách thức quản lý khoa học trong công tác tổ chức đào tạo, kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, văn bằng chứng chỉ được cấp theo đúng quy định và được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Không xảy ra sai sót, khiếu kiện trong việc cấp phát văn bằng chứng chỉ.

3. Tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo đôi khi còn bị lỗi dẫn tới việc SV không đăng nhập được tài khoản. Ngay khi nhận được thông tin phản ánh của SV, cán bộ phụ trách đã xử lý ngay nên SV nhanh chóng đăng nhập được tài khoản và tra cứu kết quả học tập kịp thời. Ngoài ra, một số SV chưa thường xuyên theo dõi kết quả học tập của bản thân trên phần mềm. Vẫn còn tình trạng sai sót trong khâu in văn bằng chứng chỉ nhưng rất ít.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, để bảo đảm quyền lợi cho SV, Nhà trường tiếp tục làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm tiến hành bảo dưỡng, rà soát chỉnh sửa và nâng cấp phần mềm. Đồng thời quán triệt SV cần chủ động hơn trong việc theo dõi kết quả học tập trên phần mềm, nghiêm túc thực hiện mỗi khi nhận được yêu cầu rà soát thông tin từ Nhà trường; yêu cầu bộ phận phụ trách văn bằng chứng chỉ nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện in văn bằng chứng chỉ để tránh những sai sót không đáng có xảy ra.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.8. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp đầy đủ và chính xác.

Hoạt động đào tạo là một quá trình có hệ thống với sự tham gia của nhiều bộ phận liên quan, cơ sở dữ liệu của hoạt động đào tạo đảm bảo sự vận hành của quá trình đó. Mỗi thành phần tham gia hoạt động đào tạo đều có trách nhiệm xây dựng, quản lý và lưu trữ dữ liệu về hoạt động của mình.

TT	Đơn vị quản lý	Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo
1	Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	- Cơ sở dữ liệu tuyển sinh: danh sách thí sinh, điểm trúng tuyển, quyết định và danh sách trúng tuyển, quyết định và danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học. - Chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết học phần. - Quy chế, quy định về tổ chức đào tạo. - Kế hoạch đào tạo năm học; kế hoạch và hồ sơ tổ chức các hoạt động đào tạo: hội giảng và nghiệp vụ sư phạm, thực tập, kiến tập, nghiên cứu khoa học sinh viên... - Văn bản điều hành đào tạo: thông báo chuyên môn, thời khóa biểu, sơ đồ phòng học, quyết định phân nhóm thực hành... - Bảng điểm học phần. - Quyết định và danh sách SV tốt nghiệp. - Bảng điểm toàn khóa. - Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ, văn bằng chứng

TT	Đơn vị quản lý	Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo
		chỉ chưa phát cho người học. - Hồ sơ các lớp bồi dưỡng.
2	Trung tâm Khảo thí, Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	- Quy chế, quy định về tổ chức thi. - Kế hoạch và hồ sơ tổ chức các kỳ thi. - Điểm thi học phần. - Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học.
3	Phòng Tổ chức - Hành chính	- Kế hoạch năm học của các đơn vị và Nhà trường. - Quy chế, quy định về công tác HSSV. - Hồ sơ nhập học và hồ sơ tốt nghiệp của HSSV. - Hồ sơ xin bảo lưu, thôi học và đi học lại. - Hồ sơ đánh giá và kết quả rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật. - Chế độ chính sách với người học. - Khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp.
4	Khoa Giáo dục Mầm non	- Kế hoạch năm học của đơn vị. - Hồ sơ chuyên môn của tổ bộ môn và cá nhân: Phân công chuyên môn, đề cương chi tiết học phần, tài liệu giảng dạy. - Sổ theo dõi giờ lên lớp. - Bảng điểm thành phần. - Hồ sơ học tập trải nghiệm.
5	Khoa Bồi dưỡng Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục	- Kế hoạch năm học của đơn vị. - Hồ sơ chuyên môn của tổ bộ môn và cá nhân: Phân công chuyên môn, đề cương chi tiết học phần, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên đề bồi dưỡng. - Hồ sơ các lớp bồi dưỡng.
6	Khoa Ngoại ngữ -	- Kế hoạch năm học của đơn vị.

TT	Đơn vị quản lý	Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo
	Tin học	- Hồ sơ chuyên môn của tổ bộ môn và cá nhân: Phân công chuyên môn, đề cương chi tiết học phần, tài liệu giảng dạy.

Bên cạnh hệ thống sổ sách và văn bản thống kê về hoạt động đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo hiện nay đã tích hợp các nguồn dữ liệu đầu vào của người học với quá trình đào tạo, quá trình rèn luyện, xét tốt nghiệp, danh sách tốt nghiệp [H4.4.7.1]. Nguồn cơ sở dữ liệu được đồng bộ hóa đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức đào tạo và quản lý người học của Nhà trường. Để hỗ trợ tốt hơn cho người học, các quy chế, quy định về hoạt động đào tạo, kế hoạch giảng dạy toàn khóa được công khai trên website Nhà trường (<https://cdspnd.edu.vn/category/dao-tao/van-ban-dao-tao/>, <https://cdspnd.edu.vn/category/dao-tao/ke-hoach-dao-tao/>). Đề cương chi tiết học phần được giảng viên thông tin đến người học khi bắt đầu học kỳ mới.

Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp do phòng Tổ chức - Hành chính tiến hành khảo sát và quản lý bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp hằng năm. Hình thức khảo sát khá đa dạng. Khảo sát bằng gọi điện trực tiếp cho cựu sinh viên, sử dụng mạng lưới cựu lớp trưởng và zalo nhóm lớp là những hình thức khảo sát chủ yếu bởi thực tế đã cho thấy các hình thức khảo sát này rất nhanh chóng và hiệu quả. Từ năm 2024, sinh viên cao đẳng chính quy được hưởng chính sách hỗ trợ tiền học phí và chi phí sinh hoạt trong thời gian học tại trường cần phải nộp Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành giáo dục về trường trước ngày 15/12 hàng năm [H4.4.8.1]. Đây là 1 kênh khảo sát việc làm rất hiệu quả và có độ tin cậy cao. Bên cạnh đó, Ban liên lạc Hội cựu học viên, học sinh, sinh viên được thành lập và xây dựng mạng lưới cựu sinh viên từ năm 2018 [H4.4.8.2], các Fanpage Đoàn thanh niên, Hội sinh viên là cầu nối, cập nhật thông tin liên lạc của SV, góp phần bổ sung thông tin cho công tác khảo sát của Nhà trường.

Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, Nhà trường nhập dữ liệu lên hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ GD&ĐT (<https://hemis-cms.moet.gov.vn/hocvien/hv-thong-tin->

việc-lam), báo cáo bằng văn bản về Bộ GD&ĐT [H6.6.2.10]. Thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Năm tốt nghiệp	Tên ngành	Số SV tốt nghiệp	Số người được khảo sát	Số người trả lời	Tỉ lệ % có việc làm trên tổng số SV trả lời	Tỉ lệ % có việc làm trên tổng số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ % chưa có việc làm
2019	Giáo dục Mầm non	105	105	101	93,07	89,52	6,67
	Giáo dục Tiểu học	112	112	107	96,26	91,96	3,57
	Sư phạm Ngữ văn	33	33	30	76,67	69,70	21,21
	Sư phạm Tiếng Anh	20	20	16	100	80,00	
	Sư phạm Toán học	18	18	17	100	94,44	
	Sư phạm Mầm non	92	92	92	96,74	96,74	2,17
	<i>Tổng</i>	<i>380</i>	<i>380</i>	<i>363</i>	<i>94,21</i>	<i>90,00</i>	<i>5,26</i>
2020	Giáo dục Mầm non	73	73	71	94,37	91,78	5,48
	Giáo dục Tiểu học	94	94	90	96,67	92,55	3,19
	Sư phạm Ngữ văn	5	5	5	100	100	
	Sư phạm Tiếng Anh	11	11	11	90,91	90,91	9,09
	Sư phạm Toán học	6	6	6	83,33	83,33	16,67
	Giáo dục Mầm non	17	17	17	100	100	
	<i>Tổng</i>	<i>206</i>	<i>206</i>	<i>200</i>	<i>95,50</i>	<i>93,10</i>	<i>4,37</i>
2021	Giáo dục Mầm non	94	94	94	96,81	96,81	3,19
	Giáo dục Tiểu học	58	58	58	94,83	94,83	5,17
	Sư phạm Tiếng Anh	9	9	9	100	100	
	Sư phạm Toán học	4	4	4	100	100	
	Giáo dục Thể chất	1	1	1			100

Năm tốt nghiệp	Tên ngành	Số SV tốt nghiệp	Số người được khảo sát	Số người trả lời	Tỉ lệ % có việc làm trên tổng số SV trả lời	Tỉ lệ % có việc làm trên tổng số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ % chưa có việc làm
	Sư phạm Âm nhạc	1	1	1	100	100	
	<i>Tổng</i>	167	167	167	95,81	95,81	4,19
2022	Giáo dục Mầm non	164	164	164	100	100	
	Sư phạm Âm nhạc	1	1	1	100	100	
	Sư phạm Tiếng Anh	15	15	15	100	100	
	Sư phạm Ngữ văn	2	2	2	50,00	50,00	50,00
	Sư phạm Lịch sử	2	2	2	100	100	
	Sư phạm mầm non	12	12	11	36,36	33,33	58,33
	Giáo dục Tiểu học	47	47	47	97,87	97,87	0,00
	Giáo dục Mầm non	16	16	16	93,75	93,75	6,25
	<i>Tổng</i>	259	259	258	96,12	95,75	3,47
2023	Giáo dục Mầm non	66	66	66	96,97	96,97	3,03
2024	Giáo dục Mầm non	106	106	106	94,34	94,34	5,60
	Tổng cộng	1184	1184	1160	95,26	93,39	4,56

2. Điểm mạnh

Trường đã có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo tương đối đồng bộ, đầy đủ, liên tục được bổ sung hằng năm và được lưu giữ an toàn, bảo mật đúng quy định, đảm bảo cho hoạt động đào tạo diễn ra đúng kế hoạch. Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp đầy đủ theo quy định.

3. Tồn tại

Cơ sở dữ liệu người học chưa kết nối với tài chính và thư viện trên phần mềm. Hoạt động của Hội Cựu sinh viên trong việc kết nối cựu người học để cập

nhật tình hình việc làm và hỗ trợ giới thiệu việc làm chưa được hiệu quả như mong muốn. Chưa khảo sát được thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Với việc đồng bộ được cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý trong những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo, công tác quản lý của Nhà trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đầu tư nâng cấp phần mềm, tăng cường kết nối với cựu SV, tiến tới thu thập thông tin về thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.9. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Để xác định được những mặt mạnh và hạn chế trong chương trình đào tạo nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế của xã hội, Nhà trường quan tâm tới việc đánh giá chất lượng đào tạo. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, cải tiến công tác phục vụ đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Việc đánh giá chất lượng đào tạo được thực hiện thông qua: khảo sát ý kiến sinh viên đang học về chất lượng đào tạo của Nhà trường; khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và tổng hợp ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động.

Thực hiện góp ý của Hội đồng đánh giá ngoài chu kỳ trước, Nhà trường đã tổ chức khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy, sau 3 năm học tập tại trường, sinh viên đều đánh giá tốt về chất lượng đào tạo của Nhà trường, hầu hết chỉ tiêu được trên 80 - 90% sinh viên đánh giá tốt [H4.4.9.1], [H4.4.5.7]. Về cơ bản, chương trình đào tạo được đánh giá phù hợp giữa nội dung và mục tiêu đào tạo; mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; tỉ lệ phân bố hợp lí giữa lí thuyết và thực hành; kế hoạch đào tạo

logic, mềm dẻo, tạo điều kiện cho sinh viên; cung cấp đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết. Đội ngũ giảng viên được đánh giá có trình độ chuyên môn và phương pháp dạy học tốt; có khả năng hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên tự học. Đa số sinh viên đánh giá tốt về công tác tổ chức và quản lý đào tạo, kiểm tra đánh giá, công tác tài chính... của Nhà trường. Được đánh giá tốt với tỉ lệ thấp nhất là các chỉ tiêu về cơ sở vật chất nhưng tỉ lệ đang có xu hướng tăng dần từ năm 2023 đến năm 2024. Điều này xuất phát từ thực tế cơ sở vật chất Nhà trường trong thời gian gần đây đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa có nguồn lực để đầu tư, cải tạo, sửa chữa.

Ngoài ra, Nhà trường đã tiến hành 2 đợt khảo sát vào năm 2023 và năm 2024 về công tác đào tạo thông qua 2 bài báo hội thảo khoa học [H4.4.9.1; H7.7.1.4].

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý	
	Năm 2023	Năm 2024
Về chương trình đào tạo	< 80%	> 80%
Về hoạt động giảng dạy, kiểm tra	> 70%	< 80%
Về nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ	> 70%	> 70%
Về đánh giá chung về kết quả đào tạo	< 80%	< 80%

Về chương trình đào tạo, đa phần sinh viên đánh giá chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Về hoạt động giảng dạy, kiểm tra, hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức cao, có trình độ chuyên môn tốt, đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực sinh viên. Về nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ, cơ bản đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập và rèn luyện của sinh viên. Tuy nhiên, một số SV nhận thấy thư viện và kho học liệu số chưa đáp ứng nhu cầu, một số SV chưa tự tin về việc sử dụng kỹ năng ngoại ngữ, một số trang thiết bị phục vụ thực hành còn thiếu, chưa có nhiều các hoạt động thực hành và hoạt động ngoại khóa để hỗ trợ cho SV học tập và nghiên cứu...

Trong Hội nghị đối thoại HSSV giữa lãnh đạo trường và người học, sinh viên cũng rất quan tâm tới chất lượng đào tạo của Nhà trường. Các câu hỏi của sinh viên liên quan đến các mặt hoạt động, trong đó chủ yếu đưa ra những kiến nghị, đề xuất giúp Nhà trường làm rõ hơn thực trạng cách thức tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo, kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất... để từ đó có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học [H1.1.2.2].

Từ kết quả khảo sát cựu người học về tình hình việc làm cho thấy: sinh viên ra trường có việc làm đúng ngành đào tạo và liên quan đến ngành đào tạo khá cao (trên 80%) là minh chứng cho thấy các đơn vị sử dụng lao động tin tưởng và đánh giá cao chất lượng đào tạo giáo viên của Nhà trường. Ngoài chuyên môn vững vàng, SV còn cả khả năng thích ứng cao khi làm việc ở cả khu vực nhà nước và tư nhân, có tỷ lệ nhất định SV ngành GD Mầm non tự tạo việc làm [H6.6.2.10].

Phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động được tiến hành bằng cách tổng hợp ý kiến trong báo cáo tổng kết thực tập của các cơ sở giáo dục mầm non; ý kiến của các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên trong các hội thảo, hội nghị, hội đồng thẩm định và xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo.

Về kết quả thực tập, đa phần sinh viên được đánh giá ở mức điểm Giỏi [H4.4.1.2]. Tổng hợp ý kiến trong báo cáo tổng kết thực tập của các cơ sở giáo dục mầm non cho thấy: Đa số các đơn vị tuyển dụng được trao đổi đánh giá khá cao về chuyên môn nghiệp vụ của cựu người học, đặc biệt là về việc mức độ nắm vững kiến thức, mức độ thành thạo phương pháp dạy học, khả năng cập nhật kiến thức và những phương pháp dạy học mới, thái độ nghề nghiệp và mức độ tạo hứng thú cho người học. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục mầm non góp ý cho Nhà trường cần cập nhật các phương pháp giáo dục mới trong giáo dục mầm non; mở rộng mạng lưới các cơ sở thực tập để tăng tính trải nghiệm và môi trường khác nhau cho sinh viên sau khi ra trường, thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành chăm sóc và giáo dục trực tiếp trên trẻ mầm non; đặc biệt với sự giao thoa giáo dục toàn cầu hóa như hiện nay các phương pháp giáo dục tiên tiến và các kỹ năng mềm cần được trang bị cho sinh viên nhiều hơn nữa.

Ngoài việc bồi dưỡng các phương pháp giáo dục mới, cần tăng cường tập huấn kỹ năng mềm cho SV để sau khi SV ra trường có thể giao tiếp, ứng xử với phụ huynh, với trẻ; biết cách sáng tạo tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, tổ chức các sự kiện tại lớp cho trẻ mầm non [H4.4.9.2].

Ý kiến của các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên trong các hội thảo, hội nghị, hội đồng thẩm định và xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo như: ý kiến của cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về chuẩn đầu ra của chương trình và khung chương trình đào tạo [H3.3.1.6]; ý kiến góp ý về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non của cán bộ quản lý toàn thể giảng viên khoa Tiểu học - Mầm non [H3.3.1.7]; ý kiến thẩm định chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh trình độ cao đẳng chính quy [H3.3.6.2]; bài viết và ý kiến phát biểu trong các hội thảo khoa học [H7.7.1.4].

Căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, các đơn vị tuyển dụng và Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, thực hiện việc cải tiến công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể:

Đối với công tác tuyển sinh: Nhà trường đã xây dựng các nhóm Zalo tư vấn tuyển sinh. Tổ chức cho thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển online hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện, tổ chức thi năng khiếu online [H4.4.1.10-12]. Điều này đã tạo điều kiện cho thí sinh ở xa có thể dễ dàng nộp hồ sơ đăng ký, thi tuyển, đặc biệt phát huy hiệu quả trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.

Đối với chương trình đào tạo: Nhà trường đã có sự điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, trong đó đã cập nhật và đề cương chi tiết học phần một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới là: Montessori, STEM... Phát triển thêm chương trình đào tạo GD Mầm non - Tiếng Anh từ khóa 44. Trong quá trình tổ chức triển khai, các chương trình đào tạo được cập nhật, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy cho phù hợp [H3.3.2.1-2].

Tổ chức đào tạo được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế. Điều chỉnh kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non theo hướng rút ngắn thời gian đào tạo từ 03 năm xuống 2,5 năm, áp dụng từ khóa 43 [H4.4.3.3]. Kết hợp xen kẽ thời khóa biểu học chính khóa của các khóa đào tạo vào buổi sáng và buổi chiều [H4.4.3.8]. Hình thức đào tạo thay đổi linh hoạt giữa trực tiếp với trực tuyến trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra và hiện nay là trong đào tạo hình thức VLVH. Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cũng được thay đổi cho phù hợp. Phần mềm quản lý đào tạo cũng được cập nhật, chỉnh sửa để khắc phục các lỗi phát sinh.

Về thực hành, thực tập, trải nghiệm, Nhà trường mở rộng mạng lưới cơ sở thực tập, đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục mầm non, bước đầu xây dựng mạng lưới cơ sở mầm non thực hành. Nhà trường đã lựa chọn các cơ sở giáo dục mầm non có chất lượng giáo dục tốt, được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc áp dụng các phương pháp giáo dục mới hoặc có yếu tố tiếng Anh để đưa SV về thực hành, thực tập, trải nghiệm. [H4.4.4.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã quan tâm, tiến hành khảo sát SV sau tốt nghiệp các ngành, các trình độ về chương trình đào tạo, bước đầu lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường. Các ý kiến phản hồi được tiếp thu nghiêm túc, có chọn lọc để làm cơ sở điều chỉnh hoạt động của Nhà trường trong những năm qua với rất nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt như: rút ngắn thời gian đào tạo, phát triển thêm chương trình đào tạo, bước đầu xây dựng mạng lưới cơ sở mầm non thực hành...

3. Tồn tại

Việc khảo sát SV sau tốt nghiệp các ngành, các trình độ về chương trình đào tạo, lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường chưa được đưa vào kế hoạch nên chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục. Số lượng nhà tuyển dụng được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo sinh viên chưa nhiều.

Chưa xây dựng được kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo do định hướng phát triển trong tương lai của Nhà trường chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường để có thể đánh giá chất lượng đào tạo một cách khoa học, toàn diện, thường xuyên.

Tổ chức các chuyên đề tập huấn kỹ năng mềm cho cán bộ, giảng viên và SV trong trường như: tin học; ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp với phụ huynh và trẻ; thực hành phòng, tránh tai nạn thương tích; thực hành kỹ năng thoát hiểm trong tình huống khẩn cấp...

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận tiêu chuẩn 4

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định là đơn vị có uy tín, giàu truyền thống và thành tích trong đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên mầm non nói riêng. Phạm vi tuyển sinh đến nay đã mở rộng trên cả nước. Hoạt động đào tạo luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, do vậy, Nhà trường đã tập trung chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả việc nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo từ công tác tuyển sinh đến công tác tổ chức, quản lý đào tạo, tổ chức thi và kiểm tra đánh giá, công nhận tốt nghiệp; bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, công bằng, khách quan và không ngừng đổi mới để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024, hoạt động đào tạo của Nhà trường đã đạt được những bước tiến vượt bậc. Tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia đánh giá ngoài giai đoạn 1, các hoạt động đào tạo được cải tiến, triển khai cụ thể, sáng tạo, khoa học, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng và công khai theo quy định. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động đào tạo của Nhà trường vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới, đặc biệt là các nội dung ở tiêu chí 4.9. Do đó, trong số 09 tiêu chí của tiêu chuẩn, có 08 tiêu chí đạt và 01 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 4.9).

Cơ sở vật chất của Nhà trường được chú trọng, phần mềm quản lý đào tạo đã thực hiện việc tích hợp giữa quản lý điểm và quản lý sinh viên, đồng bộ các cơ sở dữ liệu cá nhân từ tuyển sinh, đào tạo, thi. Việc quản lý dữ liệu SV tốt nghiệp đã được bổ sung, cập nhật theo góp ý của chuyên gia.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ phát huy thế mạnh hiện có, khắc phục hạn chế còn tồn tại, tiếp tục chú trọng bồi dưỡng giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học; tiếp tục điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tiếp tục đổi mới công tác khảo sát các bên liên quan để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả Ban liên lạc Hội cựu SV để thu thập thông tin người học sau tốt nghiệp, kết nối, giới thiệu việc làm, là cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

Tiêu chuẩn 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Trường CDSP Nam Định có đội ngũ CBQL, CBGV và nhân viên đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững; thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Nhà nước. Nhà trường có chủ trương và các biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho đội ngũ CBGV, nhân viên trong trường nhằm đảm bảo phát huy tốt nhất năng lực của đội ngũ; đảm bảo thực hiện hiệu quả nhất các mục tiêu đề ra, xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 5.1. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường cao đẳng

1. Mô tả

CBQL, giảng viên và nhân viên [H5.5.1.1] thực hiện tốt nghĩa vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng, Luật lao động, Luật cán bộ công chức, Luật viên chức [H5.5.1.2].

Nhà trường đã rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy và đang xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNV, xác định vị trí việc làm trong toàn trường: Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường, cấp trưởng, phó đơn vị và trung tâm, giảng viên, công nhân viên. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các bản mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí, làm căn cứ để giao nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân. Hàng năm, việc đánh giá năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức như đánh giá xếp loại viên chức, giảng viên, Đảng viên, kết quả thi đua hàng năm và lấy ý kiến người học [H5.5.1.3], [H4.4.5.7]. Thông qua những hình thức này, nhà trường đã đánh giá đúng về năng lực chuyên môn, trách nhiệm, việc thực

hiện nhiệm vụ của các cá nhân và đơn vị. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm cho thấy tỉ lệ lớn cán bộ, giảng viên, nhân viên hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (trung bình trên 90% trong 3 năm gần nhất, trong đó tỉ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt từ 15-20%), tỉ lệ hoàn thành nhiệm vụ chiếm khoảng 5-8%, rất ít trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ (từ 1-2%), thể hiện sự nỗ lực và đóng góp tích cực của đội ngũ vào sự phát triển chung của Nhà trường.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, bám sát vị trí việc làm và bản mô tả công việc được phê duyệt để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các mặt công tác được giao phụ trách. Các phòng khoa, trung tâm là những đơn vị tham mưu giúp cho Ban giám hiệu thực hiện công việc theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị [H5.5.1.4].

Đội ngũ giảng viên được sắp xếp làm việc theo đúng sự phân công, đó là được bố trí giảng dạy phù hợp với chuyên môn theo kế hoạch và định mức giờ chuẩn quy định, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được nêu trong bản mô tả công việc của giảng viên (bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, tham gia công tác chủ nhiệm, cố vấn học tập, các hoạt động phục vụ cộng đồng và công tác khác theo phân công), được học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng như tham gia bồi dưỡng các lớp về chính trị, ngoại khóa, được khuyến khích tham gia NCKH ứng dụng vào thực tế giảng dạy và quản lý [H5.5.1.5].

Đội ngũ nhân viên được quyền làm việc theo đúng sự phân công, luôn hoàn thành tốt công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại bản mô tả công việc của từng vị trí, đảm bảo các hoạt động hành chính, phục vụ, hỗ trợ diễn ra thông suốt, hiệu quả; được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H5.5.2.1].

CBGV, công nhân viên nhà trường được hưởng đầy đủ, kịp thời các chế độ: chế độ phụ cấp ưu đãi, chế độ phụ cấp thâm niên, chế độ phụ cấp độc hại, được xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, được tham quan, nghỉ mát vào các dịp hè, tham gia các hoạt động VHVN - TDDT do nhà trường và các cấp ngành tổ chức [H5.5.5.1] [H2.2.8.5].

Hàng năm nhà trường phối hợp với công đoàn tổ chức hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động. Tại hội nghị, tất cả các hoạt động của

nhà trường trong năm học được báo cáo công khai, Công đoàn trường có bản tổng hợp các ý kiến đóng góp và trả lời của các cá nhân, đơn vị. Nghị quyết của hội nghị trở thành văn bản pháp lý để thực hiện [H5.5.1.6].

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện và môi trường dân chủ để CBGV, nhân viên đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch công tác của trường như các cuộc họp giao ban tháng, khảo sát kế hoạch đầu năm ở các đơn vị, hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động [H1.1.2.1]. Hàng tuần, nhà trường đều có lịch công tác đăng trên website và bảng tin để toàn thể CBGV, công nhân viên nắm được [H5.5.1.7].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên nhà trường có năng lực chuyên môn tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của vị trí việc làm và bản mô tả công việc. Các chế độ chính sách được nhà trường thực hiện đầy đủ, đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho CBGV, nhân viên trong nhà trường.

3. Tồn tại

Một bộ phận nhỏ CBGV, nhân viên chưa có tinh thần tự giác cao trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định và yêu cầu của bản mô tả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc CBGV, công nhân viên thực hiện tốt hơn các nghĩa vụ theo quy định, đặc biệt là các nhiệm vụ gắn với vị trí việc làm và bản mô tả công việc cụ thể, để nâng cao chất lượng phục vụ và giảng dạy.

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc CBGV, công nhân viên thực hiện tốt hơn các nghĩa vụ theo quy định để nâng cao chất lượng phục vụ và giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ở ngoài nước; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng và đang triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2030, trong đó xác định rõ các mục tiêu trọng tâm về nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học, chuẩn hóa các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, năng lực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Quy hoạch này là cơ sở định hướng cho công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Trong công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ của CBGV, nhân viên: hàng năm nhà trường lập kế hoạch chi tiết trình Sở GD&ĐT, khuyến khích CBGV, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là các giảng viên trẻ. Ngoài ra, nhà trường còn thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, quản lý giáo dục, kiến thức quốc phòng - an ninh.

Song song với việc cử CBGV đi học tập, nhà trường còn phối hợp mở các lớp bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ cho giảng viên và cán bộ phòng ban; một mặt phục vụ trực tiếp cho công tác theo yêu cầu mới, một mặt chuẩn bị tốt cho việc bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên [H5.5.1.5]. Để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sát với thực tiễn và nhu cầu phát triển của từng cá nhân cũng như yêu cầu của đơn vị và Nhà trường, định kỳ hàng năm (thường vào cuối năm học), Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của toàn thể CBGV, nhân viên thông qua phiếu khảo sát trực tuyến/trực tiếp và tổng hợp ý kiến đề xuất từ các đơn vị. Kết quả khảo sát là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho năm học tiếp theo, lựa chọn nội dung, hình thức và đối tượng ưu tiên.

Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ CBQL và giảng

viên tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học văn bằng hai cũng như có quy định khen thưởng, hỗ trợ các công trình NCKH [H5.5.2.1]. Ngoài chính sách hỗ trợ của tỉnh, nhà trường tạo điều kiện về thời gian và có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBQL và giảng viên tham gia các hoạt động nâng cao trình độ chuyên môn. CBGV đi học sau đại học diện không tập trung được giảm 50% định mức giảng dạy, đi học nghiên cứu sinh được giảm 50% định mức giảng dạy còn được hỗ trợ kinh phí bằng việc bảo vệ các đề tài khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu. Ngoài ra, nhà trường quy định chế độ khen thưởng, lấy kết quả NCKH làm tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm [H2.2.9.2]. Về kinh phí, hàng năm, Nhà trường bố trí nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp khác cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Mức chi thực tế cho hoạt động này trong giai đoạn 2018-2023 được phân bổ hàng năm theo kế hoạch và khả năng ngân sách của nhà trường, thể hiện sự ưu tiên và đầu tư cho việc phát triển năng lực đội ngũ.

Số lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ cán bộ quản lý, sư phạm, tin học dành cho cán bộ, giảng viên trong trường cho đến hiện nay là 1 lớp với sự tham gia của 78 lượt cán bộ, giảng viên [H5.5.2.4].

2. Điểm mạnh

Trường có chủ trương, kế hoạch chiến lược, quy hoạch rõ ràng và tạo điều kiện để giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu của người học.

Ngoài chính sách hỗ trợ của tỉnh, của ngành giáo dục; nhà trường còn xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, có chính sách hỗ trợ riêng về tài chính và thời gian để cán bộ có điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Kế hoạch nhân lực thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu chiến lược và quy hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2018-2025.

3. Tồn tại

Mặc dù đã có sự đầu tư, chế độ hỗ trợ tài chính của nhà trường đối với

một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là các khóa đào tạo chuyên sâu, dài hạn còn chưa cao, chưa thực sự đáp ứng được đầy đủ nguyện vọng và nhu cầu phát triển của một bộ phận CBGV.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tăng cường nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ, đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong nước để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong quy hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2018-2025, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình sinh viên/giảng viên

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng đội ngũ giảng viên phù hợp với điều kiện thực tế cụ thể. Hiện nay, tổng số viên chức, người lao động nhà trường là 95 người, trong đó có 77 giảng viên gồm 3 tiến sĩ (3,89% 71 thạc sĩ (90,9%), 3 cử nhân (3,89%); 1 giảng viên đang theo học sau đại học chuyên ngành 2 [H1.1.1.8]. Nhà trường có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và NCKH của trường. CTĐT, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và đã được Hội đồng khoa học nhà trường nghiệm thu [H5.5.3.1]. Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm là nguồn lực quan trọng để thực hiện tốt chương trình giáo dục và NCKH trong những năm qua [H5.5.1.1].

Cơ cấu đội ngũ giáo viên ở các bộ môn tương đối hợp lý, phù hợp với cơ cấu và quy mô đào tạo của nhà trường hiện nay. Ở các khoa, bộ môn vừa có những giáo viên có thâm niên công tác, giàu kinh nghiệm vừa có đội ngũ giáo viên trẻ kế cận. Tính đến ngày 30/12/2024, tỷ lệ giáo viên có độ tuổi dưới 40 là 68% (52/77).

Trung bình tỉ lệ HSSV trong 5 năm gần đây của nhà trường là 5 HSSV/giảng viên, đảm bảo đúng quy định Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT trên cơ sở xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên một cách hợp lí.

Bảng thống kê chuyên ngành đào tạo theo từng khóa						
Ngành Đào tạo	Khóa 41	Khóa 42	Khóa 43	Khóa 44	Khóa 45	Khóa 46
Giáo dục Mầm non	16	32	57	48	78	240
Tổng cộng:						

Bảng thống kê trình độ giảng viên theo từng chuyên ngành được đào tạo				
STT	Chuyên ngành được đào tạo	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Toán	0	5	1
2	Lý	1	0	0
3	Hóa	0	6	0
4	Sinh	0	3	0
5	Tin học	0	3	0
6	Kỹ thuật	1	2	0
7	Văn	1	10	0
8	Sử	0	2	0
9	Địa	0	3	0
10	Ngoại Ngữ	0	4	0
11	Giáo dục Tiểu học	0	1	0
12	Giáo dục Mầm non	0	2	0
13	Tâm lý giáo dục	0	6	0
14	Lý luận chính trị	0	7	0
15	Giáo dục thể chất	0	5	2
16	Âm nhạc	0	3	0
17	Mỹ thuật	0	4	0
18	Quản lý	0	3	0
	Tổng cộng:	3	71	3

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên có năng lực chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục và

NCKH đạt chất lượng cao, đồng thời thường xuyên được bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và luôn được trẻ hóa.

Đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyển dụng, giảm tỉ lệ người học/giảng viên theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Các chế độ chính sách được nhà trường thực hiện đầy đủ, đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho CBGV, nhân viên nhà trường.

3. Tồn tại

Ý thức của một số ít CBGV chưa cao, chưa nghiêm túc trong thực hiện các quy định của ngành, của trường, giờ giấc làm việc chưa đảm bảo.

Công tác kiểm tra giám sát thực hiện nhiệm vụ của CBGV, nhân viên trong nhà trường chưa thường xuyên và chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm học tới, nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện hiệu quả hơn nữa các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế cận nhằm nâng cao trình độ giảng viên có trình độ sau đại học, đặc biệt là giảng viên có chuyên ngành Giáo dục mầm non.

Tuyên truyền, nâng cao ý thức của CBGV, nhân viên. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra để nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo theo đúng quy định tại điều 54 Luật Giáo dục [H1.1.1.1], điều 19 Điều lệ trường cao đẳng là “tiêu chuẩn của giảng viên trường cao đẳng tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp đại học” [H2.2.1.1]; chú trọng phẩm chất đạo đức, tư tưởng, trình độ chuyên môn nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất

lượng cao cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh cũng như của xã hội. Hiện nay, tổng số viên chức, người lao động nhà trường là 95 người, trong đó có 77 giảng viên gồm 3 tiến sĩ (3,89%) 71 thạc sĩ (90,9%), 3 cử nhân (3,89%); 1 giảng viên đang theo học sau đại học chuyên ngành 2 [H5.5.3.1]. Nhà trường có 3 khoa với nhiệm vụ đào tạo mã ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng và tiến hành bồi dưỡng nhà giáo và CBQL giáo dục. 100% giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo và đảm bảo cơ cấu chuyên môn hợp lý, trong đó đều đảm bảo 100% tỉ lệ giảng viên cơ hữu cho CTĐT. Tuy nhiên, do Luật giáo dục 2019 có quy định mới về trình độ lên nhà trường chỉ còn đào tạo một ngành Giáo dục Mầm non.

Về trình độ tin học: 03 giảng viên là giảng viên tin học có trình độ thạc sĩ, 35 giảng viên có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, 7 giảng viên có trình độ B trở lên [H5.5.4.1]. Theo thống kê 100% giảng viên có khả năng sử dụng tin học để khai thác thông tin trên mạng phục vụ chuyên môn, soạn bài giảng điện tử và có khả năng soạn thảo các văn bản thông thường. Kết quả này chứng tỏ khả năng sử dụng tin học của giảng viên đáp ứng được yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

Về trình độ ngoại ngữ: 04 giảng viên là giảng viên ngoại ngữ có trình độ thạc sĩ, 05 giảng viên khác có văn bằng 2 trình độ đại học, 68 giảng viên đều có trình độ B trở lên [H5.5.4.2]. Khả năng sử dụng ngoại ngữ của giảng viên vào công tác chuyên môn được đáp ứng và vận dụng vào thực tế giảng dạy như giảng dạy các môn tự nhiên bằng tiếng Anh tại các trường phổ thông.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên có kế hoạch xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Đội ngũ giảng viên trẻ có trình độ và năng lực hàng năm được tăng lên về số lượng và chất lượng đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có chính sách ưu tiên kinh phí cho các hoạt động chuyên môn để khuyến khích CBGV tham gia.

3. Tồn tại

Một số giảng viên còn hạn chế ở kỹ năng sử dụng ngoại ngữ khi giao tiếp.

4. Kế hoạch hành động

Lập kế hoạch, biện pháp nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên. Chú ý nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Tính đến tháng 12/2024, tổng số giảng viên trong toàn trường là 77 người. Trong đó, giảng viên cơ hữu trực tiếp giảng dạy là 77 người; giảng viên kiêm nhiệm là CBQL là 15 người; giảng viên nữ là 58 người (chiếm tỉ lệ 75%). Về độ tuổi: dưới 30 tuổi có 12 giảng viên (chiếm tỉ lệ 11%); từ 31 tuổi đến 40 tuổi có 71 giảng viên (chiếm tỉ lệ 63%); từ 41 tuổi đến 50 tuổi có 19 giảng viên (chiếm tỉ lệ 17%); từ 51 tuổi đến 60 có 10 giảng viên (chiếm tỉ lệ 9%) [H5.5.3.1].

Đội ngũ giảng viên trẻ của nhà trường chiếm 63% trên tổng số giảng viên, đây là một thế mạnh của nhà trường. Đội ngũ giảng viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, đúng chuyên ngành đào tạo, có sức trẻ, sự nhiệt huyết, năng động, có khả năng NCKH và ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác giảng dạy.

Giảng viên trên 50 tuổi chiếm tỉ lệ 9%. Đây là số giảng viên có thâm niên nghề nghiệp cao và là số giảng viên đầu đàn, được đào tạo chuẩn, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đa số giảng viên CĐSP chính (hạng II) hiện đang làm công tác quản lý và giữ cương vị chủ chốt, lãnh đạo chuyên môn trong trường.

BẢNG THỐNG KÊ THÂM NIÊN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN				
	Trên 30 năm	Từ 20 - 29 năm	Từ 10 - 19 năm	Dưới 10 năm
Năm 2018	2	2	37	38

Năm 2019	2	1	52	24
Năm 2020	2	2	62	17
Năm 2021	0	8	59	11
Năm 2022	0	12	57	8
Năm 2023	0	19	51	7
Năm 2024	0	19	51	7

[H5.5.5.1].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, thâm niên công tác; là chỗ dựa vững chắc cho công tác đào tạo cũng như việc hướng dẫn các giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và hoạt động chuyên môn.

Số giảng viên trẻ chiếm tỉ lệ cao; đây là đội ngũ được đào tạo tốt, có năng lực, nhiệt huyết, có trình độ, có khả năng phát triển.

3. Tồn tại

Các giảng viên trẻ giàu nhiệt huyết nhưng kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều nên giờ dạy nhiều khi chưa tạo được sức hút đối với sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường trao đổi kinh nghiệm chuyên môn giữa các thể hệ thông qua hội thảo chuyên đề.

Tiếp tục cử giảng viên trẻ tham gia dự giờ, thâm nhập thực tế tại các cơ sở thực hành, thực tập và các cơ sở giáo dục khác.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Tính đến tháng 12 năm 2024, trường CĐSP Nam Định có 18 cán bộ kỹ thuật, nhân viên, cán bộ hành chính trong đó có 02 nhân viên kỹ thuật, 02 kỹ sư. Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, cán bộ hành chính được bố trí làm việc tại các phòng, giáo vụ các khoa và các phòng thực hành. Nhiệm vụ của đội ngũ cán

bộ hành chính, nhân viên, kỹ thuật viên được gắn với công việc hỗ trợ phục vụ và được phân công cụ thể theo Đề án vị trí việc làm [H5.5.6.1].

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nhân viên, cán bộ hành chính tuổi đời còn trẻ (trung bình dưới 40 tuổi), kỹ năng tốt, sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính phục vụ công tác. Đội ngũ cán bộ hành chính ngoài công việc được giao trong phòng, ban, khoa còn là đội ngũ hỗ trợ thường xuyên cho CBGV sử dụng trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy và NCKH.

Cùng với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên, nhà trường cũng rất quan tâm tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ cán bộ hành chính được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ. Hàng năm, nhà trường tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ, với tổng mức kinh phí đã chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này trong giai đoạn 2018-2024 được bố trí hàng năm theo kế hoạch và khả năng ngân sách của nhà trường; cán bộ hành chính được tham gia bồi dưỡng về công tác quản lý hành chính. Hàng năm nhà trường đều cử 02 cán bộ tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ văn thư lưu trữ do các đơn vị cấp trên tổ chức. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tham gia các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy [H8.8.8.3], [H8.8.8.4], [H8.8.8.5].

Nhà trường đã trang bị phần mềm quản lý học sinh sinh viên do công ty phần mềm Thiên An cung cấp, phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học đã phối hợp với các chuyên gia tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và giáo viên khoa cách thức sử dụng phần mềm như module quản lý điểm, quản lý điểm rèn luyện, tổ chức thi; tập huấn cho cán bộ sử dụng module tra cứu dữ liệu trực tuyến... Bên cạnh đó, nhà trường còn khuyến khích cho cán bộ đi học các chương trình sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước. [H5.5.1.5].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nhân viên, cán bộ hành chính có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

3. Tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên còn hạn chế.

Nhà trường chưa tiến hành lấy ý kiến khảo sát của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ rà soát điều chỉnh đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên cho sát với tình hình phát triển trong giai đoạn tới.

Năm 2024, sẽ tiến hành lấy ý kiến khảo sát của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên.

Nhà trường có các biện pháp đồng bộ trong công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7. Tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học

1. Mô tả

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã giao cho trung tâm khảo thí, tuyển sinh và dịch vụ giáo dục tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT qua các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên mỗi năm hai lần vào cuối học kỳ. Ý kiến phản hồi của sinh viên cho từng giảng viên là một kênh thông tin để đánh giá rút kinh nghiệm và có biện pháp điều chỉnh nhằm thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý [H4.4.5.7]; tích cực đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV.

Ngoài sinh hoạt chuyên môn tại mỗi bộ môn, cuối năm học tất cả các giảng viên được đồng nghiệp trong bộ môn và khoa nhận xét đánh giá công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong năm học trước khi đưa ra Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường xét duyệt.

Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức nhiều hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo [H7.7.1.4]. Nhiều đề tài NCKH của giảng viên được triển khai, áp dụng đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV, đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường [H7.7.2.2]. Hàng năm, nhà trường đều cử giảng viên tới các trường mầm non và phổ thông trực tiếp tham gia giảng dạy; phong trào hội giảng nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 được nhà trường duy trì và ngày càng đổi mới, mang tính chuyên môn sâu, có quy trình chặt chẽ đã từng bước tạo chuyển biến lớn trong đội ngũ giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy và NCKH [H4.4.3.4], [H4.4.4.1]. Từng khoa cũng đã chủ động tổ chức dự giờ nhằm đánh giá và góp ý kiến hoạt động giảng dạy của giảng viên, nhất là đối với giảng viên trẻ.

Với mục tiêu không ngừng nâng chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại, được ứng dụng khoa học công nghệ cao, được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp; nhà trường đã trang bị các trang thiết bị hiện đại để giảng viên có điều kiện đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại vào bài giảng. Đồng thời, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình dạy học thông qua việc sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS), xây dựng bài giảng điện tử, khai thác tài nguyên học liệu số, sử dụng các phần mềm mô phỏng và công cụ dạy học trực tuyến để đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, tăng cường tương tác và hỗ trợ người học tự học. Đối với các học phần Khoa học tự nhiên, Công nghệ và Mỹ thuật, Nhà trường bước đầu khuyến khích giảng viên nghiên cứu, vận dụng các yếu tố của giáo dục STEM/STEAM trong thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực tích hợp, sáng tạo và giải quyết vấn đề cho sinh viên.

Nhà trường cho phép giảng viên được lựa chọn hình thức kiểm tra đánh giá theo tính đặc thù của từng học phần như trắc nghiệm nhiều lựa chọn, vấn

đáp... chứ không đánh giá chỉ bằng hình thức thi tự luận như trước đây. Việc tổ chức thi kết thúc học phần do trung tâm Khảo thí, tuyển sinh và dịch vụ giáo dục đảm nhận, đề thi do bộ môn duyệt và bốc đề đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm tra đánh giá.

Bảng thống kê đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên						
Năm	Đánh giá môn học			Đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên		
	Tổng số học phần/môn học	Số học phần/môn học được đánh giá	Tỉ lệ %	Tổng số giảng viên (cả thỉnh giảng)	Số giảng viên được đánh giá	Tỉ lệ %
2018-2019	135	132	97.78%	102	98	96.08%
2019-2020	289	286	98.96%	96	96	100%
2020-2021	231	228	98.7%	92	86	93.48%
2021-2022	129	126	96.74%	84	76	90.48%
2022-2023	45	42	93.33%	77	63	81.82%
2023-2024	78	75	96.15	77	65	84.41

Ghi chú: Việc đánh giá môn học và hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên vào cuối mỗi học kỳ và đánh giá của đồng nghiệp, lãnh đạo đơn vị vào cuối năm học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tương đối mạnh về chuyên môn, tận tụy trong công việc giảng dạy, tích cực tham gia công tác NCKH. Để nâng cao chất

lượng giảng dạy, nhà trường đã tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, đã có nhiều biện pháp đẩy mạnh việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm cả việc ứng dụng công nghệ và các phương pháp dạy học tiên tiến.

3. Tồn tại

Một bộ phận sinh viên còn chưa có ý thức cao trong việc phản hồi ý kiến về công tác giảng dạy của giảng viên.

Dữ liệu phản hồi của sinh viên chưa được khai thác triệt để, phân tích sâu để phục vụ hiệu quả cho việc cải tiến chất lượng giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2024-2026, nhà trường tăng cường quán triệt tinh thần và ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc phản hồi công tác giảng dạy; đồng thời, xây dựng quy trình và công cụ để phân tích, xử lý dữ liệu phản hồi một cách khoa học, hiệu quả, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy và chương trình đào tạo, góp phần nâng cao hiệu quả đánh giá qua phiếu khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 5

Nhà trường hiện có đội ngũ CBGV, viên chức được đào tạo đúng chuyên ngành, có năng lực chuyên môn vững, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên ngày càng được trẻ hóa, đầy nhiệt huyết và hoài bão, thường xuyên tự trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục có các chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ CBGV, nhân viên trong trường để tiếp tục đảm bảo xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, phát triển nhà trường. Tích cực triển khai việc đánh giá người dạy, lấy ý kiến phản hồi của người học để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

Tiêu chuẩn 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Người học là yếu tố quan trọng, là yếu tố trung tâm của quá trình đào tạo, là yếu tố duy trì sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trường CDSP Nam Định rất quan tâm đến các hoạt động của người học như: tạo mọi điều kiện tốt nhất để người học có thể học tập rèn luyện; có các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe tốt; đảm bảo an ninh trật tự trong trường để người học yên tâm học tập; phát động các phong trào VHVN - TDTT tạo môi trường thân thiện, năng động tích cực để đảm bảo phát huy tốt các kỹ năng mềm của người học.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả

Với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đưa việc học tập và rèn luyện của HSSV vào nền nếp; nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định đối với HSSV. Các quy chế và quy định này được phổ biến rộng rãi và áp dụng trong HSSV toàn trường [H6.6.1.1]. Nhà trường đã có đầy đủ các CTĐT của các chuyên ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.2.1]. Thực hiện đầy đủ các quy chế của Bộ về thi, kiểm tra, xét học tiếp, xét điều kiện tốt nghiệp. Tất cả các nội dung trên đã được nhà trường phổ biến và quán triệt tới HSSV thông qua các hình thức: tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa từng năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT, phổ biến nội dung các quy định trong công tác sinh viên, quy chế đào tạo, các hoạt động truyền thống của trường, phổ biến luật Thanh niên, Luật An ninh mạng, luật An toàn giao thông, các công tác Đoàn, Hội [H1.1.2.2]. Sau mỗi hoạt động HSSV đều có bài thu hoạch, được chấm điểm và cấp giấy chứng nhận theo quy định [H6.6.3.3]. Các nội dung này được thể hiện trong các kế hoạch, báo cáo năm học, kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân, sổ tay HSSV [H6.6.1.1],

[H1.1.2.2].

Đội ngũ giảng viên chủ nhiệm - cố vấn học tập cũng được trang bị cuốn sổ tay sinh viên, trong đó có đầy đủ văn bản quy chế đào tạo để phổ biến, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho người học thực hiện nghiêm túc việc học tập, thi, kiểm tra trong suốt 3 năm học tập tại trường. Bên cạnh đó nhà trường tổ chức các cuộc trao đổi trực tiếp với người học như: Hội nghị Đối thoại HSSV; Hội nghị giao ban lớp trưởng; Hội nghị công tác giáo viên chủ nhiệm.... Thông qua các diễn đàn này, Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng; kịp thời giải đáp những băn khoăn, thắc mắc hoặc những đề xuất chính đáng của CBGV, người học về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá; việc cấp phát bằng; học liên thông; về đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập; cơ sở vật chất, hoạt động phong trào...[H1.1.2.2].

Năm học	Đánh giá hoạt động cung cấp chương trình, mục tiêu, kiểm tra đánh giá cho sinh viên		Đánh giá kết quả thực hiện quy chế của sinh viên	
	Số lượng HSSV được phổ biến/Tổng số HSSV	Tỉ lệ %	Số lượng SV bị kỷ luật/Tổng số SV	Tỉ lệ %
2018-2019	640/640	100%	16/640	2,5%
2019-2020	394/394	100%	25/394	6,35%
2020-2021	464/464	100%	3/464	0,64%
2021-2022	387/387	100%	7/387	1,81%
2022-2023	184/184	100%	0/184	0%
2023-2024	316/316	100%	0/315	0%

Nhìn vào bảng số liệu trên, số lượng sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra đã giảm đáng kể theo từng năm. Để có được kết quả này, Nhà trường đã thực hiện đồng bộ một số biện pháp như: Kỷ luật sinh viên và trừ điểm rèn luyện theo đúng quy định; chỉ đạo đội ngũ giảng viên chủ nhiệm - cố vấn học tập bám sát với hoạt động của lớp; tăng cường theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở, động viên người học tự giác, tích cực, chủ động hơn trong việc học tập, rèn luyện. Mặt khác, Mặt khác, việc tổ chức các hội nghị giao ban lớp trưởng [H6.6.1.2], hội nghị Đối

thoại HSSV, tuần sinh hoạt công dân giữa khóa, cuối khóa cũng là cơ hội để phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục tuyên truyền, quán triệt người học về việc chấp hành nghiêm túc quy chế thi và kiểm tra.

Nhìn chung người học đã được phổ biến đầy đủ những nội dung cơ bản về CTĐT, nội quy, quy chế. Nhà trường đã ban hành các CTĐT, chương trình khung và chương trình chi tiết cho các hệ đào tạo cao đẳng và TCNN phổ biến tới các HSSV. Nhà trường công khai đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo trên Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, công khai trên Website của Trường [H3.3.2.1]. Trên 83.3% sinh viên tốt nghiệp khi được khảo sát đều đánh giá mục “Cung cấp đầy đủ cho sinh viên thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa.” ở mức Tốt [H4.4.5.7]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các nội quy quy chế cho HSSV tương đối đầy đủ; tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân theo quy định. Nhà trường có chương trình khung phù hợp với mục tiêu đào tạo và tất cả các nội dung này đã được phổ biến tới từng HSSV.

Tất cả thông tin liên quan đến HSSV được công khai qua các thông báo tại trường và trên trang website của trường.

3. Tồn tại

Hình thức phổ biến tuyên truyền cho SV chưa đa dạng, chỉ mới tập trung vào một số thời điểm của tuần sinh hoạt công dân - HSSV.

4. Kế hoạch hành động

Nâng cao vai trò của giảng viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập trong việc phổ biến, hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên, nhất là sinh viên mới vào trường.

Tăng cường sử dụng các phương pháp và hình thức tuyên truyền hấp dẫn hơn như lồng ghép vào các sinh hoạt học thuật, thể thao, văn nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe định kỳ, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường; được tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác

1. Mô tả

Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị tham mưu cho nhà trường trong việc thực hiện đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho HSSV đang theo học tại trường. Ngay từ khi nhập học, nhà trường đã tổ chức *Tuần sinh hoạt công dân - HSSV* đầu khóa [H1.1.2.2] để cung cấp, hướng dẫn về các chế độ chính sách xã hội liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người học theo đúng tinh thần của Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT. Hàng năm, nhà trường cũng cho tiến hành rà soát các văn bản, quy định liên quan đến chế độ, chính sách của người học, cập nhật kịp thời trong sổ tay sinh viên và gửi về đội ngũ giảng viên chủ nhiệm [H6.6.1.1]. Thông qua Hội nghị giao ban lớp trưởng [H6.6.1.2], Hội nghị đối thoại HSSV, Tuần SHCD đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa, người học cũng có cơ hội để nêu ý kiến phản hồi về các chế độ chính sách, chế độ học bổng khuyến khích học tập của Nhà trường, qua đó người học được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời và được giải quyết đúng chế độ quy định. Trên 83.3% sinh viên tốt nghiệp khi được khảo sát đều đánh giá mục “Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định” ở mức Tốt [H4.4.5.7].

Quyết định và danh sách người học được hưởng các chế độ chính sách xã hội được nhà trường gửi về khoa đồng thời thông báo trên bảng tin của trường và công khai trên trang thông tin điện tử. Trong 5 năm qua, nhà trường đã thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho người học với số lượng cụ thể như sau:

Năm học	Số lượt người học được hưởng trợ cấp xã hội	Số lượng người học được nhận hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt theo ND 116
2018 -	19	

2019		
2019 - 2020	7	
2020 - 2021	4	
2021 - 2022	1	61
2022 - 2023	5	101
2023 - 2024	2	214

[H6.6.2.2], [H6.6.2.3]

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của chính phủ có hiệu lực, nhà trường đã cập nhật nội dung Nghị định 116 trong sổ tay sinh viên, phổ biến đến các sinh viên khóa mới và thực hiện thủ tục cho sinh viên hoàn thiện hồ sơ đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt, ra quyết định danh sách sinh viên được hưởng hàng tháng và thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ học phí sinh hoạt phí đối với sinh viên sư phạm đúng quy định: 3.630.000đ/sv/tháng. Nhà trường cũng **ban hành Quy định về việc thực hiện Nghị định 116/2020/NĐ-CP đối với sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định** quy định việc theo dõi sinh viên nhận hỗ trợ, bồi hoàn kinh phí dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Tài chính - Quản trị.[H6.6.2.3]

Nhằm quan tâm, chăm lo sức khỏe cho người học, nhà trường có trạm y tế gồm 01 cán bộ; có trình độ về chuyên môn, nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết với nghề. Phòng y tế khang trang, sạch sẽ với 02 phòng riêng, có các thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học. Hàng năm, trạm y tế của nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế như Bệnh viện Đa khoa Công an tỉnh Nam Định, Trung tâm y tế thành phố Nam Định để tổ chức khám sức khỏe đầu vào và khám sức khỏe trước khi ra trường đối với người học

theo đúng quy định, đảm bảo 100% HSSV tham gia khám sức khỏe đầu khóa và cuối khóa. Trong giai đoạn 2018 - 2023, xảy ra đại dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh; thực hiện tổ chức tiêm vacxin cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường; thực hiện theo dõi, cách ly khi có trường hợp F1, F2 phát sinh trong trường..., [H6.6.2.4].

Nhà trường có hệ thống nhà đa năng, sân bóng đá, sân bóng rổ, sân bóng chuyền với những trang thiết bị thể thao cần thiết, tạo điều kiện cho sinh viên trong toàn trường được vui chơi, giải trí, đồng thời nhằm giáo dục tư tưởng chính trị cũng như để phát hiện những nhân tố mới trong sinh viên trong các hoạt động bề nổi. Hàng năm, thông qua tổ chức Đoàn, Hội, Phòng Tổ chức - Hành chính; nhà trường tổ chức nhiều hoạt động VHVN - TDTT như: *Ngày hội Sinh viên khỏe, Liên hoan văn nghệ Chào tân sinh viên, Giải Bóng chuyền hơi, Hội thi tài năng sinh viên sư phạm “Sư phạm Got’talent”*... tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, nâng cao đời sống tinh thần đồng thời, giúp người học có cơ hội được rèn luyện, phát huy khả năng của mình [H6.6.2.5] [H2.2.8.8]. Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong các phong trào thi đua đặc biệt là các hoạt động VHVN - TDTT, đóng góp không nhỏ vào các phong trào hoạt động chung của cụm, thành phố, Bộ GD&ĐT. Nhà trường trích từ nguồn chi thường xuyên xây dựng quỹ khen thưởng, trao thưởng cho các tập thể, cá nhân người học đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện và trong các phong trào thi đua trong năm học và kết thúc khóa học [H6.6.2.6]. Khen thưởng năm học gồm có khen thưởng tập thể và cá nhân, mức khen thưởng tùy theo từng năm được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội trong nhà trường luôn được đảm bảo. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc ra vào cổng trường, nội quy kí túc xá...[H6.6.2.7]. Hàng năm, nhà trường cử lãnh đạo và cán bộ dự hội nghị, tập huấn về công tác an ninh trật tự, an toàn trong trường học, công tác phòng cháy chữa cháy...; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh Nam Định (Phòng PA03) để nắm bắt các thông tin về tình hình trật tự, an toàn xã hội

trên địa bàn thành phố và địa bàn trường [H6.6.2.8]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng phối hợp chặt chẽ với công an phường Hạ Long, đặc biệt trong những ngày lễ, tết quan trọng để túc trực và bảo vệ an ninh trật tự.

Về công tác tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho người học, nhà trường chưa thành lập Trung tâm tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho người học. Nhiệm vụ này được nhà trường giao cho phòng Tổ chức - Hành chính và bộ phận giảng viên chủ nhiệm thực hiện. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học chủ yếu thông qua hình thức tư vấn, thông báo trực tiếp về các khoa và cho cá nhân có nhu cầu. Bên cạnh đó, các thông tin tuyển dụng, giới thiệu việc làm được công khai trên các trang của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường, hướng đến đối tượng là sinh viên đang theo học và cựu sinh viên của nhà trường. Từ năm 2022, nhà trường tăng cường kết nối với các trường Mầm non trên địa bàn thành phố Nam Định, liên hệ thực tập, kết nối cho sinh viên của nhà trường tham gia công tác hỗ trợ cho các trường Mầm non, các trung tâm tiếng Anh trên địa bàn thành phố Nam Định. Việc sinh viên sư phạm hệ mầm non tham gia hỗ trợ tại trường Mầm non vừa có thu nhập lại tích lũy thêm kinh nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy sau này [H6.6.2.9]. Những năm gần đây, việc khảo sát việc làm của sinh viên sau khi ra trường đã được tiến hành, đây là một trong những căn cứ để xây dựng đề án tuyển sinh của nhà trường [H6.6.2.10]. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp các năm đều trên 90%. Định kỳ vào tháng 10 hàng năm, nhà trường tổ chức *Hội nghị đối thoại HSSV* với sự tham gia của Đảng ủy, Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và HSSV các khoá để lắng nghe phản ánh, tâm tư nguyện vọng của người học, giải đáp những thắc mắc về đào tạo, rèn luyện, chế độ chính sách, cơ sở vật chất... Thông qua hoạt động này, mọi ý kiến của người học đều được nhà trường giải đáp thỏa đáng và đáp ứng kịp thời để HSSV yên tâm học tập, rèn luyện [H1.1.2.2].

2. Điểm mạnh

Cán bộ làm công tác quản lý sinh viên có trình độ, năng lực, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

Nhà trường đã làm tốt công tác giải quyết các chế độ chính sách cho người học, đảm bảo đúng đối tượng, thông báo công khai; cho đến nay chưa có trường hợp sai sót; vì thế, chưa có đơn thư khiếu nại từ phía người học. Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động VHVN - TDTT. An ninh, an toàn trong trường học được đảm bảo.

Công tác tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho người học đã được cải thiện, việc kết nối giữa nhà tuyển dụng và nhà trường đã được tiến hành và từng bước mở rộng.

3. Tồn tại

Kinh phí cho các hoạt động còn hạn hẹp, vì thế các hoạt động chưa phát huy được hết năng lực và hiệu quả.

Dịch bệnh Covid-19, số lượng sinh viên ít, số ngành học bị thu hẹp dẫn đến các hoạt động phong trào có quy mô nhỏ, hình thức chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng kế hoạch chi tiết hơn nữa và tổ chức tốt cho mọi hoạt động trong công tác SV hàng năm như công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, các hoạt động VHVN - TDTT...

Tăng cường trang thiết bị, CSVC cho các hoạt động chung của nhà trường. Liên kết chặt chẽ với các cơ sở tuyển dụng để khảo sát tình hình việc làm, giới thiệu việc làm cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Người học được phổ biến, giáo dục về chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, đoàn thể

1. Mô tả

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT [H6.6.3.1], theo đúng kế hoạch năm học, hàng năm Nhà trường có kế hoạch triển khai tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV tới toàn bộ SV trong trường, đây là đợt sinh hoạt chính trị

quan trọng, qua đó người học được phổ biến, giáo dục về chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuần sinh hoạt công dân được tổ chức thành 3 đợt đầu khoá, giữa khoá và cuối khoá đảm bảo sự giáo dục mang tính xuyên suốt, thường xuyên và kịp thời với từng đối tượng sinh viên [H1.1.2.2].

Để đảm bảo đợt sinh hoạt chính trị đạt kết quả cao, phòng Tổ chức – Hành chính đã phân công cụ thể nhiệm vụ của các phòng chức năng có liên quan và các giảng viên tham gia giảng dạy giúp cho học sinh, sinh viên hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ và lịch sử phát triển của nhà trường; hiểu biết về Luật Giáo dục, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động; nắm vững quy chế đào tạo, quy chế thi, chế độ chính sách, chia sẻ quan điểm về chuẩn mực đạo đức nghề giáo... Các nội dung này đều được HS, SV học tập và tiếp thu nghiêm túc.

Bên cạnh đó, trong các đợt sinh hoạt Công dân - HSSV, nhà trường mời báo cáo viên của phòng PA03 và PA83 Công an Tỉnh đến nói chuyện về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình biển, đảo Việt Nam, pháp luật phòng chống ma túy, tội phạm, mại dâm, HIV/AIDS, công tác đảm bảo ANTT, an toàn trường học; giáo dục pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội và bạo lực học đường; giáo dục, hướng dẫn sử dụng, khai thác hiệu quả thông tin trên Internet và mạng xã hội, nâng cao khả năng tự đề kháng trước các thông tin xấu. Trường đã mời báo cáo viên Đảng ủy cấp trên phổ biến các nghị quyết của Đảng, của ngành, triển khai chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với chủ đề từng năm và mời báo cáo viên trường Trung cấp Giao thông vận tải Nam Định về phổ biến Luật Giao thông và vấn đề đảm bảo an toàn giao thông. Kết thúc các đợt học, tất cả học sinh, sinh viên đều tham gia thảo luận và viết bài thu hoạch, được đánh giá cho điểm, riêng đợt sinh hoạt đầu khóa sinh viên được cấp Giấy chứng nhận theo quyết định [H6.6.3.3].

Tất cả học sinh, sinh viên ngay từ khi nhập học đều được nhà trường trang bị cuốn *Sổ tay học sinh, sinh viên*, kể cả học viên lớp cao đẳng liên thông.

Nội dung cuốn *Sổ tay học sinh, sinh viên* cung cấp đầy đủ lịch sử phát triển, cơ cấu bộ máy nhà trường và các quy chế, nội quy, quy định, chế độ chính sách liên quan đến người học được cập nhật theo năm học [H6.6.1.1].

Ngoài ra, việc triển khai phổ biến chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn được lồng ghép vào giờ sinh hoạt thứ hai hàng tuần của các lớp; thông qua các buổi giao ban học sinh, sinh viên từng học kì.

Trọng tâm trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho người học được thực hiện bằng việc nhà trường chỉ đạo tốt hoạt động giảng dạy bộ môn Lí luận chính trị theo chương trình quy định.[H3.3.2.1]

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã phát huy vai trò của mình trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên bằng các hoạt động cụ thể. Những ngày lễ, các dịp kỉ niệm sự kiện trọng đại của đất nước và của ngành đều được nhà trường quan tâm tuyên truyền, tổ chức. Hàng năm Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường có các chương trình hành động thiết thực, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người học, đồng thời tạo điều kiện để tất cả đoàn viên, thanh niên tham gia, qua đó giáo dục lí tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ. Các phong trào như Thanh niên tình nguyện, Hiến máu nhân đạo, các chương trình thiện nguyện, các đợt quyên góp ủng hộ như: *Xuân yêu thương, Áo ấm vùng cao, Gói bánh chưng xanh - ấm tình quê hương...* được tổ chức thường niên giúp sinh viên sống có lí tưởng và tốt đẹp hơn. [H2.2.8.12], [H2.2.8.9]

Đồng thời, nhà trường cũng quan tâm tổ chức các diễn đàn mang tính xã hội như: *“Toạ đàm Bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại và chăm sóc sức khoẻ sinh sản”*,...; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; Đoàn trường đã chủ động cho đoàn viên tham gia nhiều cuộc thi do Tỉnh Đoàn, Trung ương Đoàn tổ chức như cuộc thi trực tuyến *“Tìm hiểu về Đảng cộng sản Việt Nam”*, *“Tìm hiểu lịch sử 90 năm vẻ vang của Đảng cộng sản Việt Nam”*, *“Ánh sáng soi đường”*, *“Chạy ngay đi – Đánh bay Covi”*, *“Hội nghị tư vấn, đối thoại và Hội thi Rung chuông vàng tìm hiểu về chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và*

bảo hiểm thất nghiệp”... bước đầu đã tạo được sự quan tâm của đoàn viên và nhận được những kết quả đáng ghi nhận. Tất cả các hoạt động trên đều nhằm nâng cao nhận thức của HSSV và góp phần hình thành nhân cách, phẩm chất chính trị cho HSSV [H2.2.8.7], [H2.2.8.15]

Công tác thư viện cũng được nhà trường chú trọng. Thư viện nhà trường thường xuyên được bổ sung các đầu sách phục vụ cho nhu cầu học tập và nâng cao nhận thức của HSSV. Thư viện có nhiều loại sách: các sách về lĩnh vực khoa học Mác - Lênin, sách tâm lý giáo dục, các sách kỹ năng sống và sách chuyên ngành, giáo trình và tài liệu tham khảo hàng năm được bổ sung, cập nhật hướng đến sự phù hợp và hiệu quả sử dụng. Trường duy trì đặt đầu báo: *Tạp chí giáo dục, Giáo dục và thời đại*. Sự đa dạng của các đầu sách, báo, tạp chí đã góp phần nâng cao công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với HSSV, rèn luyện cho người học bản lĩnh chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, xác định mục tiêu hành động để sống có ý nghĩa. Hàng năm, hưởng ứng Ngày sách Việt Nam, nhà trường tổ chức tuần lễ khuyến đọc, các cuộc thi bằng cả hình thức trực tuyến và trực tiếp để sinh viên, học sinh có cơ hội tiếp xúc với sách mới, sách hay, nâng cao vốn sống, tri thức.

Người học được tạo điều kiện tối đa để tham gia công tác Đảng, đoàn thể: các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hoạt động đoàn thể... Các cuộc thi, các chương trình với quy mô toàn trường được tổ chức như: *Chi đoàn kiểu mẫu*, Chiếu phim tư liệu về anh hùng lịch sử nhân dịp 26/3, cuộc thi *Rung chuông vàng* hàng năm được tổ chức với các chủ đề phù hợp, cuộc thi *Cuộc đua kì thú*, Gala chào tân sinh viên, cuộc thi ảnh *Khoảnh khắc giáo dục*, giải bóng chuyền hơi, giải bóng đá nữ, thiết kế mô hình đồ dùng dạy học, sáng tạo sinh viên Sư phạm,... Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trường cũng thường xuyên kết hợp với các đơn vị trên địa bàn tổ chức các buổi giao lưu giữa các trường Đại học, Cao đẳng, các cuộc thi, cuộc vận động từ cấp tỉnh đến cấp trung ương. Các hoạt động trên không chỉ giúp cho người học có cơ hội trải nghiệm, có môi trường rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, thể hiện tinh thần trách nhiệm, thái độ hợp tác mà còn có cơ hội để phấn đấu, lựa chọn,

giới thiệu nhân tố tham gia các lớp học tìm hiểu, nhận thức về Đảng. Từ 2018 - 2024, số lượng đoàn viên ưu tú được tham gia học tập lớp tìm hiểu, nhận thức về Đảng và được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam các năm như sau [H2.2.7.5]:

Năm	Số lượng người học - Đoàn viên ưu tú được tham gia học tập lớp nhận thức về Đảng	Số lượng người học - Đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng
2019	41	0 (do thời gian học nhận thức chưa đủ 3 tháng)
2020	17	5
2021	11	9
2022	9	6
2023	10	5
2024	18	5

Các em sinh viên sau khi kết nạp được tham gia sinh hoạt đảng cùng chi bộ quản lý sinh viên

Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại với HSSV nhằm lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng, ý kiến phản hồi, kịp thời giải đáp và đáp ứng nguyện vọng của người học [H1.1.2.2].

Hội thi nghiệp vụ sư phạm được tổ chức vào tháng 11 hàng năm nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam. Trong hoạt động này, người học thể hiện kiến thức chuyên môn đã được học tập, tích lũy, những hiểu biết về nhiều lĩnh vực chuyên ngành, khả năng biểu diễn nghệ thuật, thể hiện tài năng, năng khiếu, khả năng thuyết trình... Đây cũng là cơ hội giúp cho người học rèn luyện bản lĩnh chính trị, sự tự tin để vững bước trong cuộc sống [H4.4.3.4]. Trong năm học, người học được đánh giá kết quả rèn luyện 2 lần/năm theo từng học kì. Nhà trường là một trong những cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả rèn luyện, thi đua khen thưởng và kỷ luật đối với người học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H6.6.2.6].

Nhà trường thực hiện tốt việc báo cáo về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của HSSV theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, công an

thành phố Nam Định.

Về cơ bản trường CĐSP Nam Định làm tốt công tác phổ biến chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đáp ứng khá đầy đủ, kịp thời, thường xuyên, cập nhật các văn bản, quy định cho người học. Những hoạt động này có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường; giúp các em dần hình thành tri thức và xử sự phù hợp với những quy định của pháp luật. Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để học sinh, sinh viên được tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác. Trong nhiều năm qua, nhà trường không có hoặc chưa phát hiện có người học vi phạm về các vấn đề đạo đức, lối sống phải xử lý theo quy định của pháp luật; không phát hiện có người học tự phát tham gia vào các hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm sát sao và tạo điều kiện để người học tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác quản lý sinh viên, công tác đánh giá rèn luyện, khen thưởng và kỉ luật sinh viên theo quy chế của Bộ GD&ĐT; làm tốt công tác phát triển Đảng trong sinh viên; phát huy tốt vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong giáo dục chính trị tư tưởng và tạo môi trường rèn luyện cho người học.

3. Tồn tại

Số lượng các báo cáo chuyên đề thời sự về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế cho SV hàng năm còn ít.

Công tác phỏng vấn CBGV và người học chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề; tổ chức các buổi sinh hoạt, tọa đàm để người học có nhiều cơ hội được tương tác, giao lưu, học hỏi, chia sẻ và rèn kĩ năng nghề nghiệp. Tổ chức lấy ý kiến người học về hình thức và chất lượng việc tổ chức các hoạt động trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Thực hiện đánh giá năng lực người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; có kết quả điều tra về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành

1. Mô tả

Đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ giáo dục đáp ứng mục tiêu luôn là mối quan tâm hàng đầu. Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, nhà trường đã luôn bám sát mục tiêu; cuối mỗi khoá học, tổ chức đánh giá đối chiếu năng lực đạt được của người học so với mục tiêu đề ra. Năng lực của người học được thể hiện qua kết quả học tập, trong năm năm học gần đây, nhà trường có 723 sinh viên tốt nghiệp hệ cao đẳng chính quy, mỗi năm có khoảng 95% sinh viên đạt xếp loại tốt nghiệp từ Khá trở lên, trong đó trên 30% tốt nghiệp loại Giỏi và Xuất sắc [H4.4.2.1]:

Xếp loại	2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024	
	Tổng	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	2	0.79	2	1.06	2	1.77	1	1.20	5	17.86	15	25.86
Giỏi	97	38.49	79	41.80	48	42.48	31	37.35	4	14.29	2	3.45
Khá	139	55.16	87	46.03	55	48.67	47	56.63	18	64.29	41	70.69
TB	14	5.56	21	11.11	8	7.08	4	4.82	1	3.57	0	0

Ngoài ra, năng lực người tốt nghiệp còn được thể hiện trong công tác giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục địa phương. Theo số liệu khảo sát các năm 2018-2022 cho thấy, 90% người tốt nghiệp được khảo sát đều đi làm sau năm đầu tiên tốt nghiệp, trên 70% người tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo [H6.6.2.10]:

Các tiêu chí	Năm khảo sát					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp	342/380	191/206	160/167	212/259	66/66	100/106

Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau 1 năm TN (%)	80,79	79,13	91,62	79,15	80,3	93,0
Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%)	8,95	5,34	4,00	2,70	16,67	7,00

Nhà trường động viên sinh viên tích cực tham gia NCKH, ứng dụng công nghệ thông tin, làm và sử dụng đồ dùng dạy học, trên địa bàn tỉnh Nam Định. Thông qua các cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học, sinh viên thi khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Nam Định. Trong năm 2019, nhà trường tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học với sự tham gia của 17 đề tài NCKH, Hội thi sáng tạo sinh viên sư phạm năm 2023 có 27 sản phẩm dự thi chất lượng cấp trường, năm 2024 với 20 sản phẩm dự thi cấp trường, nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, có tính ứng dụng cao [H6.6.4.1]. Việc tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học giúp sinh viên tự tin hơn khi ra trường, mạnh dạn ứng dụng các sản phẩm sáng tạo vào quá trình giảng dạy và được nhà tuyển dụng đánh giá cao.

Việc kết nối giữa Nhà trường với các cơ sở tuyển dụng đã được hình thành, việc phân sinh viên về thực tập tại các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh được tiến hành thường xuyên. Qua đó, nắm bắt ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên thực tập của Nhà trường. Năng lực người học được thể hiện ở kết quả thực tập sư phạm cuối khoá [H4.4.3.5] cụ thể:

Về kết quả thực tập, kiến tập trên 90% sinh viên đạt từ loại Giỏi trở lên, các em được cơ sở thực tập khen thưởng trong các đợt thực tập, kiến tập sư phạm [H6.6.4.2]

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Kiến tập sư phạm						
- Giỏi (%)	82,61	83,33	13,79	28,33	90,00	93,00
- Khá (%)	13,04	16,67	27,59	46,67	10,00	7,00
- Trung bình (%)	4,35		58,62	25,00		
2. Thực tập sư phạm lần 1						

- Giỏi (%)	94,33	95,04	90,12	100	93,22	100
- Khá (%)	5,15	4,13	9,88		6,78	
- Trung bình (%)	0,52	0,83				
3. Thực tập sư phạm lần 2						
- Giỏi (%)	99,61	97,40	97,48	100	100	96,43
- Khá (%)	0,39	2,60	2,52			3,57
- Trung bình (%)						

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động để tham khảo, lấy ý kiến từ phía các nhà tuyển dụng như lồng ghép nội dung giáo dục nghề nghiệp trong Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa, mời chủ cơ sở giáo dục mầm non về nói chuyện [H1.1.2.2]; tổ chức các Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo GDMN với các khách mời là đại diện các phòng chuyên môn của Sở GD&ĐT Nam Định, đại diện phòng giáo dục các huyện, chủ cơ sở mầm non trên địa bàn tỉnh Nam Định đến và phát biểu tham luận [H7.7.1.4]

Năm	Tên hội thảo	Quy mô tổ chức		Số lượng báo cáo	Số lượng báo cáo khách mời
		Cấp trường	Cấp khoa		
2019	Không có				
2020	Chương trình phổ thông 2018 và vai trò của trường Cao đẳng Sư phạm	x		46	
	Tiếp cận một số vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay		x	13	
2021	Hướng tới đổi mới đào tạo và bồi dưỡng GV mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn	x		27	
2023	Nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non thực hành	x		33	

2024	Chương trình giáo dục Mầm non- Tiếng Anh, thuận lợi và khó khăn qua một năm thực hiện		x	20	
------	---	--	---	----	--

Thông qua những hoạt động kết nối trên, nhà trường cũng nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, về cơ bản, sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành giáo dục tỉnh Nam Định.

2. Điểm mạnh

Quá trình đào tạo luôn bám sát mục tiêu đào tạo, có chương trình, kế hoạch đào tạo rõ ràng, HSSV được đánh giá kết quả học tập nghiêm túc.

Nhà trường luôn quan tâm sát sao đến việc kiểm tra năng lực thực sự của sinh viên sau khi đã ra trường và số lượng sinh viên ra trường có việc làm, có được làm theo đúng chuyên môn đào tạo hay không để định hướng cho số lượng cũng như mục tiêu đào tạo cho những năm kế tiếp.

3. Tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng đối với sinh viên được đào tạo tại trường còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Hoàn thiện hệ thống phiếu khảo sát, đánh giá.

Đa dạng hóa hình thức thu thập thông tin.

Phân tích đánh giá những thông tin thu thập được một cách nhanh chóng và chính xác để kịp thời điều chỉnh nội dung, mục tiêu chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 6

Trường CĐSP Nam Định rất quan tâm đến các vấn đề liên quan đến người học để đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường. Nhà trường có đầy đủ các văn bản hướng dẫn người học về chương trình giáo dục, việc kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT. Thực hiện đào tạo theo quy chế tín chỉ, nhà trường đã bắt kịp xu thế chung trong đào tạo,

tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc thích ứng với xu thế chung. Nhà trường đảm bảo các chế độ chính sách xã hội cho người học, từ việc chăm sóc sức khỏe định kì đến việc đảm bảo an ninh trật tự để tạo môi trường lành mạnh cho người học. Bên cạnh đó, nhà trường cũng quan tâm và tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn, hội để thu hút người học tham gia, tạo môi trường văn hóa lành mạnh để người học được phát triển toàn diện.

HSSV trường CĐSP Nam Định luôn ý thức và chấp hành tốt các chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Nhà trường kiên quyết xử lí các trường hợp sinh viên vi phạm quy chế, nội quy của trường. Đồng thời, với những em sinh viên có thành tích học tập và hoạt động phong trào tốt, nhà trường kịp thời có các hình thức khen thưởng để động viên khích lệ tinh thần các em, tạo động lực cho các em phấn đấu. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm đến việc tư vấn việc làm, tổ chức hội chợ việc làm và các hoạt động hỗ trợ để đảm bảo sinh viên được trang bị tốt nhất về kiến thức cũng như hiểu biết về công việc khi ra trường.

Tiêu chuẩn 7
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG,
PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn xác định hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng Trường CĐSP Nam Định thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chất lượng. Các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là giải pháp quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng của mỗi Nhà trường.

Hoạt động KHCN của trường CĐSP Nam Định luôn tuân thủ những quy định về hoạt động KHCN của Bộ GD&ĐT. Trong 5 năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và nguồn kinh phí, tuy nhiên hoạt động KHCN của Trường đã đạt được những thành tích đáng khích lệ: nhiệm vụ KHCN được thực hiện đa dạng; các đề tài, sáng kiến ngày càng sát với thực tiễn đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục trong nước và quốc tế, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng

1. Mô tả

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định nêu rõ sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường: “Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định là trường công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Sở GD&ĐT Nam Định; Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non; đào tạo và cấp chứng chỉ về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật; đồng thời là cơ sở nghiên cứu triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công tác quản lý giáo dục và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực; hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng [H1.1.1.3].

Nhằm lãnh đạo, chỉ đạo Nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố, một trong những chỉ tiêu đặt ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là: “Thực hiện ít nhất 01 đề tài khoa học, dự án cấp tỉnh hoặc tương đương; trung bình mỗi giảng viên có ít nhất 01 sản phẩm khoa học/năm” [H1.1.1.4]. Ban chấp hành Đảng bộ Nhà trường khi xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, nhiệm kỳ 2020-2025 cũng đã cụ thể hóa các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu là: “(1) Ưu tiên đầu tư kinh phí, nhân lực cho những đề tài nghiên cứu khoa học có thể ứng dụng vào thực tiễn, những đề tài nghiên cứu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng cường chuyển giao công nghệ, ứng dụng phương pháp dạy học phục vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương và khu vực; (2) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên theo Thông tư số: 47/2014/TT-BGDĐT và quy định cụ thể hoá của Nhà trường. Bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia các diễn đàn NCKH, các Hội thảo quốc gia, quốc tế; (3) Tăng cường gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhu cầu xã hội thông qua việc liên kết, hợp tác toàn diện với các trường phổ thông, mầm non công lập và ngoài công lập” [H7.7.1.1].

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng thời khắc phục những hạn chế mà Hội đồng kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 1 đã chỉ ra, từ năm 2019-2022, trong Thông báo Kết luận các Hội nghị Khoa học và Đào tạo hàng năm đều có những định hướng và nhiệm vụ triển khai hoạt động KHCN cụ thể cho từng năm học [H2.2.3.1]. Năm 2023, trong Phương hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nhiệm kỳ 2023-2028, Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ cụ thể: “Nâng cao năng lực và kỹ năng NCKH cho giảng viên, hình thành đội ngũ cán bộ nghiên cứu theo hướng chuyên sâu; Thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh; Nâng cao chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở, gắn NCKH với

đào tạo, chú trọng các hoạt động NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; Tranh thủ các dự án của các tổ chức trong và ngoài tỉnh để tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ hiện đại” [H7.7.5.1].

Các định hướng KHCN hàng năm và nhiệm kì đã được cụ thể hóa trong việc tổ chức triển khai và thực hiện hàng năm.

Những năm từ 2018 - 2020, khi Trường còn đào tạo giáo viên Tiểu học và THCS, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm là nghiên cứu hướng tới đào tạo giáo viên đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Từ việc triển khai các Hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, đến việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học của giảng viên đều bám sát trọng tâm này.

Năm 2019, giảng viên các khoa tích cực nghiên cứu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tham gia các hoạt động dạy học thực nghiệm tại trường phổ thông đồng thời công bố nhiều bài báo, bài Hội thảo khoa học về hướng tiếp cận này [H.7.7.4.2], [H.7.7.4.3], [H.7.7.4.5].

Năm 2020, Nhà trường đã tổ chức Hội thảo khoa học: “Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và vai trò của trường Cao đẳng Sư phạm”. Đây là Hội thảo tiếp nối các nội dung được đặt ra từ Hội thảo khoa học tháng 6/2018: “Nghiên cứu các biện pháp triển khai bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông”, công bố các kết quả nghiên cứu của giảng viên và tiếp tục khẳng định việc triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng.

<https://cdspnd.edu.vn/hoi-thao-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-va-vai-tro-cua-truong-cao-dang-su-pham01-07-2020/>.

Bên cạnh hướng nghiên cứu tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông, Nhà trường cũng quan tâm chỉ đạo nghiên cứu đổi mới đào tạo giáo viên mầm non. Năm 2020, Hội thảo: “Tiếp cận một số vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay” được Nhà trường giao khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non triển khai thực hiện. [H7.7.1.4].

Từ năm 2021, khi Trường chỉ còn đào tạo ngành Giáo dục mầm non, Nhà trường hướng trọng tâm nghiên cứu vào việc đào tạo và bồi dưỡng giáo

viên mầm non. Định hướng này thể hiện rõ trong thông báo Kết luận các Hội nghị khoa học đào tạo hàng năm, từ 2021-2024. [H2.2.3.1]. Hội thảo khoa học cấp trường: “Hướng tới đổi mới đào tạo và bồi dưỡng GV Mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn” (2021), “Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non thực hành (2023) và “Chương trình đào tạo GDMN - TA: Thuận lợi và khó khăn qua một năm thực hiện” (2024) [H7.7.1.4] và số lượng, tên các bài hội thảo, các bài báo khoa học của giảng viên trong giai đoạn này đã thể hiện rõ việc xây dựng và triển khai kế hoạch KHCN phù hợp với các yêu cầu của tiêu chí.

Bên cạnh định hướng KHCN, việc quản lý, điều hành hoạt động KHCN cũng được cải tiến theo hướng bài bản và chuẩn chỉ hơn, bám sát các văn bản quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ GD&ĐT và Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong trường CDSP Nam Định [H7.7.1.2].

Hằng năm, lãnh đạo Nhà trường giao cho Phòng KHCN (nay là phòng Đào tạo - NCKH) phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính (nay là phòng Tài chính - Quản trị) tham mưu và xây dựng kế hoạch KHCN năm học dựa trên định hướng phát triển KHCN của Nhà trường.

Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch được thực hiện theo quy trình:

- Ra thông báo định hướng hoạt động KHCN: căn cứ vào tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN năm trước và định hướng KHCN của năm, Phòng KHCN tham mưu Hiệu trưởng ra Thông báo định hướng và đăng ký hoạt động KHCN hằng năm gửi đến các đơn vị và cá nhân trong toàn trường.

- Tổ chức cho cán bộ giảng viên đăng ký các danh mục các nhiệm vụ KHCN bao gồm đề tài khoa học và các nhiệm vụ KHCN khác gồm: viết bài báo khoa học, bài hội thảo, viết tài liệu tham khảo, tài liệu dạy học, tài liệu bồi dưỡng, tổ chức hội thảo khoa học, ...

- Thành lập các Hội đồng gồm các thành viên là những giảng viên có chuyên môn sâu ở từng lĩnh vực duyệt danh mục và tư vấn thuyết minh các đề tài khoa học, tài liệu dạy học, tài liệu bồi dưỡng... đăng ký thực hiện. Trên cơ sở

đó Hiệu trưởng ra quyết định triển khai các nhiệm vụ KHCN thực hiện trong năm.

- Các chủ nhiệm đề tài, tác giả biên soạn tài liệu tiến hành công việc nghiên cứu theo quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường.

- Kiểm tra tiến độ nghiên cứu các nhiệm vụ KHCN hằng năm và tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ KHCN. Hội đồng nghiệm thu được tổ chức theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá và nghiệm thu sản phẩm NCKH. Quy trình nghiệm thu sản phẩm KHCN của Trường căn cứ vào quy định tổ chức hoạt động NCKH trong trường CDSP Nam Định.

Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng báo cáo tổng kết công tác KHCN trong Hội nghị Khoa học đào tạo lần 1 và lần 2 để tổng kết những mặt làm được, mặt còn hạn chế; trên cơ sở đó định hướng cho các nhiệm vụ KHCN trong năm tiếp theo [H7.7.1.3].

Để đẩy mạnh các hoạt động KHCN và lan tỏa những giá trị từ các công trình nghiên cứu, Trường CDSP Nam Định đã tổ chức hội thảo khoa học các cấp [H7.7.1.4], chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu tới Thư viện và chia sẻ thông tin trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (<https://cdspnd.edu.vn/category/nguyen-cuu-khoa-hoc/>).

Kinh phí dành cho các hoạt động khoa học công nghệ hằng năm còn eo hẹp, chủ yếu tập trung vào các Hội thảo, Hội nghị, hỗ trợ giảng viên kinh phí đánh máy, in ấn và hỗ trợ công tác phí cho giảng viên tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn. Cụ thể như sau:

STT	Năm	Tổng kinh phí của trường (triệu đồng)	Tổng kinh phí cho NCKH (triệu đồng)
1	2019	24.757	979
2	2020	21.451	701
3	2021	20.844	119
4	2022	22.823	340
5	2023	26223	392
6	2024	25976	300

2. Điểm mạnh

Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ được thực hiện đúng theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ GD&ĐT và Quy định hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ trong trường CDSP Nam Định; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

3. Tồn tại

Kinh phí cho hoạt động khoa học còn hạn hẹp. Nhà trường chưa xây dựng Chiến lược nghiên cứu khoa học dài hạn.

4. Kế hoạch hành động

Đưa việc xây dựng Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2025-2030 vào Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2025-2030.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo nghiên cứu xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2025-2030 gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2. Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến

1. Mô tả

Nhà trường có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường được duy trì, tham gia vào việc xây dựng định hướng cho các nhiệm vụ trong đó có định hướng cho sự phát triển lĩnh vực KHCN, phù hợp với chiến lược của Trường, trên cơ sở đó để triển khai nhiệm vụ KHCN cụ thể cho từng năm.

Nhà trường đã thường xuyên cải tiến, bổ sung các chế độ chính sách theo hướng ngày càng có lợi cho giảng viên: nâng mức tính giờ khoa học quy đổi cho

các bài báo, bài hội thảo quốc tế và phân cấp theo số điểm quy chuẩn của Hội đồng giáo sư cho các bài báo, bài hội thảo; tính giờ khoa học cho các sản phẩm nghệ thuật hoặc các sản phẩm khác tương đương... [H7.7.1.2]. Định mức chi cho các Hội nghị, Hội thảo, báo cáo viên... cũng được điều chỉnh và quy định công khai trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H9.9.1.2].

Lãnh đạo Trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tham dự các Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, Hội thảo liên trường; các đợt tập huấn chuyên môn nhằm nâng cao năng lực NCKH của giảng viên.

Hằng năm để thuận lợi cho việc đăng kí các nhiệm vụ KHCN, Phòng KHCN (nay là phòng Đào tạo - NCKH) xây dựng báo cáo tổng hợp đề tài, đề án, dự án đã được nghiệm thu nhằm giúp cho cán bộ giảng viên và sinh viên thuận lợi trong nghiên cứu [H7.7.1.3].

Trường có quy trình và hướng dẫn nghiên cứu khoa học được cụ thể hóa chi tiết trong Quy định hoạt động hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định [H7.7.1.2] giúp giảng viên thuận lợi trong nghiên cứu khoa học từ khâu đăng ký, triển khai và nghiệm thu sản phẩm NCKH.

Việc khuyến khích hoạt động NCKH của sinh viên được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và trong Kế hoạch tổ chức Hội thi hàng năm của sinh viên [H7.7.2.1].

Công tác triển khai các nhiệm vụ KHCN được tổ chức bám sát Quy định tổ chức hoạt động khoa học công nghệ trong trường CDSP (*Ban hành kèm theo Quyết định số 329 /QĐ-CDSP ngày 05 /11 /2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định và Quyết định số 189/QĐ-CDSP ngày 12/9/2023 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định*). Các đề tài NCKH và tài liệu giảng dạy đều được thực hiện qua các bước: đăng ký, xét duyệt đề cương, thông qua tại hội nghị cấp cơ sở, nghiệm thu chính thức, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ. Hồ sơ nghiệm thu đề tài, tài liệu, sáng kiến kinh nghiệm đầy đủ và được quản lý tại phòng /khoa chuyên môn.

Tổng số có 28 đề tài NCKH được phê duyệt trong giai đoạn từ 2019 đến

2024, trong đó có 25/28 đề tài được nghiệm thu đúng tiến độ, chiếm 89%. 26/28 đề tài được ứng dụng trong công tác đào tạo và bồi dưỡng của Nhà trường, chiếm 93% [H7.7.2.2]. Từ năm 2019 đến nay, Trường có chủ trương đưa giảng viên xuống giảng dạy trực tiếp tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Theo đó, bên cạnh đề tài NCKH, các giảng viên còn tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm (SKKN). Số lượng SKKN trong 5 năm qua là 30. Trong đó có nhiều SKKN được công nhận là SKKN cấp ngành và được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen [H7.7.2.3]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo điều kiện tốt cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến, được cụ thể hóa qua nhiều hình thức cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản hướng dẫn đã được xây dựng đầy đủ, chi tiết và thuận tiện trong triển khai thực hiện.

3. Tồn tại

Chưa có đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh. Số lượng sinh viên tham gia NCKH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Đưa việc đăng kí, triển khai đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ thành một chỉ tiêu phấn đấu trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2025-2030, đồng thời cụ thể hóa trong Chương trình hành động hằng năm của Đảng bộ và trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường của các đơn vị chuyên môn.

Hằng năm cần dành nhiều kinh phí hơn nữa cho các hoạt động NCKH của cá nhân và các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3. Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lí của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương

1. Mô tả

Với vai trò là một trường sư phạm, hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khoa học giáo dục để phục vụ cho công tác đào tạo.

Việc thể hiện khả năng ứng dụng sản phẩm KHCN vào dạy và học được chú trọng ngay trong quy trình xét duyệt các nhiệm vụ đầu vào, đó là: (1) Tháng 06 hàng năm, tại Hội nghị Khoa học và Đào tạo lần 2, Nhà trường thống kê số sản phẩm khoa học của giảng viên đã thực hiện trong năm học, sơ bộ đánh giá hiệu quả các đề tài, trên cơ sở đó đưa ra định hướng danh mục nhiệm vụ KHCN của năm tiếp theo [H7.7.1.3]; (2) Tháng 9 hàng năm ra thông báo để các cá nhân, nhóm, đơn vị chuyên môn đăng ký nhiệm vụ KHCN; (3) Các cá nhân/nhóm đề xuất nhiệm vụ KHCN, lãnh đạo đơn vị (Khoa chuyên môn/Phòng/Trung tâm) xác nhận nhiệm vụ phù hợp về mặt khoa học và công tác chuyên môn của đơn vị; (4) Tháng 10, 11 hàng năm Nhà trường họp Hội đồng duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN và thông báo danh sách các nhiệm vụ được duyệt tới các đơn vị, chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng thuyết minh và kế hoạch chi tiết cho từng nhiệm vụ; (5) Tháng 12 hàng năm, tại Hội nghị Khoa học và Đào tạo lần 1, Báo cáo của phòng KHCN sẽ thông qua các nhiệm vụ KHCN của cá nhân/đơn vị. Căn cứ vào định hướng phát triển KHCN hằng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường sẽ xem xét và quyết định những nhiệm vụ nào có tính khả thi, góp phần tháo gỡ những khó khăn trong thực tiễn triển khai các nhiệm vụ của Nhà trường, có tính ứng dụng cao phù hợp với xu hướng phát triển của ngành sẽ được ưu tiên lựa chọn để đưa vào thực hiện.

Nhằm phát huy tính ứng dụng của các đề tài KHCN, Nhà trường khuyến khích chủ nhiệm/thành viên thực hiện đề tài công bố nội dung nghiên cứu của đề tài thông qua bài báo khoa học và có chế độ thưởng điểm cho các đề tài có sản phẩm vượt trội là bài báo khoa học [H7.7.3.1]. Với các đề tài khoa học sư phạm ứng dụng hoặc SKKN, yêu cầu thực nghiệm kèm minh chứng là bắt buộc khi đánh giá nghiệm thu.

Các kết quả nghiên cứu khoa học được Nhà trường sau khi được nghiệm thu chính thức, căn cứ vào biên bản hội đồng nghiệm thu, Nhà trường ra Quyết

định công nhận kết quả nghiệm thu đề tài và cấp Giấy chứng nhận cho giảng viên/ nhóm giảng viên thực hiện đề tài [H7.7.3.2]. Tiếp đến, khâu cuối cùng trong các bước thực hiện đề tài NCKH là chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu hàng năm đến Thư viện nhà trường để phổ biến đến bạn đọc trong và ngoài trường. Đây là một kênh quan trọng để các sản phẩm nghiên cứu đến với cán bộ giảng viên và sinh viên.

Từ năm 2020 đến nay, khi Trường chính thức chỉ còn tuyển sinh và đào tạo ngành Giáo dục mầm non, định hướng các nhiệm vụ KHCN của giảng viên đều hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo ngành Giáo dục mầm non. Trên 90% đề tài KHCN được triển khai trong 5 năm từ 2019 đến 2023 đều hướng đến phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý của Nhà trường.

Bên cạnh đó, một hướng nghiên cứu mới được đẩy mạnh trong 5 năm qua là hướng nghiên cứu phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Nhóm nghiên cứu ứng dụng theo hướng này tập trung nghiên cứu thực tế dạy học ở phổ thông và mầm non, khảo sát nhu cầu của người học và xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu người học. Nhà trường đã tổ chức viết các tài liệu bồi dưỡng theo hạng chức danh nghề nghiệp từ cấp mầm non đến cấp THCS [H7.7.3.3], tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Quyết định số 2000/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non [H7.7.3.4]. Năm 2024, trước nhu cầu của người học là cán bộ nguồn chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường mầm non, Trường tổ chức biên soạn Chương trình và Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý trường mầm non [H7.7.3.5]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng 09 tài liệu chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu người học và thực tiễn địa phương [H7.7.3.6]. Các chuyên đề bồi dưỡng theo nhu cầu đã được triển khai bồi dưỡng cho khoảng 3000 giáo viên, cán bộ quản lý các cấp Tiểu học, THCS và Mầm non trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh lân cận.

Giai đoạn 2019-2024, nhiều nghiên cứu KHCN của cán bộ giảng viên đã được công bố và phổ biến ứng dụng rộng rãi trong nước thông qua các hình thức

khác nhau: bài báo, bài hội thảo khoa học các cấp, sách, tài liệu tham khảo, đề tài NCKH, SKKN... Có thể nói, đây là giai đoạn “bùng nổ” các sản phẩm KHCN với 149 bài báo khoa học của cán bộ giảng viên đã được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; 79 bài hội thảo quốc tế, quốc gia và liên trường; 140 bài hội thảo khoa học cấp trường và cấp khoa; 28 đầu sách, 39 tài liệu giảng dạy và 91 tài liệu bồi dưỡng. Ngoài ra còn có 08 sản phẩm nghệ thuật được công bố tại triển lãm của tỉnh, khu vực và toàn quốc [H7.7.4.1-7].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ có tính ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy - học và quản lý của trường. Một số sản phẩm đã được tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong tỉnh và một số tỉnh lân cận.

3. Tồn tại

Việc giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu KHCN tới các đơn vị đào tạo GVMN chưa được nhiều, chủ yếu tới các cơ sở GDMN trong tỉnh. Nguyên nhân do những yếu tố biến động khách quan của các trường CĐSP địa phương trong giai đoạn hiện nay và tình hình thực tế của địa phương.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, tìm kiếm các đối tác nhằm chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp san, các ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhà trường

1. Mô tả

Từ khi có khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, với sự khuyến khích của Nhà trường, các giảng viên đã mạnh dạn viết và công bố sản phẩm NCKH trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Số lượng bài báo, công

trình khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học, tài liệu dạy học, sách tham khảo... ngày càng nhiều, phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và nâng cao năng lực khoa học của giảng viên.

Bảng: Số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, kỉ yếu Hội thảo trong nước và quốc tế

Năm học	2019	2020	2021	2022	2023	2024	Tổng
1. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế [H7.7.4.1]	1	2	1	2	1	0	7
2. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí trong nước [H7.7.4.2]	28	35	22	18	13	26	142
3. Số lượng bài viết đăng trên các kỉ yếu Hội thảo Quốc tế [H7.7.4.3]	12	8	5	1	1	0	27
4. Số lượng bài viết đăng trên các kỉ yếu Hội thảo Quốc gia [H7.7.4.4]	14	3	5	6	3	8	39
5. Tổng số bài báo							215

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học các cấp tạo diễn đàn cho các giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu sản phẩm nghiên cứu mới, tiếp cận và ứng dụng các sản phẩm KHCN vào thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng.

Bảng: Danh mục các Hội thảo khoa học giai đoạn 2019-2024

Năm	Tên Hội thảo	Quy mô tổ chức		Số lượng báo cáo
		Cấp trường	Cấp khoa	
2019	Không có			
2020	Chương trình phổ thông 2018 và vai trò của trường cao đẳng sư phạm	x		46
	Tiếp cận một số vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay		x	13
2021	Hướng tới đổi mới đào tạo và bồi dưỡng GV Mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn	x		27
2023	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non thực hành	x		33
2024	Chương trình đào tạo GDMN - TA: Thuận lợi và khó khăn qua một năm thực hiện.		x	20

Để đáp ứng công tác đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời nhằm tạo thuận lợi cho người học được tiếp cận nguồn tài liệu sát nhất với nội dung, chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, Nhà trường cho phép triển khai viết Tài liệu dạy học, tài liệu bồi dưỡng giáo viên. Bên cạnh đó, với tiềm lực khoa học sẵn có của đội ngũ giảng viên, Nhà trường khuyến khích giảng viên tham gia viết sách phục vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Thông tin về Tài liệu dạy học, sách tham khảo và tài liệu bồi dưỡng
giai đoạn 2019-2024

Nhiệm vụ KHCN	Năm					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Sách tham khảo [H7.7.4.5]	2	5	4	8	4	5
Tài liệu dạy học [H7.7.4.6]	25	7	0	2	2	3
Tài liệu bồi dưỡng [H7.7.4.7]	0	0	4	74	2	11

2. Điểm mạnh

Kết quả NCKH thời gian 2019-2024 đã có những chuyển biến tích cả về số lượng và chủng loại sản phẩm khoa học. Các Hội thảo khoa học, hội thảo chuyên môn được tổ chức thường xuyên tạo cơ hội cho các giảng viên nâng cao năng lực NCKH, trao đổi, thảo luận và ứng dụng các kết quả NCKH vào thực tiễn.

3. Tồn tại

Số lượng tài liệu dạy học, tài liệu bồi dưỡng hầu hết được lưu hành nội bộ. Nhà trường chưa triển khai biên soạn và xuất bản giáo trình.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục đẩy mạnh công tác NCKH trong giảng viên. Nghiên cứu triển khai biên soạn các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5. Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của trường

1. Mô tả

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, các hoạt động NCKH của Nhà trường đều chủ trương kết hợp NCKH với đào tạo, NCKH phục vụ đào tạo. Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2018-2023 cũng nhấn

mạnh: “tập trung tổ chức các hoạt động NCKH thiết thực nhằm chia sẻ kết quả nghiên cứu ứng dụng các PPGD tiên tiến và đề xuất các hướng phát triển chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội hiện nay. Về định hướng nội dung: tập trung NCKH theo hướng phục vụ nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non” [H7.7.5.1]

Chủ đề các HTKH triển khai trong 05 năm qua đã thể hiện rõ hướng nghiên cứu này: Tiếp cận một số vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay (2020), Hướng tới đổi mới đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn (2021), Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non gắn với việc xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non thực hành (2023).

Với mong muốn tiếp cận nhiều hơn các xu hướng giáo dục mầm non tiên tiến của thế giới và tăng cường giao lưu, hợp tác về KHCN, Nhà trường tạo điều kiện để giảng viên tham gia các Hội thảo khoa học quốc tế, các lớp tập huấn bồi dưỡng phương pháp giáo dục Montessori, STEM, STEAM...

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao năng lực khoa học sư phạm của giảng viên. Sản phẩm khoa học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

3. Tồn tại

Chưa có các hoạt động hợp tác quốc tế. Những công bố quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Nghiên cứu thành lập và bồi dưỡng nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ kinh nghiệm và năng lực thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ hợp tác cùng với các chuyên gia quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 7

Các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ GD&ĐT về hoạt động KHCN đã được Nhà trường xây dựng, triển khai phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đặt ra.

Nhà trường luôn tạo động lực để cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến qua nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu, giáo trình có ý nghĩa thực tiễn cao, phục vụ tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển công nghệ của Trường.

Nội dung các hoạt động NCKH gắn với công tác đào tạo, sản phẩm KHCN phục vụ đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng học tập của người học và nâng cao năng lực khoa học của giảng viên.

Trong giai đoạn tiếp theo Nhà trường có chiến lược rõ ràng, tiếp tục phát triển các hoạt động khoa học công nghệ nhằm thực hiện tốt hơn nữa sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8

THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Nhà trường quan tâm và chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, các điều kiện vật chất, trang thiết bị học tập để phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy và học tập, đảm bảo chất lượng giáo dục của đơn vị. Thư viện được quy hoạch hợp lý, có đội ngũ cán bộ đảm bảo yêu cầu, hệ thống tài liệu tương đối đầy đủ, phong phú phục vụ cho nhu cầu đọc, mượn tham khảo và học tập của giảng viên, sinh viên trong nhà trường. Hệ thống máy tính, máy chiếu, các phòng thực hành, thí nghiệm... được sửa chữa định kì, đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu học tập và rèn luyện của cán bộ viên chức, người lao động trong nhà trường. Công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Hệ thống phòng học đảm bảo tiêu chuẩn. Kí túc xá rộng rãi đảm bảo chỗ ở cho sinh viên và cán bộ giảng viên có nhu cầu. Công tác an ninh trật tự được thực hiện tốt.

Tiêu chí 8.1. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo theo qui định. Tổ chức phục vụ đáp ứng nhu cầu của người học

1. Mô tả

Thư viện nhà trường được đặt tại tầng 3 khu nhà A. Trường có 02 cán bộ trực tiếp làm công tác thư viện, quản lý phòng đọc, quản lý phòng mượn là đồng chí Nguyễn Thị Thu Hương tốt nghiệp chuyên ngành Thông tin Thư viện Đại học Văn hoá Hà Nội và đồng chí Vũ Thị Mai Chi, tốt nghiệp chuyên ngành Thư viện, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hệ thống thư viện của trường có 01 phòng đọc, 01 phòng mượn giáo trình và tài liệu tham khảo. Thư viện có các quy định cụ thể về thời gian sử dụng và mở cửa phục vụ, chế độ mượn, trả sách đối với sinh viên và cán bộ, giảng viên. Thư viện không qui định làm thẻ thư viện riêng mà dùng thẻ sinh viên để tiến hành việc mượn, trả sách. Thư viện đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu

của sinh viên trong việc tìm đọc tài liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình đọc và mượn, trả sách phục vụ học tập. Sinh viên phản hồi tốt đối với hoạt động của thư viện trường. Cụ thể, kết quả đánh giá của sinh viên đối với tiêu chí liên quan đến thư viện là “Thư viện Trường có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo cho toàn khóa học” thể hiện mức độ hài lòng rõ rệt của sinh viên các khóa: khóa K42 có 83,33% sinh viên rất hài lòng, khóa K43 có 82,76% rất hài lòng và với sinh viên K44 - tỉ lệ tăng lên 89,58% hài lòng với giáo trình, tài liệu tham khảo của thư viện. [H4.4.5.7]

Hiện nay, hệ thống thư viện trường đã đáp ứng cơ bản các tài liệu phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo.

Cụ thể:

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Tổng số	226	220	179	372	372	372
2	Số đầu sách	28	24	51	95	95	95

Tổng đầu sách, tài liệu điện tử hiện có là 3007.

Hàng năm nhà trường dành một lượng kinh phí nhất định đầu tư mua sách, tài liệu bổ sung cho thư viện. [H8.8.1.3]

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Tổng số	226	220	179	372	372	372
2	Số đầu sách	28	24	51	95	95	95
3	Kinh phí mua sách	127	72	43	54	47	69

2. Điểm mạnh

- Thư viện có danh mục tra cứu cho từng môn học giúp bạn đọc tra cứu, tìm tài liệu nhanh, chính xác.

- Thư viện có đủ các loại sách về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

- Thư viện đặt tương đối gần giảng đường, khu làm việc của cán bộ, giảng viên nên rất thuận lợi cho việc mượn, đọc của giảng viên và sinh viên.

3. Tồn tại

- Diện tích phòng mượn giáo trình còn hẹp so với qui mô của kho sách, các kho phục vụ còn phân tán chưa tập trung, trang thiết bị còn thiếu.

- Hình thức phục vụ của thư viện còn tồn tại ở dạng kho đóng, gây khó khăn cho độc giả trong việc tìm kiếm và tra cứu.

- Kinh phí nhà trường đầu tư hàng năm cho việc bổ sung tài liệu, giáo trình còn ít. Tài liệu còn chưa phong phú đa dạng, đặc biệt là các nguồn tài liệu nước ngoài, tài liệu điện tử.

4. Kế hoạch hành động

Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên sử dụng tốt các nguồn thông tin, tư liệu của thư viện; mở rộng các dịch vụ cung cấp thông tin cho độc giả.

Bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho thư viện. Tăng mức đầu tư kinh phí cho việc mua bổ sung tài liệu tham khảo, giáo trình. Đồng thời, khuyến khích cán bộ giảng viên biên soạn giáo trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập tại trường.

5. Tự đánh giá : Đạt

Tiêu chí 8.2. Có đủ các phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Mô tả

Trường CĐSP Nam Định có vị trí thuận lợi: cổng chính phía Nam giáp mặt đường Trường Chinh, phía Tây giáp đường Phù Nghĩa (đây là hai con đường rộng rãi và đẹp của TP Nam Định) được xây dựng trên khu đất 28.004,5m² [H8.8.2.1] với: 02 giảng đường học tập là A₄, A₅ và 01 giảng đường bộ môn gồm có tất cả 31 phòng học chung với tổng diện tích 2360m²; 02 phòng

thí nghiệm diện tích 121m²; 05 phòng nghiệp vụ diện tích 420m² và một số các phòng thực hành chuyên ngành khác như: phòng thực hành Âm nhạc, Mầm non, phòng Thể dục...[H8.8.2.2]; 01 giảng đường chính 190 chỗ ngồi diện tích 420m² [H8.8.2.3]; 01 nhà đa năng diện tích 951m² [H8.8.2.4]; 01 khu thư viện trên tầng 3 nhà A với 5 phòng tổng diện tích là 547m², 02 phòng thực hành Vật lý - Kỹ thuật diện tích là 126m²; 05 phòng học máy tính diện tích 300m² [H8.8.2.5]; 02 phòng thực hành mỹ thuật diện tích 220m², 01 sân bóng đá, 01 sân học thể chất, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng rổ, 02 sân cầu lông [H8.8.2.6]

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2024-2025
Phòng học chung	31 phòng 2360 m ²	31 phòng 2360 m ²	31 phòng 2360 m ²	31 phòng 2360 m ²	31 phòng 2360 m ²
Phòng nghiệp vụ	5 phòng 420 m ²	5 phòng 420 m ²	5 phòng 420 m ²	5 phòng 420 m ²	5 phòng 420 m ²
Phòng ngoại ngữ	3 phòng 210 m ²	3 phòng 210 m ²	3 phòng 210 m ²	3 phòng 210 m ²	3 phòng 210 m ²
Phòng máy tính	5 phòng 300 m ²	5 phòng 300 m ²	5 phòng 300 m ²	5 phòng 300 m ²	5 phòng 300 m ²
Phòng thực hành âm nhạc	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²
Phòng thực hành mỹ thuật	2 phòng 220 m ²	2 phòng 220 m ²	2 phòng 220 m ²	2 phòng 220 m ²	2 phòng 220 m ²
Phòng Thực hành Mầm non	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²	3 phòng 120 m ²
Phòng thực hành dinh dưỡng	1 phòng 96 m ²	1 phòng 96 m ²	1 phòng 96 m ²	1 phòng 96 m ²	1 phòng 96 m ²
Phòng Thể	1 phòng	1 phòng	1 phòng	1 phòng	1 phòng

dục	80 m ²	80 m ²	80 m ²	80 m ²	80 m ²
Phòng thư viện	5 phòng 547 m ²	5 phòng 547 m ²	3 phòng 547 m ²	3 phòng 547 m ²	3 phòng 547 m ²
Giảng đường chính	420 m ²	420 m ²	420 m ²	420 m ²	420 m ²
Nhà Đa chức năng	951 m ²	951 m ²	951 m ²	951 m ²	951 m ²

Năm học 2023-2024 toàn trường có 219 học sinh, sinh viên (gồm 3 khóa cao đẳng mầm non K43; K44; K45) học tập ở 39 phòng học, 1 giảng đường chính, 1 nhà Đa năng, 15 phòng thực hành - thí nghiệm, 2 phòng thư viện với tổng diện tích là 6091m², tỷ lệ $6091/990 = 6,15\text{m}^2/\text{sinh viên}$.

Trang thiết bị phục vụ dạy và học: các phòng học chung và phòng nghiệp vụ của các khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị và học liệu phục vụ dạy và học của sinh viên như: bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu, bảng chống lóa, đèn, quạt một số phòng còn được lắp bảng tương tác, giảng đường chính lắp máy chiếu chuyên dùng cho hội trường lớn. Các phòng thực hành theo chuyên ngành đào tạo như: Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Mầm non... cũng đầy đủ trang thiết bị như: đàn Piano, Organ, loa đài, âm ly, giá vẽ, khối hình, tượng mẫu, tranh ảnh, mẫu vật, đồ mầm non và các dụng cụ để tập luyện thể dục thể thao. Các phòng thực hành dinh dưỡng, thực hành mầm non cũng có đầy đủ máy móc, thiết bị, các đồ thí nghiệm, hóa chất, mẫu vật... theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo. Cho đến năm học 2022-2023 nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu, màn chiếu, máy chủ để phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường. Các phòng học thực hành tin học được trang bị bàn ghế, hệ thống máy tính đạt chuẩn. Hệ thống máy tính của nhà trường được bảo dưỡng thường xuyên bởi các cán bộ chuyên trách.

Hàng năm, nhà trường phê duyệt kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công cụ - dụng cụ phục vụ cho việc dạy và học. Điều đó khiến cho các phòng học, phòng thực hành...luôn đảm bảo yêu cầu, phục vụ tốt nhất cho việc dạy và học của nhà trường.

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số tiền (triệu đồng)	2.903	1.177	119	71	144	105

2. Điểm mạnh

- Có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và đủ diện tích các phòng phục vụ cho việc dạy và học.

- Các khu học tập của sinh viên, học viên được bố trí hợp lý. Tổ chức khai thác phòng học, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tương đối khoa học. Có các biện pháp quản lý, bảo quản tốt và phát huy được tính năng, tác dụng của các thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu và công tác.

3. Tồn tại

- Mặt bằng đất của trường có hạn, một số phòng học, nhà xưởng được xây dựng từ rất lâu nay đã xuống cấp; tuy đã được cải tạo, sửa chữa nhưng chưa đồng bộ với mặt bằng chung.

4. Kế hoạch hành động

- Có kế hoạch khai thác các phòng học có hiệu quả (lớp học luân chuyển; chuyển mục đích sử dụng để tận dụng công năng của phòng học).

- Đầu tư kinh phí để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ cho việc dạy và học đồng bộ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3. Có đủ phòng làm việc cho CBGV và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Nhà trường có cơ cấu tổ chức gồm: Ban giám hiệu, 3 phòng chức năng, 3 khoa, 1 Trung tâm. Ban giám hiệu và các phòng được bố trí ở nhà Hiệu bộ gồm 19 phòng, tổng diện tích 993 m² (bao gồm cả phòng khách và phòng họp) để thuận tiện cho việc quản lý cũng như thực hiện các chức năng đặc thù. [H8.8.1.1].

Các cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của các khoa, bộ môn, văn phòng Đảng ủy, Đoàn thanh niên... hầu hết được bố trí phòng làm việc tại nhà A với tổng diện tích là 1.258 m² để thuận lợi cho công tác giảng dạy và các hoạt động sư phạm khác [H8.8.2.3].

Hiện nay, trường có 87 cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu làm việc trong tổng diện tích sử dụng là 1351 m² (do đã dùng một số phòng tại nhà A làm phòng thực hành tin học, Phòng thực hành mầm non, Phòng thực hành dinh dưỡng, phòng thực hành âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ; phòng Thê dục); tỷ lệ là $1351/87 = 15,5$ m²/ người. Trong các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị và phương tiện làm việc làm việc như: tủ đựng tài liệu, bàn ghế, máy tính, máy in, wifi, bảng lịch công tác, điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị khác.

2. Điểm mạnh

- Trường đã bố trí đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.
- Các phòng làm việc thường xuyên được cải tạo, sửa chữa; đảm bảo thông thoáng, vệ sinh cũng như cảnh quan để phục vụ tốt cho các hoạt động chung và đặc thù của từng đơn vị.

3. Tồn tại

- Đa số các phòng làm việc của các đơn vị được xây dựng từ rất lâu, đến nay đã xuống cấp, thiết kế còn thiếu khoa học. Tuy thường xuyên được sửa chữa nhưng chưa được đồng bộ.
- Một số phòng họp cũng như sinh hoạt chuyên môn của các đơn vị còn chật hẹp.

4. Kế hoạch hành động

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định cụ thể cho các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu để nâng cao hiệu quả sử dụng.
- Tăng cường trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, có chất lượng cho các phòng làm việc: mua sắm bàn, tủ, lịch công tác...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.4. Có phòng máy tính được nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin.

1. Mô tả

Năm 2022 trường CĐSP Nam Định tổ chức lại hệ thống phòng máy tính phục vụ dạy học, trường cũng trang bị máy công vụ cho các phòng, ban, khoa và Ban giám hiệu. Từ năm 2023 đến nay, trường đã có 140 máy tính, trong đó 100 máy phục vụ cho học tập, với 4 phòng thực hành và một thư viện điện tử [H8.8.2.2]. Sau khi tổ chức lại hệ thống máy tính, trường đã lắp đặt mạng máy tính nội bộ LAN, trong đó có 100 máy học tập và 40 máy công vụ. Hiện nay tất cả máy tính trong trường đều trong mạng nội bộ, có máy chủ quản lý và được kết nối Internet. Hệ thống máy tính trong trường đã và đang được hoàn thiện để phục vụ tốt hơn cho việc học tập của sinh viên, cho công tác nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên; góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của trường. [H8.8.4.1].

Hiện nay, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, việc ứng dụng công nghệ vào việc dạy và học càng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Chính vì thế, để đảm bảo được hệ thống máy tính cho cán bộ giảng viên và người học tiếp cận với công nghệ thông tin, chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số; nhà trường đã có một số biện pháp đồng bộ như: duy trì, đổi mới hình thức hoạt động của website, đảm bảo tốt hoạt động của cổng dịch vụ công trực văn bản liên thông với các đơn vị sở, ban ngành của Ngành và của Tỉnh, ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm kế toán misa mimosa hành chính sự nghiệp... Nhà trường còn cử cán bộ đi tập huấn chuyển đổi số, tổ chức lớp tập huấn chuyển đổi số cho giảng viên nhà trường vào năm 2024. Đồng thời, nhà trường tiến hành bổ sung số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và website, hiện tại gồm hai đồng chí là Lại Văn Lãm, thạc sĩ CNTT Đại học Thái Nguyên và Nguyễn Ngọc Hiệp, thạc sĩ CNTT, Đại học Thái Nguyên.

Nhà trường cũng tiến hành chuẩn bị, bổ sung kinh phí đầu tư cho việc mua sắm mới, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tin học hàng năm, thể hiện trong bảng sau:

NỘI DUNG	NĂM					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Số tiền (triệu đồng)	506	368	239	176	150	82

2. Điểm mạnh

- Trường CĐSP Nam Định đã có kế hoạch khá sớm về việc đưa CNTT vào phục vụ công tác quản lý của trường. Để làm được việc đó, trường đã tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên về kiến thức CNTT và lập kế hoạch trang bị dài hơi để thích ứng với nguồn kinh phí hạn hẹp; chính vì thế đến nay đã đủ máy tính để thiết lập mạng LAN và kết nối Internet băng thông rộng cho toàn hệ thống mạng.

- Triển khai sớm hệ thống máy tính phục vụ công tác đào tạo. Cán bộ, giảng viên đã ứng dụng CNTT vào công tác của mình. Đủ máy cho sinh viên học tập. Hệ thống mạng máy tính có kết nối Internet giúp GV, SV tiếp cận thông tin mới tốt hơn.

3. Tồn tại

Các phần mềm phục vụ quản lý còn hạn chế. Nội dung trang Web của trường chưa phong phú; Số tiết dạy có ứng dụng CNTT chưa thật nhiều; lượng máy tính cũ, tốc độ chậm chiếm 30%.

4. Kế hoạch hành động

- Tập trung xây dựng trang Web của trường thực sự là Web tác nghiệp.
- Trang bị phần mềm quản lý sinh viên và được đăng tải các thông tin về sinh viên trên trang Web nội bộ.
- Xây dựng qui định giao dịch thông tin trên mạng nội bộ của trường (2022 - 2025)
- Duy trì tốt hoạt động của thư viện điện tử, có phần mềm quản lý thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.5. Có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định

1. Mô tả

Từ năm 2019 đến nay, trường đang tiếp tục sử dụng hai ký túc xá 4 tầng được xây dựng với tổng diện tích là 5120m² với 80 phòng ở, mỗi tòa 4 tầng, mỗi tầng 10 phòng). Sức chứa tối đa của các phòng kí túc đạt 640 sinh viên, đảm bảo tốt nhu cầu chỗ ở của sinh viên. Các phòng ở được thiết kế theo tiêu chuẩn 08 người/phòng (4,8m²/ người) đảm bảo diện tích nhà ở đúng quy định của Điều 1, Khoản 3, Mục h, Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/04/2001 về quy hoạch mạng lưới trường Đại học, Cao đẳng [H8.8.5.1]. Sân chơi và hoạt động thể dục, thể thao nằm giữa 2 ký túc xá, bên cạnh là nhà ăn sinh viên [H8.8.5.2].

Năm học mới, nhà trường ưu tiên bố trí khoảng 70-80% sức chứa cho sinh viên năm nhất (khoảng 450-500 sinh viên), ưu tiên sinh viên năm nhất, sinh viên ở xa, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (theo chính sách của trường). Số còn lại dành cho sinh viên năm 2 trở lên (nếu có nhu cầu gia hạn ở) và dự phòng 5-10% chỗ trống (32-64 chỗ) để linh hoạt điều chỉnh (sinh viên chuyển vào/tra phòng giữa kỳ). Mỗi năm học, ban quản lý thông báo số lượng chỗ trống (tối đa 640 chỗ hoặc ít hơn nếu có sinh viên cũ tiếp tục ở). Các quy trình đăng kí chỗ ở được tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học. Sinh viên nộp đơn đăng ký (trực tiếp hoặc trực tuyến) kèm giấy tờ cần thiết (CMND/CCCD, thẻ sinh viên, giấy xác nhận hoàn cảnh nếu cần), đăng ký thường trước khai giảng 1-2 tháng cùng thời gian nhập học của sinh viên.

STT	NỘI DUNG	NĂM					
		2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số sinh viên ở KTX	125	112	115	150	170	220

Nhà trường có bộ phận quản lý ký túc xá để tổ chức các hoạt động sinh viên nội trú, đảm bảo an toàn, vệ sinh sạch sẽ, trật tự. Bộ phận quản lí kí túc xá

được phân chia nhiệm vụ hợp lý. Trưởng ban quản lý chịu trách nhiệm điều phối chung, mỗi tòa nhà gồm 01 người quản lý giám sát hoạt động hàng ngày của từng tòa nhà. Ngoài ra còn có nhân viên hỗ trợ đảm bảo phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người ở. Ban quản lý sẽ chịu trách nhiệm đăng ký và bố trí, sắp xếp phòng ở cho sinh viên, theo dõi, kiểm tra tình trạng phòng ở, xử lý vi phạm nội quy khu nội trú (nếu có), bảo trì cơ sở vật chất (điện, nước, nội thất) và tổ chức hoạt động cộng đồng cho sinh viên. Định kỳ 1-2 lần/tháng, quản lý tòa nhà kiểm tra tình trạng phòng (vệ sinh, nội thất, thiết bị), việc chấp hành nội quy khu nội trú (ăn, ở, vệ sinh ...) để kịp thời đảm bảo các yêu cầu tốt nhất cho sinh viên. Ban quản lý còn tổ chức các buổi họp định kỳ để lắng nghe ý kiến sinh viên, thành lập nhóm zalo trao đổi nhắc nhở sinh viên cho thuận tiện; cung cấp các dịch vụ tiện ích như wifi, khu vực tự học. Nhờ đó, sinh viên cảm thấy hài lòng khi được hỏi ý kiến về cơ sở vật chất kí túc xá: với sinh viên K42 tỉ lệ 60%, K43 là 79,31%, K44 là 83,33%. Về hệ thống cantin phục vụ ăn uống, hầu hết các khóa sinh viên được khảo sát đều đạt mức độ hài lòng cao: K42 có 67,67% sinh viên rất hài lòng, 20% hài lòng; K43 có 81,03% rất hài lòng và 19,87% hài lòng; K44 có 91,67% rất hài lòng và 8,33% hài lòng [H4.4.5.7].

2. Điểm mạnh

- Ký túc xá của trường đã đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho các sinh viên, học viên có nhu cầu ở nội trú. Có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.

- Ký túc xá được xây dựng và trang bị kiểu mới cùng với cách thức quản lý hợp lý đã đáp ứng yêu cầu chỗ và sinh hoạt có chất lượng cho người học.

- Sinh viên ở trong khu nội trú được đảm bảo an toàn về tài sản cá nhân cũng như an ninh trật tự.

3. Tồn tại

- Nhà ăn sinh viên đã được xây dựng từ rất lâu, nay đã xuống cấp, được cải tạo năm 2023 tuy nhiên, thiết bị còn sơ sài, các dịch vụ chưa thật phong phú. Các hoạt động trong khu ký túc xá chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Có kế hoạch bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên ký túc xá một cách hợp lý.
- Nhanh chóng cải tiến lại các dịch vụ phục vụ ký túc xá, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và sinh viên nhà trường.
- Tổ chức chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội tự quản của sinh viên hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.6. Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định

1. Mô tả

Để phục vụ cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao; nhà trường đã từng bước xây dựng và hiện đại hoá các sân bãi bao gồm: 2 sân bóng đá mini, 2 sân bóng chuyền, 1 sân bóng rổ, 1 sân khấu ngoài trời, khu tập điền kinh, thể dục dụng cụ... Do diện tích khuôn viên còn hạn chế nên sân bãi cho các hoạt động được bố trí xen kẽ giữa các khu nhà với tổng diện tích là 3100m².

Các sân bãi được trang bị hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vệ sinh sạch sẽ, nhiều cây bóng mát đảm bảo cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao của nhà trường. Các phòng tập và các khu học cho các bộ môn năng khiếu đều được trang bị các thiết bị đủ tiêu chuẩn [H8.8.1.1]. Ngoài ra nhà trường còn có nhà Đa chức năng với tổng diện tích 951 m², sức chứa 1000 chỗ ngồi, được trang bị các thiết bị như hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế... và cử người có chuyên môn kỹ thuật quản lý. Trong nhà Đa chức năng có 2 sân cầu lông và 4 bàn bóng bàn, có khu vực sân khấu để tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao của nhà trường [H8.8.2.1].

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)
1	Nhà đa chức năng: Hội nghị lớn, toàn thể GV, SV nhà trường	1.040
2	Sân cỏ đá bóng	1.250
3	Sân KTX 1+2	500
4	Giảng đường chính: Hoạt động chung sức chứa 190 chỗ	420
5	Sân khấu ngoài trời	50

Trong từng năm học, các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như: ngày truyền thống Học sinh - sinh viên và Hội sinh viên Việt Nam mừng 9 tháng 1, ngày quốc tế phụ nữ mừng 8 tháng 3, ngày nhà giáo Việt Nam 20 - 11, khai giảng, bế giảng...

2. Điểm mạnh

- Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho việc giảng dạy và học tập của các bộ môn thuộc các ngành năng khiếu. Bên cạnh việc dạy và học các bộ môn năng khiếu, nhà trường còn tạo điều kiện tốt để sinh viên học tập và hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao.

- Có kế hoạch trang bị và thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Các sân tập, nhà tập, các dụng cụ tập luyện đều được phục vụ tốt cho học tập và sinh hoạt ngoại khoá của sinh viên.

3. Tồn tại

- Phương tiện tập luyện có chất lượng chưa thật cao. Công tác tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao còn ít kinh nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

- Thành lập ban quản lý để nâng cao trách nhiệm và tổ chức khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất thuộc lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao.

- Đầu tư kinh phí để sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao có chất lượng cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.7. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường

1. Mô tả

Trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trên diện tích được phê duyệt điều chỉnh năm 2006 là 28.004,5m² [H8.8.2.1]. Trong đó, nhà trường đã tập trung vào việc xây dựng ranh giới giữa trường và khu dân cư; sau đó sẽ triển khai các hạng mục công trình cho các đường chạy, thư viện điện tử, trung tâm hỗ trợ học tập, xưởng thực hành cho các ngành công nghệ...

Hiện tại, nhà trường phân bổ cơ sở vật chất cho các đơn vị hoạt động, giảng dạy và nghiên cứu, vui chơi. Hệ thống giảng đường hiện gồm 56 phòng học với tổng diện tích là: 3.214m²; 02; xưởng thực hành với diện tích 126m²; 01 nhà học đa chức năng: 951m²; 01 hội trường với diện tích 420m² cụ thể gồm giảng đường A5 4 tầng; giảng đường A4 04 tầng; giảng đường bộ môn 02 tầng phục vụ học chuyên ngành, lớp thực hành tin học; Nhà A gồm các phòng thực hành dinh dưỡng, mầm non, lớp học lý thuyết. 02 xưởng thực hành và 01 hội trường lớn. Hệ thống nhà làm việc gồm nhà hiệu bộ 03 tầng, gồm 18 phòng làm việc với tổng diện tích 1.260m² được bố trí là phòng làm việc cho các phòng và trung tâm, BGH, phòng họp và tiếp khách. Hệ thống ký túc xá sinh viên gồm 02 ký túc xá, mỗi ký túc 04 tầng với 80 phòng ở, diện tích sử dụng 5.120m², mỗi phòng ở đủ tiêu chuẩn cho 08 sinh viên/phòng. Hệ thống sân bãi, phục vụ thể thao và các hoạt động khác của nhà trường gồm 01 sân cỏ bóng đá với diện tích 1.250m²; Sân bê tông trước ký túc xá sinh viên gồm 02 sân bóng chuyền và 01 sân cầu lông tiêu chuẩn; Sân bóng rổ đạt tiêu chuẩn phục vụ hoạt động thể dục thể thao của sinh viên; 01 sân khấu ngoài trời (trước giảng đường bộ môn) phục vụ các hoạt động thể dục, thể thao và sinh hoạt khác. Cơ sở vật chất khác bao gồm hệ thống sân bên tông, cống thoát nước quan trường được xây dựng đảm bảo tiêu thoát nước, hàng rào sắt cách biệt khuôn viên của nhà trường với các hộ dân phía đường Lương Văn Can, đường Trường Chinh và đường Phù Nghĩa.

Hàng năm, nhà trường đầu tư kinh phí nâng cấp, sửa chữa, xây mới cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ giảng viên, công nhân viên, sinh viên học tập và giảng dạy, làm việc tại trường.

STT	NỘI DUNG	NĂM						
		2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số tiền (triệu đồng)	1.250	954	809	1.427	777	102	55

Nhà trường đã tiến hành khảo sát người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất như giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe... và đạt được kết quả đáng khích lệ. Với sinh viên K42, có 20% hài lòng; 73.33% rất hài lòng; sinh viên K43 có 17.24% hài lòng, 81.03 rất hài lòng; sinh viên K44 có 12.5% hài lòng, 87.5% rất hài lòng. [H4.4.5.7].

2. Điểm mạnh

- Quy hoạch tổng thể của trường tương đối khoa học, hợp lý.

3. Tồn tại

- Diện tích sử dụng của trường chưa được 3 ha nên việc xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Tiến độ triển khai các hạng mục công trình còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

- Có kế hoạch đầu tư sửa, nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất.
- Lập kế hoạch cụ thể cho việc triển khai các hạng mục để tranh thủ sự hỗ trợ vốn của Tỉnh, sự giúp đỡ của Bộ và các tổ chức xã hội khác.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.8. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Công tác an ninh, an toàn, trật tự, bảo vệ tài sản cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học luôn được nhà trường quan tâm. Trường có

một tổ bảo vệ gồm 06 nhân viên, tổ chức bảo vệ thành 3 ca liên tục trong ngày. Các cán bộ, viên chức của tổ bảo vệ nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, được trang bị đồng phục cũng như các trang thiết bị cần thiết, có bảng quy định về việc ra vào cơ quan [H8.8.8.1]. Từ năm học 2017 - 2018 nhà trường đã trang bị hệ thống camera an ninh khắp toàn trường để phục vụ tốt hơn cho công tác bảo vệ [H8.8.8.2]

Ngoài lực lượng bảo vệ chuyên trách, nhà trường còn quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo PCCC và CNCH, kiện toàn đội PCCC cơ sở [H8.8.8.3]. Đội PCCC cơ sở được trang bị đầy đủ các trang thiết bị về PCCC như bình cứu hỏa, thang cứu hỏa... được huấn luyện về nghiệp vụ PCCC theo kế hoạch [H8.8.8.4] và được phòng cảnh sát PCCC & CNCH công an Tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC [H8.8.8.5].

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với công an phường và các địa phương lân cận để thực hiện tốt các vấn đề an ninh trật tự. Hàng năm, nhà trường đều có tổng kết, báo cáo về công tác an ninh hàng năm, thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học [H6.6.2.3 Nhà trường ban hành Quyết định số: 430 ngày 28/12/2018 về quy định ra vào trường, nội quy phòng học, phòng thí nghiệm; Nội quy ở khu ký túc xá theo khuyến nghị của đợt kiểm định lần 1.

2. Điểm mạnh

- Đảng uỷ, Ban giám hiệu luôn xác định rõ vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Nhà trường đã phối hợp khá chặt chẽ với công an phường Hạ Long (nơi trường cư trú), với các phường lân cận để bảo vệ trật tự an ninh của trường và quản lý sinh viên ngoại trú.

- Có bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh của trường khá vững mạnh.

- Có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

- Đầu tư kinh phí hợp lý cho việc mua sắm các trang thiết bị phục vụ bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

3. Tồn tại

- Phân công nhiệm vụ của bộ phận bảo vệ còn có lúc chông chéo. Sự phối hợp của các bộ phận làm công tác bảo vệ có lúc chưa thật hợp lý, chặt chẽ.
- Việc bảo vệ giữ gìn trật tự, an ninh có lúc còn hạn chế, bất cập.

4. Kế hoạch hành động

- Chú trọng nâng cao nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.
- Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với bộ phận bảo vệ của trường, về nội quy ra vào cơ quan, phòng cháy chữa cháy...
- Hoàn thiện kế hoạch tổng thể cho công tác bảo vệ của trường để phối hợp các đơn vị cùng làm công tác bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 8

Sau chu kì đánh giá ngoài, nhà trường đã nghiêm túc tiếp thu những ý kiến của Đoàn chuyên gia, đảm bảo giữ vững những điểm mạnh, khắc phục mặt hạn chế trong công tác thư viện, trang thiết bị cơ sở vật chất và các hoạt động khác. Nhà trường tiếp tục đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị học tập... để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Phòng học được bố trí, thay đổi cho phù hợp với số lượng sinh viên thực tế của nhà trường, đảm bảo cảnh quan phục vụ học tập. Thư viện có đủ tài liệu, sách, tạp chí theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Các phòng làm việc được bố trí hợp lý, máy tính được kết nối mạng trong toàn trường, có máy in... và được nhân viên kĩ thuật có chuyên môn kiểm tra thường xuyên.

Nhà trường có trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy và tập huấn hàng năm cho đội bảo vệ, và phối hợp tốt với cơ quan an ninh địa phương làm tốt công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự trong đơn vị.

Hiện nay, do nhà trường được xây dựng đã lâu nên có một số cơ sở vật chất bị xuống cấp, trang thiết bị máy móc còn chưa được hiện đại, nguồn kinh phí còn hạn hẹp... Trong thời gian tới, nhà trường sẽ có kế hoạch sửa chữa, tận dụng điều kiện thực tế, sử dụng hợp lí và từng bước khắc phục những điểm còn tồn tại để tiếp tục thực hiện tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị... nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên học viên học tập và làm việc tại trường.

Tiêu chuẩn 9

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định là đơn vị dự toán cấp 3, đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Công tác quản lý tài chính của trường chịu sự quản lý trực tiếp của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

Từ khi thành lập đến nay, nhà trường rất chú trọng đến công tác quản lý tài chính, đặc biệt là công tác quản lý nguồn thu, lập kế hoạch và sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và quy định của Nhà nước. Hoạt động thu – chi và quản lý tài chính của nhà trường vận hành nhịp nhàng, hiệu quả cao nhằm phục vụ chiến lược phát triển của trường. Công tác quản lý tài chính dưới sự chỉ đạo của phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở GD&ĐT Nam Định và sự điều hành trực tiếp của Ban Giám hiệu nhà trường. Sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị trong toàn trường trong công tác tài chính đã từng bước hoàn thiện, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, đúng quy định của Nhà nước. Hằng năm, hoạt động tài chính của nhà trường được báo cáo quyết toán một cách chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn.

Tiêu chí 9.1. Có quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu

1. Mô tả

Nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB) theo đúng tinh thần Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập [H9.9.1.2].

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2024, Nhà trường đều tiến hành rà soát, điều chỉnh QCCTNB cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước mới ban hành và thực tiễn nguồn lực tài chính của trường.

Việc thực hiện điều chỉnh QCCTNB đảm bảo tính dân chủ và công khai. Nhà trường giao cho Phòng Tài chính – Quản trị cùng với Ban Chấp hành Công đoàn trường lấy ý kiến các đơn vị; từng đơn vị họp tổng hợp ý kiến gửi

Ban chấp hành Công đoàn trường; Ban Giám hiệu nhà trường cùng với Ban chấp hành Công đoàn trường, Phòng Tài chính – Quản trị và trưởng các đơn vị xem xét đề xuất của các đơn vị. Ban Chấp hành Công đoàn trường tổng hợp nội dung chỉnh sửa trình bày và lấy ý kiến kết luận trong Hội nghị viên chức trước khi ban hành Quyết định thực hiện QCCTNB mới [H9.9.1.2]

Nhà trường có cơ chế giám sát việc thực hiện QCCTNB thông qua hoạt động thường xuyên của ban Thanh tra nhân dân [H9.9.1.7]

Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu. Các định mức thu, chi được xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Đồng thời, để tăng tính tự chủ, giảm dần sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước, Nhà trường đã mở các loại hình dịch vụ đào tạo để gia tăng nguồn thu nhập hợp pháp như liên kết đào tạo các hệ Đại học vừa làm vừa học (VLVH), các lớp liên kết đào tạo chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường được chuẩn hóa theo đúng Luật Kế toán và các quy định hiện hành của Nhà nước về tài chính [H9.9.1.4].

Việc mở sổ kế toán, ghi chép số liệu, bảo quản lưu trữ chứng từ kế toán, lập báo cáo quyết toán, công tác quản lý và sử dụng tài sản được thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước và được thể hiện trong Báo cáo Tài chính các năm và biên bản duyệt quyết toán Ngân sách nhà nước các năm của Sở GD&ĐT [H9.9.1.8].

Nhà trường hiện đang sử dụng phần mềm kế toán của công ty cổ phần Misa. Đây là phần mềm có bản quyền, được thống nhất sử dụng trong toàn ngành Giáo dục tại Nam Định. Nhà trường thường xuyên yêu cầu bên cung cấp phần mềm cập nhật, chỉnh sửa phù hợp với quy định mới của Nhà nước [H9.9.1.4]

Năm 2020 nhà trường tiếp đoàn Thanh tra tài chính thuộc Sở Tài chính tỉnh Nam Định đến làm việc. Theo kết luận của kiểm toán và thanh tra, nhà trường đã thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu [H9.9.1.9]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường ban hành QCCTNB giúp cán bộ, giảng viên trong trường thực hiện thu, chi một cách thuận lợi; giúp nhà trường chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính theo chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu một cách nghiêm túc, khoa học. Điều này được thể hiện rõ nét trong các Biên bản kết luận của các đoàn kiểm tra của kiểm toán, thanh tra tài chính, duyệt quyết toán hàng năm.

Việc sử dụng phần mềm kế toán có bản quyền trong công tác tài chính giúp các kế toán viên thuận lợi trong việc quản lý thu, chi, tổng hợp, lập báo cáo tài chính và thuận lợi cho kế toán trưởng nắm bắt đầy đủ tình hình thu chi của đơn vị, nguồn kinh phí hiện có của trường để có ý kiến tham mưu kịp thời với Hiệu trưởng.

3. Tồn tại

Định mức chi dành cho một số hoạt động trong QCCTNB còn chưa cao.

Một số nội dung chi chưa có quy định, hướng dẫn của đơn vị cấp trên. Nhà trường phải vận dụng các văn bản có nội dung tương tự để xây dựng định mức chi phù hợp với tình hình đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, phòng Tài chính – Quản trị tiếp tục là đầu mối rà soát, tham mưu cho Nhà trường gia tăng các nguồn thu hợp pháp, làm cơ sở để điều chỉnh các định mức chi cho các hoạt động phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của Nhà trường

1. Mô tả

Nhà trường có nguồn tài chính ổn định, được thể hiện qua bảng sau:

STT	Năm	Tổng số	Phân chia
-----	-----	---------	-----------

			Ngân sách Nhà nước cấp (triệu đồng)	Học phí (triệu đồng)	Thu khác (triệu đồng)
1	2018	25.034	23.102	1.843	89
2	2019	24.757	23.214	1.493	50
3	2020	21.451	20.377	839	235
4	2021	20.844	18.379	2.465	0
5	2022	22.823	20.962	1.840	21
6	2023	26.223	22.162	4.051	10
7	2024	25.976	24.219	1.752	5
Cộng					

Nhìn vào bảng trên dễ nhận thấy rằng, ngân sách nhà nước cấp cho trường ổn định [H9.9.2.1], nguồn thu học phí của nhà trường tăng liên tục theo các năm. Các khoản thu sự nghiệp của trường có đóng góp quan trọng trong việc gia tăng nguồn kinh phí nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tăng cường cơ sở vật chất cũng như nâng cao phúc lợi, thu nhập cho cán bộ giảng viên trong trường [H9.9.2.2]

Trên cơ sở nguồn kinh phí được ngân sách cấp và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, nhà trường có kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm và sử dụng hợp lý nguồn tài chính dựa trên các nội dung chi theo nhóm mục các Mục lục Ngân sách Nhà nước cấp [H9.9.2.2]. Cơ cấu khoản chi của trường trong các năm được thể hiện qua bảng sau:

ST T	Nội dung chi	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	1.541	979	701	119	340	392	300

2	Phục vụ hoạt động đầu tư cơ sở vật chất	1.505	2.257	1.177	1.667	1.147	338	200
3	Trích lập quỹ cơ quan	590	468	1.025	2.889	1.226	1.300	0
4	Chi thu nhập tăng thêm	619	457	0	0	0	0	0
5	Chi lương và các khoản hỗ trợ cho cán bộ giáo viên và các khoản chi khác	18.847	19.053	17.474	13.704	18.249	13.705	15.9996
	Tổng cộng	100%	100%	100%	100%	100%		

Trong các năm qua, Nhà trường có nhiều thuận lợi trong tuyển sinh và đào tạo giáo viên mầm non theo nhu cầu của xã hội nên nguồn thu hợp pháp của trường ổn định, nhờ đó, nhà trường luôn chủ động về kinh phí để đáp ứng các nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Hoạt động tài chính đáp ứng được hoạt động đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của nhà trường, thể hiện qua việc thanh toán chế độ tiền lương, phúc lợi cho người lao động nhà trường qua các năm tài chính từ 2018 đến nay.

Do đặc thù thay đổi chính sách quản lý, hiệu lực của quy hoạch mạng lưới các trường đại học và Cao đẳng Sư phạm, việc xây dựng kế hoạch đảm bảo tài chính gặp khó khăn. Tuy nhiên, dựa trên biên chế hiện có và nguồn thu hoạt động dịch vụ (liên kết đào tạo hệ VLVH với trường ĐHSP Hà Nội 14 lớp; dịch vụ cho thuê phòng học ký 03 năm từ năm 2024; Các hệ đào tạo liên thông, nguồn tài chính của nhà trường được đảm bảo đến hết năm 2028, nhà trường vẫn đảm bảo từ 10-30% kinh phí ngân sách cấp, duy trì là đơn vị thuộc nhóm 3 tự đảm bảo một phần kinh phí tự chủ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của trường.

3. Tồn tại

Từ năm 2018, theo xu hướng chung, việc tuyển sinh một số ngành gặp khó khăn, điều này phần nào ảnh hưởng đến nguồn thu của trường trong thời điểm hiện tại cũng như trong các năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, nhà trường đẩy mạnh công tác tuyển sinh, mở rộng nhiều hình thức bồi dưỡng, đào tạo theo chức năng nhiệm vụ, giữ ổn định số lượng sinh viên chính quy, góp phần duy trì ổn định nguồn thu nhập. Hoàn thiện đề án cho thuê quyền sử dụng tài sản công, tăng nguồn thu cho nhà trường, bên cạnh đó tiếp tục duy trì các lớp liên kết đào tạo trình độ đại học, các lớp chứng chỉ nghiệp vụ để tăng nguồn thu cho nhà trường. Hết năm 2024, nhà trường được xếp loại đơn vị tự chủ một phần, tự đảm bảo kinh phí từ 10 đến dưới 30% kinh phí ngân sách cấp (nhóm đơn vị loại 3).

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Thực hiện công khai tài chính để giảng viên, cán bộ viên chức, nhân viên tham gia kiểm tra, giám sát

1. Mô tả

Hằng năm, căn cứ vào dự toán được Sở GD&ĐT giao, phòng Tài chính – Quản trị công khai các nguồn kinh phí được giao trong cuộc họp giao ban gần nhất và tiến hành phân bổ kinh phí theo từng quý gửi Kho bạc Nhà nước để hoạt động.

Tại hội nghị cán bộ, viên chức, trưởng phòng Tài chính – Quản trị báo cáo công khai tình hình thu – chi trong năm chi tiết theo từng nguồn kinh phí, đồng thời công khai các ý kiến, kiến nghị của đơn vị thẩm định quyết toán với toàn thể cán bộ, viên chức [H9.9.3.1]

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các đơn vị có

sử dụng ngân sách nhà nước”; tổ thanh tra nhân dân hằng năm lên kế hoạch kiểm tra hoạt động tài chính của Nhà trường [H9.9.1.7] để tiến hành kiểm tra việc thu chi theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo tiết kiệm. Kết quả hoạt động tài chính được báo cáo cơ quan chủ quản và được công khai tới toàn thể cán bộ nhà trường theo mỗi đợt thanh toán thu nhập tăng thêm vào thời điểm đầu tháng 7, tháng 11 và tháng 12 hàng năm [H9.9.3.1].

Hằng năm, nhà trường nghiêm túc thực hiện báo cáo Ba công khai phần về công khai tài chính theo yêu cầu của Cục Quản lý chất lượng, kết quả công khai được đăng lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Sau mỗi đợt kiểm toán, thanh tra duyệt quyết toán, kiểm tra thuế; Nhà trường nghiêm túc thực hiện kiến nghị trong các biên bản kết luận, bộ phận kế toán rút kinh nghiệm để công tác tài chính của nhà trường ngày tốt hơn. Các hoạt động giám sát hoạt động thu, chi tài chính của Hội đồng trường, Thanh tra nhân dân được thể hiện qua biên bản duyệt và thẩm định quyết toán hàng năm của Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo [H9.9.1.8], Biên bản họp hội đồng trường về quy chế chi tiêu nội bộ, Biên bản công khai tài chính [H9.9.1.9].

Về việc sử dụng các quỹ của nhà trường, tính đến thời điểm 31/12/2024, nhà trường đã hoàn thành theo kiến nghị của biên bản thanh tra và có tích lũy đáng kể cụ thể, tổng quỹ dư: 1.968 triệu đồng, trong đó quỹ khen thưởng là 144 triệu, quỹ phúc lợi là: 831 triệu; Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp là: 993 triệu đồng. Về việc thu hồi tạm ứng của các cá nhân theo kiến nghị, đến thời điểm 31/12/2023 các cá nhân đã hoàn trả 100% tạm ứng, hiện tại nhà trường không còn khoản tạm ứng. hoạt động dịch vụ trông coi xe đạp, xe máy, xe ô tô đã được theo dõi và phản ánh trên báo cáo tài chính của Nhà trường. Về việc xây dựng đề án sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động dịch vụ: Nhà trường đã hoàn thành năm 2023 đề án được UBND tỉnh phê duyệt và tiến hành đấu giá quyền sử dụng tài sản công vào hoạt động cho thuê vừa tăng nguồn thu đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã công khai công tác tài chính thông qua rất nhiều hình thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ viên chức, người lao động được biết, được kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính trong Nhà trường.

3. Tồn tại

Một số báo cáo về công tác tài chính trên trang thông tin điện tử của nhà trường còn chưa cập nhật theo thời gian quy định.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục cập nhật báo cáo về hoạt động tài chính trên trang thông tin điện tử kịp thời và đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 9

Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực tài chính, Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng nguyên tắc và quy định của Nhà nước, đảm bảo tính khoa học và tính khả thi, được điều chỉnh và bổ sung hằng năm để phù hợp với thực tiễn.

Các nguồn lực tài chính của Nhà trường tương đối ổn định và đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp của Nhà trường.

Công tác quản lý và điều hành hoạt động tài chính của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo chế độ tài chính – kế toán hiện hành. Nhà trường có kế hoạch, chiến lược phát triển nguồn tài chính theo hướng gia tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo liên kết, bồi dưỡng....

Nhà trường luôn công khai tài chính tới cán bộ giảng viên, người lao động để cùng tham gia kiểm tra giám sát, bảo đảm tính dân chủ, minh bạch.

Tiêu chuẩn 10

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Mở đầu

Trường CĐSP Nam Định duy trì được mối quan hệ thường xuyên, gắn bó, với các cơ sở VHVN - TDTT trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá và góp phần thực hiện mục tiêu, sứ mạng của nhà trường. Nhà trường đã chủ động tham gia và phối hợp tổ chức một số hoạt động với Trung tâm văn hóa thanh thiếu niên tỉnh, Tỉnh Đoàn Nam Định, Bảo tàng huyện Hải Hậu, Công ty Honda... và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo SV và cán bộ, giảng viên. Trong những sự kiện trọng thể như lễ khai giảng, bế giảng, dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, nhà trường luôn có đại diện các cơ quan, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đến dự và chúc mừng. Các hoạt động lớn của nhà trường đều có sự phối hợp, bảo vệ trật tự, an ninh của chính quyền và cơ quan công an.

Tiêu chí 10.1. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT, thông tin đại chúng ở địa phương

1. Mô tả

Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức, tham gia hưởng ứng nhiều hoạt động VHVN - TDTT trong và ngoài tỉnh [H10.10.1.1]. Những hoạt động này đều được nhà trường đồng ý tổ chức và hợp tác thực hiện thông qua các tờ trình, quyết định cử cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia kèm các chế độ chính sách như tiền nước uống, tiền tập luyện, tiền trang phục, tiền đi lại...

Đoàn thanh niên trường tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cùng các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Nam Định và các hoạt động do Tỉnh Đoàn tổ chức như Giao lưu bóng đá, Giao lưu văn nghệ, Ngày hội đoàn viên, Hội thi Olympic tiếng Anh sinh viên, Cuộc thi “Bác Hồ với Nam Định, Nam Định với Bác Hồ”... Các hoạt động đều có sự tham gia tích cực của SV nhà trường và đạt được kết quả cao [H2.2.8.8].

Công đoàn trường cũng đã duy trì một số hoạt động thường niên do Công đoàn ngành tổ chức như ủng hộ giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, Giải thể thao cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chào mừng ngày 20/11... và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với Viện huyết học truyền máu Trung ương phát động và tổ chức phong trào hiến máu nhân đạo, phối hợp với một số trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh tổ chức phong trào sáng tạo trẻ trong sinh viên. Các sản phẩm có chất lượng tốt trong Hội thi đã được trao tặng cho các trường làm dụng cụ giảng dạy.

Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan truyền thông trong Tỉnh như Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, báo Nam Định để đưa tin, bài về chỉ tiêu tuyển sinh, các hoạt động lớn của trường như Lễ khai giảng, bế giảng, Hội thi, Hội thảo khoa học.

2. Điểm mạnh

Trường CĐSP Nam Định đã thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT trong và ngoài tỉnh, có kế hoạch phối hợp tổ chức và tham gia nhiều hoạt động hấp dẫn, thu hút được đông đảo SV và cán bộ, công nhân viên tham gia. Nhà trường cũng đã tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, CSCV, kinh phí để các hoạt động trên đạt được kết quả tốt.

3. Tồn tại

Mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở thông tin truyền thông đôi khi chưa thật sự thường xuyên và liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tăng cường mối quan hệ với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT để tuyên truyền và quảng bá cho các hoạt động của nhà trường; tăng cường xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa với cơ quan truyền thông để các thông tin về hoạt động đào tạo, giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường được phổ biến tới đông đảo người dân và các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Thiết lập được mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hóa - xã hội

1. Mô tả

Trong những năm qua trường CĐSP Nam Định luôn duy trì mối quan hệ phối hợp, hợp tác với UBND phường, công an phường Hạ Long nhằm thực hiện tốt các hoạt động tình nguyện, giữ gìn trật tự giao thông tại ngã tư Trường Chinh - Phù Nghĩa, vệ sinh môi trường tại cổng trường... Các hoạt động này được sinh viên tích cực hưởng ứng. Nhà trường đã phối hợp với Head Honda Thu Thủy 1, Đoàn thanh niên công an tỉnh Nam Định tổ chức các chương trình tập huấn, tuyên truyền về văn hóa giao thông, hướng dẫn kỹ năng lái xe an toàn cho toàn thể sinh viên trong trường. Nhà trường cũng phối hợp với trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức hoạt động tình nguyện ở tỉnh Quảng Trị, hỗ trợ cho học sinh và các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt [H10.10.2.1].

Với Sở GD&ĐT, là cơ quan quản lý trực tiếp, nhà trường thực hiện các kế hoạch, các nhiệm vụ chính trị cũng như hưởng ứng các hoạt động văn hóa - xã hội do ngành giao. Với Công đoàn ngành và Liên đoàn lao động tỉnh, Công đoàn trường luôn tích cực tham gia nhiều hoạt động và đạt kết quả cao như Hội thi thể thao cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhân ngày 20/11... Ngoài ra, Công đoàn trường còn tích cực động viên công đoàn viên ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ủng hộ người nghèo, tổ chức trung thu cho con em cán bộ công nhân viên [H10.10.2.1].

Thực hiện kế hoạch và phương hướng hoạt động của Đoàn thanh niên tỉnh Nam Định, Đoàn thanh niên nhà trường cùng với Đoàn thanh niên Cụm các trường Cao đẳng, Đại học, Đoàn thanh niên công an tỉnh, Huyện đoàn Mỹ Lộc và một số đơn vị khác duy trì tổ chức được chương trình tình nguyện vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc. . Đoàn trường đã trao tặng nhiều phần quà giá trị cho trường học và học sinh vùng khó khăn. Đoàn trường cũng chủ động phối hợp với trường mầm non Hiền Lương, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tổ chức chương trình tình nguyện, thăm và tặng một số đồ dùng, dụng cụ phục vụ cho việc học

tập, giảng dạy tại nhà trường. Bên cạnh đó, Đoàn trường cũng phối hợp với các chuyên gia, bác sĩ có uy tín tổ chức tọa đàm “Bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại và chăm sóc sức khỏe sinh sản” cho toàn thể sinh viên trong trường. Chương trình còn có sự tham gia của một số sinh viên ở các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Nhà trường cũng đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức các buổi tập huấn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên, cử sinh viên tham gia các hội thảo, chương trình về khởi nghiệp.

Nhà trường đã thành lập đội dự thi và cử sinh viên tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về Luật phòng, chống tác hại thuốc lá; sáng kiến về phòng, chống tác hại thuốc lá trong đoàn viên, thanh niên tỉnh Nam Định” do Tỉnh Đoàn tổ chức. Đội thi của nhà trường đã giành giải Ba trong Hội thi.

Nhà trường cũng phối hợp với Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh cử sinh viên tham gia tập luyện, biểu diễn văn nghệ trong chương trình chào mừng kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống bộ đội biên phòng và 35 năm ngày biên phòng toàn dân. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tích cực phối hợp với một số đơn vị trong tỉnh như trường THPT Xuân Trường B, trường THPT Vũ Văn Hiếu, ban quản lý di tích Đền Trần, Chùa Tháp, Bảo tàng Nam Định để tổ chức chương trình tình nguyện hè và về thăm các địa chỉ đỏ của quê hương Nam Định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để phối hợp với các cơ quan, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội phong phú, đa dạng cho giáo viên và SV. Các hoạt động thường xuyên được đổi mới về nội dung, hình thức đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia và tạo dựng được thiện cảm tốt đẹp về nhà trường trong dư luận xã hội.

3. Tồn tại

Các đơn vị phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội chưa nhiều và chưa đa dạng ở các lĩnh vực khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục mở rộng các mối quan hệ với các cơ quan, đoàn thể ở địa phương, các cơ quan chính quyền trong và ngoài tỉnh. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động văn hóa - xã hội để xây dựng hình ảnh của nhà trường ngày càng uy tín và chất lượng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 10

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT; các cơ quan, đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc thực hiện các hoạt động văn hóa - xã hội. Nhiều hoạt động của nhà trường đạt kết quả cao như Ngày hội đoàn viên, Giải thể thao của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; tham gia văn nghệ, nấu ăn, cắm hoa do Đoàn thanh niên Cụm các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức. Các hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng như hiến máu, gói bánh chưng, ủng hộ học sinh, đồng bào vùng khó khăn, tiếp sức mùa thi... cũng được các cơ quan, đoàn thể đánh giá cao. Bên cạnh đó, nhà trường cần tiếp tục xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với các cơ quan, đoàn thể trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh mối quan hệ với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về các hoạt động của nhà trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

PHẦN 4. KẾT LUẬN

Tự đánh giá là công việc vô cùng quan trọng để giúp cơ sở giáo dục nhìn nhận, rà soát, phân tích, đánh giá một cách toàn diện những điểm mạnh, mặt còn hạn chế và từ đó lên kế hoạch khắc phục, cải tiến để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trường CĐSP Nam Định rất chú trọng đến công tác tự đánh giá và đã thực hiện tự đánh giá theo đúng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng. Các nội dung tự đánh giá thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng với 10 tiêu chuẩn, 55 tiêu chí, mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 5 phần: mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá tiêu chí.

Sau chu kỳ kiểm định chất lượng lần đầu tiên 2013 - 2017, nhà trường đã nghiêm túc tự đánh giá và thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài cũng như căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị. Trong thời gian của chu kỳ tiếp theo, tuy gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và sự thay đổi của các chính sách liên quan đến trường cao đẳng sư phạm; nhà trường vẫn nỗ lực giữ vững được thành quả của các tiêu chí đạt yêu cầu trước đó, tiến tới khắc phục và hoàn thành các yêu cầu của một số tiêu chí chưa đạt trong chu kỳ đánh giá trước.

Nhà trường đã tập hợp được tất cả các thành phần trong và ngoài trường cùng nhau tham gia và đóng góp ý kiến thực hiện việc tự đánh giá chất lượng. Báo cáo tự đánh giá thể hiện sự nỗ lực của toàn trường trong giai đoạn 2018 - 2023, bổ sung thêm giai đoạn năm 2024. Báo cáo đã phản ánh chính xác thực trạng tất cả các mặt trong nhà trường; từ đó giúp nhà trường xác định được những điểm mạnh, tồn tại và đề ra kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại đó. Do một số thay đổi theo tình hình thực tế, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng chu kỳ 2019 - 2024 và đăng ký đăng ký kiểm định giai đoạn này.

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá, trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục phấn đấu giữ vững các thành quả đạt được, khắc phục hạn chế để đảm bảo chất lượng giáo dục của đơn vị./.

PHẦN 5. PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: C25
Tên trường: Cao đẳng Sư phạm Nam Định
Khối ngành: Sư phạm
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 2024



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: .Sứ mạng của trường CĐSP Nam Định				5	Đ		
1	Đ			6	Đ		
2	Đ			7	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức – Quản lý				Tiêu chuẩn 6: Người học			
1	Đ			1	Đ		
2	Đ			2	Đ		
3	Đ			3	Đ		
4	Đ			4	Đ		
5		C		Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học			
6	Đ			1	Đ		
7	Đ			2	Đ		
8	Đ			3	Đ		
9	Đ			4	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				5	Đ		
1	Đ			Tiêu chuẩn 8: Thư viện, thiết bị, cơ sở vật chất			
2	Đ			1	Đ		
3	Đ			2	Đ		
4	Đ			3	Đ		
5	Đ			4	Đ		
6	Đ			5	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ			1	Đ		
2	Đ			2	Đ		
3	Đ						
4	Đ						
5	Đ						
6	Đ						
7	Đ						
8	Đ						
9		C					

Tiêu chuẩn 5: Giảng viên, cán bộ công nhân viên				3	Đ		
1	Đ			Tiêu chuẩn 10: Quan hệ xã hội			
2	Đ			1	Đ		
3	Đ			2	Đ		
4	Đ			...			

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 53/55 (chiếm 96,36 %);
- Số tiêu chí chưa đạt: 2/55 (chiếm 3,64%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%).

Nam Định, ngày 05 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: C25
Tên trường: Cao đẳng Sư phạm Nam định
Khối ngành: Sư phạm
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 2025



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: .Sứ mạng của trường CĐSP Nam Định				5	Đ		
1	Đ			6	Đ		
2	Đ			7	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức – Quản lý				Tiêu chuẩn 6: Người học			
1	Đ			1	Đ		
2	Đ			2	Đ		
3	Đ			3	Đ		
4	Đ			4	Đ		
5		C					
6	Đ						
7	Đ						
8	Đ						
9	Đ						
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học			
1	Đ			1	Đ		
2	Đ			2	Đ		
3	Đ			3	Đ		
4	Đ			4	Đ		
5	Đ			5	Đ		
6	Đ			Tiêu chuẩn 8: Thư viện, thiết bị, cơ sở vật chất			
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				1	Đ		
1	Đ			2	Đ		
2	Đ			3	Đ		
3	Đ			4	Đ		
				5	Đ		
				6	Đ		

4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
9		C	
Tiêu chuẩn 5: Giảng viên, cán bộ công nhân viên			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		

7	Đ		
8	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ xã hội			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 53. (chiếm 96,36%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 2 (chiếm 3,64%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%).

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiến

PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường:

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Tiếng Anh: Nam Dinh teachers' training college.

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh đặt ở Nam Định, theo Quyết định số 267/QĐ ngày 30 tháng 6 năm 1960 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Trường Sư phạm 10+3 Hà Nam Ninh, theo quyết định số 164/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1978 của Thủ tướng chính phủ.

4. Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định.

5. Địa chỉ trường: Số 813, đường Trường Chinh, Thành phố Nam Định.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02283648351 Số fax 02283649959.

E-mail Webcdspnd@gmail.com

Website: <http://cdspnd.edu.vn>.

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

Năm thành lập: 1960

Năm trường chuyển thành trường cao đẳng: 1978

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I hệ cao đẳng: 1978.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I hệ cao đẳng: 1981.

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật.

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định tiền thân là trường Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh (năm 1960), bắt đầu đào tạo bậc Cao đẳng Sư phạm từ năm 1978 theo quyết định số 164/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1978 của Thủ tướng chính phủ trên cơ sở trường Sư phạm 10+3 Hà Nam Ninh.

Trường là đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT Nam Định, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực giáo dục có trình độ cao đẳng, TCCN cho tỉnh Nam Định và cả nước; liên kết đào tạo trình độ đại học; là cơ sở NCKH, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế về đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho sự

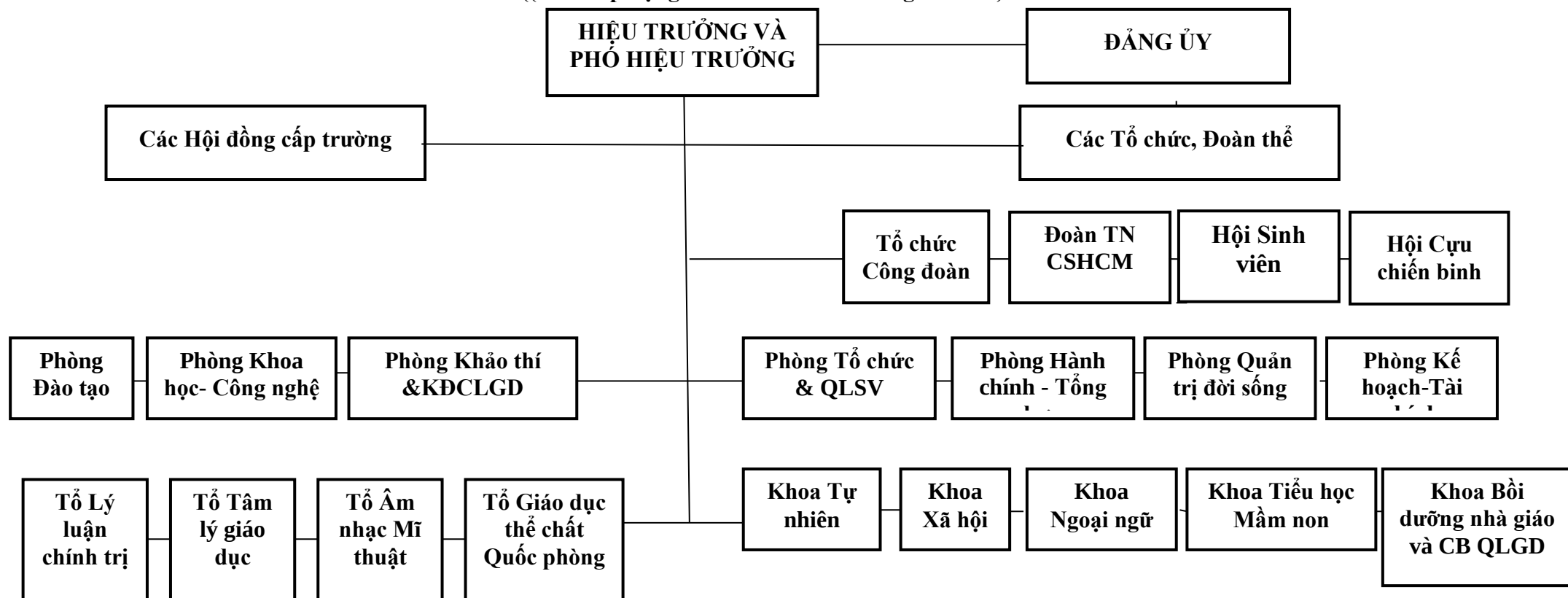
ng nghiệp giáo dục và các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định và khu vực.

Trường gồm 7 phòng (Đào tạo, Tổ chức - Quản lý sinh viên, Khoa học - Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí & KĐCLGD, Hành chính - Tổng hợp, Quản trị - Đời sống), 5 khoa (Tự nhiên, Xã hội, Ngoại ngữ, Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Bồi dưỡng nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục), 4 tổ bộ môn trực thuộc (Lí luận chính trị, Tâm lí - Giáo dục, Âm nhạc - Mỹ thuật, Giáo dục thể chất - Quốc phòng), 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học. Từ tháng 01 năm 2023, do thay đổi cơ cấu các đơn vị, nhà trường hiện còn 03 phòng (Tổ chức - Hành chính, Đào tạo - NCKH, Tài chính - Quản trị); 03 khoa (Giáo dục mầm non, Bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD, Ngoại ngữ - Tin học) và 01 Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh & DVGD. Các tổ chức đoàn thể gồm: Đảng bộ trường, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học.

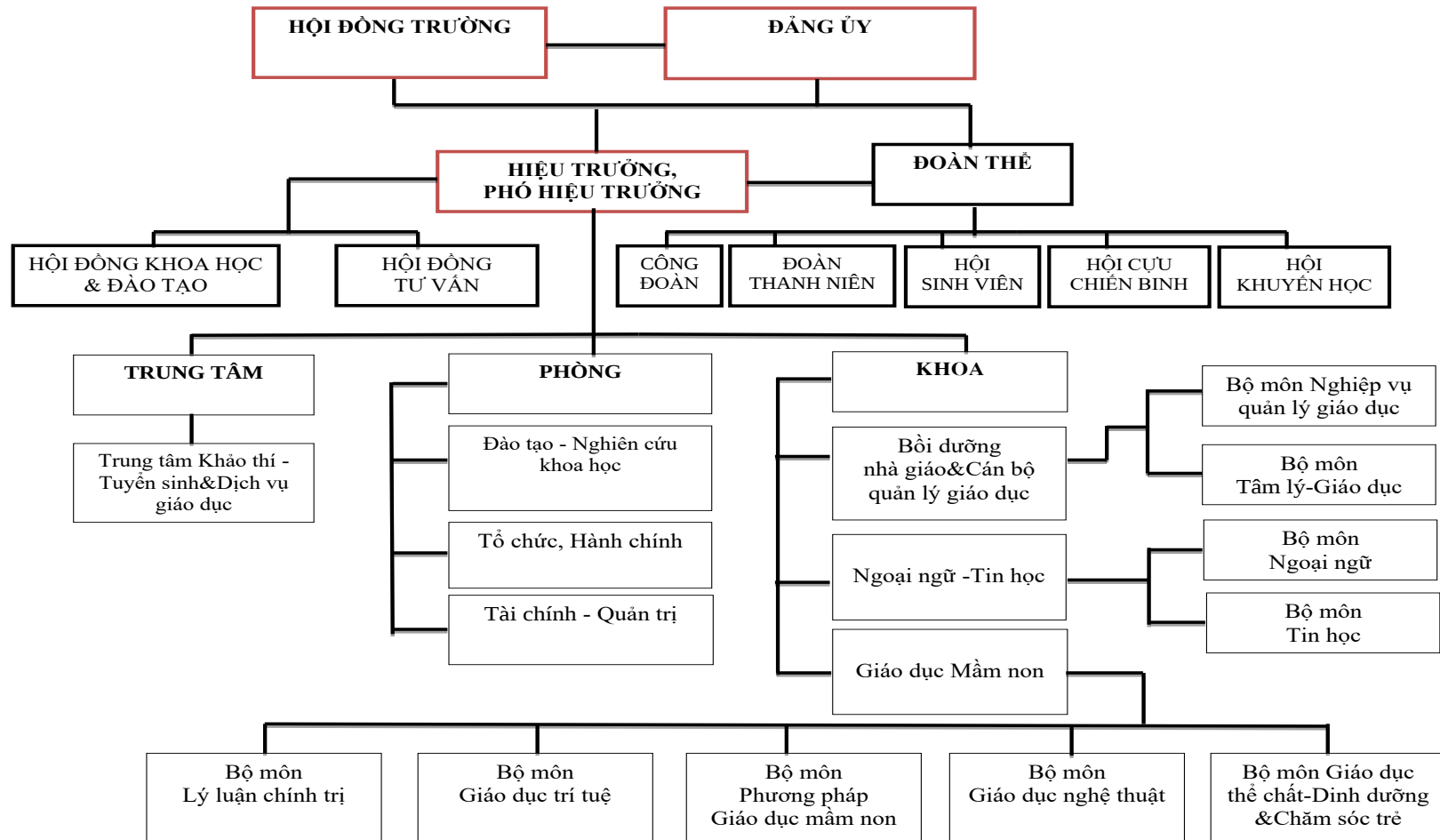
Với truyền thống hơn 60 năm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, nhiều thế hệ giáo viên và cán bộ quản lý được đào tạo từ nhà trường đã và đang góp công sức cho sự nghiệp giáo dục của địa phương; đã có 08 nhà giáo của nhà trường được vinh dự nhận danh hiệu Nhà giáo ưu tú. Với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, nhà trường vinh dự được nhận 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương lao động hạng nhì, 08 Huân chương lao động hạng ba, 24 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 5 cờ thi đua xuất sắc của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 79 bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường cũng được tặng 165 Huy chương *Vì sự nghiệp giáo dục*, 7 huy chương *Vì thế hệ trẻ*, 03 Huy chương *Vì sức khỏe nhân dân*, 08 bằng Lao động sáng tạo, 09 Cờ thi đua xuất sắc của UBND Tỉnh Nam Định, 95 Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định và nhiều Huy chương các loại về thành tích thi sinh viên giỏi, thể dục thể thao...

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
 ((Sơ đồ áp dụng từ năm 2019 đến tháng 12/2022))



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
 (Sơ đồ áp dụng từ tháng 01/2013 tính đến ngày 31/12/2024)



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

ST T	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Ban Giám hiệu				
1	Trần Ngọc Hiền	Thạc sĩ, Hiệu trưởng	0912283189	tnhien@moet.vn
2. Ban Chấp hành Đảng bộ (BCH)				
1	Trần Ngọc Hiền	Thạc sĩ, Bí thư	0912283189	tnhien@moet.vn
2	Trịnh Thị Quỳnh	Thạc sĩ, Phó Bí thư, CT Hội đồng Trường	0945561098	
3	Phạm Văn Chinh	Thạc sĩ, UV Thường vụ	0917784089	
4	Nguyễn Văn Long	Thạc sĩ, Ủy viên	0913943266	
5	Bùi Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ, Ủy viên	0944619677	c25thuy@gmail.co m
6	Lê Thị Thanh Hà	Thạc sĩ, Ủy viên	0912851619	
7	Trần Xuân Kiều	Thạc sĩ, Ủy viên	0949631580	
8	Triệu Quỳnh Trang	Tiến sĩ, Ủy viên	0912922347	mecuathugiang@g mail.com
3. Ban chấp hành Công đoàn				
1	Nguyễn Văn Long	Thạc sĩ, Chủ tịch	0913943266	longcdspnd1976 @gmail.com
2	Nguyễn Thị Yến	Thạc sĩ, Phó Chủ tịch	0886936111	
3	Nguyễn Thị Kim Hằng	Thạc sĩ, ủy viên	0915268848	
4	Trần Thị Huệ	Thạc sĩ, ủy viên	0912451393	
5	Đỗ Hoàng Kim	Cử nhân, ủy viên	0912716899	
6	Vũ Thị Mai	Thạc sĩ, ủy viên	0915385329	
7	Nguyễn Thị Hoài Thu	Thạc sĩ, ủy viên	0987211883	
4. Phòng Tổ chức - Hành chính				
1	Phạm Văn Chinh	Thsĩ, Trưởng phòng	0917784089	Chinhcdsp @gmail.com
2	Nguyễn Văn Long	Thạc sĩ, Phó phòng	0913943266	longcdspnd1976 @gmail.com
3	Triệu Quỳnh Trang	Tiến sĩ, Phó phòng	0912922347	mecuathugiang@g mail.com
4	Ngô Anh Tuấn	Thạc sĩ, giảng viên	0945929776	
5	Phạm Thị Minh Tâm	Thạc sĩ, giảng viên	0932266284	
6	Vũ Thị Thuý Linh	Thạc sĩ, giảng viên	0986739832	linhbung411@gma il.com
7	Trần Đại An	Thạc sĩ, giảng viên	0389746628	
8	Nguyễn Thị Hồng Nhị	Thạc sĩ, giảng viên	0985307517	nguyenhongnhisp2

ST T	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
				@gmail.com
9	Bùi Văn Quang	Thạc sĩ, giảng viên	0912499986	
10	Trần Văn Huyền	THPT, nhân viên	0879694891	
11	Nguyễn Thị Duyên	T.Cấp, nhân viên	0943332436	
12	Trần Đức Hà	THPT, nhân viên	0903247993	
13	Nguyễn Văn Thùy	T.Cấp, nhân viên	0976078101	
14	Lương Trung Thư	THPT, nhân viên	0916403869	
15	Nguyễn Tuấn Anh	CĐảng, nhân viên	0946119866	
16	Nguyễn Đình Thắng	THPT, nhân viên	0834916677	
5. Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học				
1	Trịnh Thị Quỳnh	Thsĩ, Trưởng phòng	0945561098	ngocquynh2225@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hoài Thu	Thsĩ, phó phòng	0987211883	
3	Đỗ Thị Hiền	Thsĩ, giảng viên	0974482646	hien.cdspnd@gmail.com
4	Lại Văn Lâm	Thsĩ, giảng viên	0987049355	Vietlamnd@gmail.com
5	Trần Thị Mai	Thsĩ, giảng viên	0396445781	tranmai.sp2@gmail.com
6	Vũ Thị Thanh Hương	Thsĩ, giảng viên	0945322264	
7	Đoàn Thị Liên	Cử nhân, giáo vụ	0913290523	
6. Phòng Tài chính - Quản trị				
1	Nguyễn Đức Thắng	Cử nhân, phó phòng	0989 646 465	ducthangnd78@gmail.com
2	Lê Xuân Đông	Th.Sĩ, Phó phòng	0988 358 191	xuandong1983@gmail.com
3	Bùi Trọng Giao	Cao đẳng, nhân viên	0121 327 2676	
4	Nguyễn Thị Thanh	Đại học, nhân viên	0917502166	
5	Trần Thế Anh	Cao đẳng, nhân viên	0988925209	
6	Vũ Thị Phương Thảo	Cao đẳng, nhân viên	0898969228	
7	Nguyễn Thị Thu Hương	Cử nhân, nhân viên	0915362255	Huongtvcdspnd@gmail.com
8	Vũ Thị Mai Chi	Cử nhân, nhân viên	0882086866	Manhhieu120311@gmail.com
9	Nguyễn Ngọc Hiệp	Thsĩ, kỹ sư	0383719151	Ngochiep.nguyen061289@gmail.com
10	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân, nhân viên	01273885809	
11	Nguyễn Thị Yến	Th.Sĩ, giảng viên	0886936111	
12	Nguyễn Quốc Thư	Cử nhân, KTT	0949286 991	thunguyencdsp@g

ST T	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
				mail.com
7. Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh & Dịch vụ giáo dục				
1	Trần Xuân Kiều	Thsĩ, Giám đốc	0949631580	kieutnd@gmail.com
2	Đỗ Hoàng Kim	Cử nhân, Phó giám đốc	0912716899	kimhcth@gmail.com
3	Trần Thị Vân	Thsĩ, giảng viên	0988162639	vantrancdsp@gmail.com
4	Đinh Thị Loan	Thạc sỹ, giảng viên	0985984901	ddloan105@gmail.com
5	Vũ Tiến Văn	Thsĩ, giảng viên	0948719487	
6	Trần Minh Nguyệt	Thsĩ, giảng viên	0947053988	nguyetmt2007@gmail.com
7	Nguyễn Văn Sáng	Thsĩ, giảng viên	0985267672	
8	Phạm Thị Nhạn	Thsĩ, giảng viên	0986649650	nhannhi86@gmail.com
9	Nguyễn Thị Thu Dịu	Thạc sỹ, giảng viên	0986229952	diu.bomonhoa@gmail.com
10	Hoàng Thanh Tùng	Thsĩ, giảng viên	0913906879	
11	Đinh Thành Công	Thsĩ, giảng viên	0985938566	
12	Phạm Ngọc Hưng	Thsĩ, giảng viên	0976707577	
8. Khoa Giáo dục Mầm non				
1	Lê Thị Thanh Hà	Thạc sỹ, Trưởng khoa	0912851619	thaiha98@gmail.com
2	Hoàng Thị Hoà	Thsĩ, Phó khoa	0979739226	hoanghoa.cdspnd.vn@gmail.com
3	Đào Thị Anh Lê	T.Sĩ, Phó khoa	0945829639	anhle7277@gmail.com
4	Bùi Thị Thuý	Thsĩ, giảng viên	0915628356	thuycdspnd@gmail.com
5	Phạm Thanh Thuý	Thsĩ, giảng viên	0835951595	thanhthuycdspnd@gmail.com
6	Nguyễn Thị Lan Hương	Thsĩ, giảng viên	0942522997	lanhuongb@gmail.com
7	Trần Thị Ban Mai	Thsĩ, giảng viên	0389968249	banmaisp2@gmail.com
8	Đào Thị Thanh Hoài	Thsĩ, giảng viên	0988162939	hoai chung14@yahoo.com.vn
9	Nguyễn Thị Hằng	Thsĩ, giảng viên	0555959666	
	Bộ môn GDTC-			

ST T	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
	DD&CSTE			
10	Hà Thị Hồng Nhung	Thsĩ, giảng viên	0942263789 0398222775	
11	Phạm Văn Tuấn	Thsĩ, giảng viên	0977694121	
12	Nguyễn Ngọc Ánh	Thsĩ, giảng viên	0982096101	
13	Trần Đức Thịnh	Thsĩ, giảng viên	0948099896	
14	Bùi Thu Hà	Thsĩ, giảng viên	0947766198	
15	Lê Thị Lan Anh	Thsĩ, giảng viên	0913092789	lethilanaanh.spsinh@gmail.com
16	Vũ Quốc Khánh	Thsĩ, giảng viên	0946397254	khanhduom@gmail.com
	Bộ môn Giáo dục trí tuệ			
17	Trần Thị Tuyết Lan	Thsĩ, Trưởng BM	0919864812	
18	Đặng Thuỳ An	Thsĩ, giảng viên	0985526585	
19	Hoàng Thị Phương Loan	Thsĩ, giảng viên	0943085415	
	Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật			
20	Nguyễn Minh Cường	Thsĩ, Trưởng BM	0989667001	cuonghoi.nguyenminh@gmail.com
21	Bùi Thị Thu Hà	Thsĩ, giảng viên	0934271280	buihuha1980k3@gmail.com
22	Đinh Thị Chung Thuỷ	Thsĩ, giảng viên	0378478995	
23	Lưu Chí Thành	Thsĩ, giảng viên	0945051665	
24	Ngô Văn Nam	Thsĩ, giảng viên	0985836579	
	Bộ môn Lý luận Chính trị			
25	Ngô Thị Thục	Thsĩ, Trưởng BM	0912804832	thutuspnd@gmail.com
26	Vũ Thị Mai	Thsĩ, giảng viên	0915385329	maivuspnd@gmail.com
27	Vũ Thị Kim Dung	Thsĩ, giảng viên	0945412996	dungspnd@gmail.com
28	Vũ Văn Hùng	Thsĩ, giảng viên	0984240673	vuhungcdsp@gmail.com
29	Lê Thị Thanh Hương	Thsĩ, giảng viên	0974888036	thanhhuong.cdsp0608@gmail.com
30	Trần Thị Tâm	Thsĩ, giảng viên	0976096339	bangtamcdsp@gmail.com
9. Khoa Bồi dưỡng nhà giáo & Cán bộ quản lý giáo dục				
1	Bùi Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ, Trưởng khoa	0944619677	c25thuy@gmail.com

ST T	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Mai Bích Thu	Thsĩ, Phó khoa	0912443450 0976779199	bichthutl@gmail.com
3	Lê Thị Ngoãn	Thsĩ, Phó khoa	0912750069	
4	Nguyễn Trung Kiên	T.Sĩ, giảng viên	0944592686	
5	Nguyễn Thị Kim Hằng	Thsĩ, giảng viên	0915268848	
6	Đặng Thị Mai Hiên	Thsĩ, giảng viên	0915218813	h311086@yahoo.com.vn
7	Vũ Thị Mai	Thsĩ, giảng viên	0919358293	vumai7677@gmail.com
8	Vũ Thị Oanh	Thsĩ, giảng viên	0989274601	vuthioanhcdspnd@gmail.com
9	Đặng Thị Thu Thảo	Thsĩ, giảng viên	0378110234	thuthaocdspnd@gmail.com
10	Tạ Thị Huệ	Thsĩ, giảng viên	0979090262	hue2412@gmail.com
10. Khoa Ngoại ngữ - Tin học				
1	Hoàng Giang	Thsĩ, Trưởng khoa	0982626871	
2	Trần Thị Huệ	Thsĩ, giảng viên	0912451393	
3	Phạm Thị Huệ	Thsĩ, giảng viên	0947706612	
4	Trần Phương Thanh	Cử nhân, giảng viên	0985062558	
5	Nguyễn Thị Hồng	Thsĩ, giảng viên	0978290030	hongnt3585@gmail.com
6	Đỗ Minh Tuấn	Thsĩ, giảng viên	0982843882	xuxutit@gmail.com
7	Đỗ Văn Dư	Thsĩ, giảng viên	0914843289	dovandusp@gmail.com
8	Trần Thị Hoa	Thsĩ, giảng viên	0387955414	tranhua.cdspnd@gmail.com

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không có

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không có

Số lượng ngành đào tạo đại học: Không có

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 10 ngành, 11 chương trình (từ 2021-2022 còn 02 ngành và 03 chương trình)

Số lượng ngành đào tạo nghề: Không

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐
Bồi dưỡng chuyên đề	☒	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).	☒	☐

16. Tổng số các khoa đào tạo: 3 khoa

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	37	58	95
I.1	Cán bộ trong biên chế	31	54	85
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	6	4	10
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	37	58	95

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

Số T T	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	3	3	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	71	71	0	0	0	0
6	Đại học	3	3	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	77	77	0	0	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 77 .người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 81,1%.

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường⁴: 115,5

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượn g GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	0	0	0	0	0	0	0

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

3	Tiến sĩ khoa học	2	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	3	3	0	0	0	0	6
5	Thạc sĩ	1.5	71	71	0	0	0	0	106,5
6	Đại học	1.0	3	3	0	0	0	0	3
	Tổng		77	77	0	0	0	0	115,5

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các Trường trung cấp, cao đẳng theo thứ tự 5,0; 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1 theo quy định tại Điều 4 Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	3	4,0	1	2	0	1	2	0	0
5	Thạc sĩ	71	92	22	49	0	33	36	2	0
6	Đại học	3	4,0	3	0	0	0	3	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	77	100	26	51	0	34	41	2	0

19.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0

	công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42 (41,92) tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 4%.

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 92%..

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Cao đẳng chính quy							
2019-2020		132		100	16	19.45	0
2020-2021		62		43	16.5	22.73	0
2021-2022		71		63	17	23.09	0
2022-2023		80		48	17	23.26	0
2023-2024		144		114	17	23,79	0
Trung cấp							
2019-2020		27		20	Xét học bạ		
2020-2021		0		0			
2021-2022		0		0			
2022-2023		0		0			
2023-2024		0		0			

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 388 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-

2. Học viên cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng	153	192	101	97	164
Trong đó:					
Hệ chính quy	100	43	63	48	114
Hệ không chính quy	53	159	38	49	50
5. Học sinh TCCN	20	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	20	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

- Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 388
- Tổng số sinh viên quy đổi: 717
- Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 110,1%

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	0	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.120m ²	5.120m ²	5.120m ²	5.120m ²	5.120m ²
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	138	173	91	147	147

3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	125	115	150	170	220
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	41,68 m ² /người	44,52 m ² /người	34,13 m ² /người	30,11 m ² /người	23,27 m ² / người

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	110	20
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	28,2	6,7

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	242	164	247	66	106
Trong đó:					
Hệ chính quy	225	113	92	28	58
Hệ không chính quy	17	51	155	38	48
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp	49	0	12	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	49	0	12	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	252	225	113	92	28	58
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	87%	89%	86%	84%	85%	92%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					86,7	84,5
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)						
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp						
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	80,79	79,13	91,62	79,15	80,3	93,0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
- Sau 12 tháng tốt nghiệp						
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	8,95	5,34	4,0	2,7	16,67	7,0
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm						
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)						
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)						
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)						

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ	Số lượng
-----	------------------	----	----------

		số**	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	0	0	0	0	1,5
4	Tổng		1	0	0	0	0	1,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 1,5.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,6%.

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0
6	2023	0	0	0
7	2024	0	0	0

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	

Tổng số cán bộ tham gia	0	0	2	
-------------------------	---	---	---	--

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

30. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	5	4	8	4	5	26,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		5	4	8	4	5	26,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 26,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 27,4%

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	46	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	1	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	47	0

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	2	1	2	1	0	9,0
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	35	22	18	13	26	114,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		37	23	20	14	26	123

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 123,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 129,5%

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	59	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	10	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	69	0

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	8	5	1	1	0	15,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	9	7	4	8	15,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	46	27	0	33	1	26,75
4	Tổng		57	41	8	38	9	57,25

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 57,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 60,3%

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường

Từ 1 đến 5 báo cáo	3	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	19	31	72
Tổng số cán bộ tham gia	22	31	72

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0
2024-2025	0

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	166	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	166	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	11	10
2	Số bài báo được đăng, công trình	0	0	0	0	0

	được công bố					
--	--------------	--	--	--	--	--

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

38. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 28.004,5
39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: 3.667 ; Nơi học: 4.711 ; Nơi vui chơi giải trí: 6100
40. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 - Tổng diện tích phòng học: 3.214m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy:
 $3.214\text{m}^2 / 114 = 28,2\text{m}^2 / 1\text{sv}$
41. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 3.007, tương đương với 50.000 cuốn
 Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 95, tương đương với 372 cuốn.
42. Tổng số máy tính của trường: 140
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 40
 - Dùng cho sinh viên học tập: 100
 Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,9
43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2020: 21.451
 - Năm 2021: 20.844
 - Năm 2022: 22.823
 - Năm 2023: 26.223
 - Năm 2024: 25.976
44. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2018: 1.843
 - Năm 2019 : 1.493
 - Năm 2020: 839
 - Năm 2021: 2.465
 - Năm 2022: 1.840
 - Năm 2023: 4.051
 - Năm 2024: 1.752

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):
 - Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 77.
 - Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 81,1%
 - Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 3,9%.
 - Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 92,2%.
2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 388

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 717

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 110,1%

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 88,5%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 84,5%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): không điều tra

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 93%.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 7,44%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): không điều tra

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): không điều tra

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): không điều tra

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,6%.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 đ .

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 27,4%

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 129,5%

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 60,3%

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,9

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 9,7

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 23,27

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên ngành	Tên chương trình	Trình độ	Loại hình đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo	Địa điểm tổ chức đào tạo	Ghi chú
1	SP Âm nhạc	SP Âm nhạc	Cao đẳng	Chính quy	2013	CĐSPNĐ	
2	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Cao đẳng	Chính quy	2013	CĐSPNĐ	
3	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	2016	CĐSPNĐ	
4	SP Toán học	SP Toán-Tin	Cao đẳng	Chính quy	2016	CĐSPNĐ	
5	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	2016	CĐSPNĐ	
6	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	Cao đẳng	Chính quy	2016	CĐSPNĐ	
7	SP Ngữ văn	SP Văn - Giáo dục công dân	Cao đẳng	Chính quy	2016	CĐSPNĐ	
8	Sư phạm Lịch sử	SP Sử - Địa	Cao đẳng	Chính quy	2019	CĐSPNĐ	K41
9	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	2020	CĐSPNĐ	K42
10	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	2021	CĐSPNĐ	K43,44,45
11	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non - Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	2021	CĐSPNĐ	K44, 45
12	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Liên thông chính quy	2012	CĐSPNĐ	
13	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Liên thông chính quy	2020	CĐSPNĐ	K15,16,17,18
14	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Liên thông VLVH	2014	CĐSPNĐ	K13,14
15	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Liên thông VLVH	2020	CĐSPNĐ	
16	SP mầm non	SP mầm non	Trung cấp	Chính quy	2015	CĐSPNĐ	2 năm
17	SP mầm non	SP mầm non	Trung cấp	Chính quy	2017	CĐSPNĐ	1 năm

**PHỤ LỤC 4. DANH MỤC MÃ HỌC PHẦN THEO TỪNG NGÀNH,
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	GHI CHÚ
I. Ngành SP Âm nhạc Ban hành theo quyết định số 375/QĐ-CĐSP ngày 16 tháng 09 năm 2013 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC4201	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DC4304	
5	Quản lý HC nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	DC4105	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Tiếng Anh 3	DC4308	
9	Giáo dục thể chất	DC4209	
10	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
11	Công tác quốc phòng, an ninh	DC4211	
12	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
13	Giáo dục pháp luật	DC4124	
14	Lịch sử văn minh thế giới	DN4213	
15	Cơ sở văn hoá Việt Nam	DN4214	
16	Tiếng Việt thực hành	DN4215	
17	Thường thức mỹ thuật	DN4116	
18	Nhập môn Tin học	DN4207	
19	Nhập môn Lô gíc	DN4117	
20	Đại cương mỹ học	DN4118	
21	Tâm lý học đại cương	SP4201	
22	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm	SP4202	
23	Giáo dục học đại cương	SP4203	
24	Lý luận dạy học THCS	SP4204	
25	Lý luận giáo dục THCS	SP4305	
26	Công tác đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	SP4106	
27	Lý thuyết âm nhạc 1	AN4201	
28	Lý thuyết âm nhạc 2	AN4202	
29	Độc - ghi nhạc 1	AN4203	

30	Độc - ghi nhạc 2	AN4204	
31	Độc - ghi nhạc 3	AN4205	
32	Độc - ghi nhạc 4	AN4206	
33	Độc - ghi nhạc 5	AN4207	
34	Hoà âm ứng dụng và phối bè 1	AN4208	
35	Hoà âm ứng dụng và phối bè 2	AN4209	
36	Hình thức và thể loại âm nhạc 1	AN4210	
37	Hình thức và thể loại âm nhạc 2	AN4211	
38	Lịch sử Âm nhạc thế giới và Việt Nam 1	AN4212	
39	Lịch sử Âm nhạc thế giới và Việt Nam 2	AN4213	
40	Dân ca và âm nhạc cổ truyền	AN4314	
41	Hát 1	AN4315	
42	Hát 2	AN4216	
43	Nhạc cụ 1	AN4217	
44	Nhạc cụ 2	AN4218	
45	Đệm đàn	AN4219	
46	Chỉ huy dàn dựng và hát tập thể	AN4320	
47	Múa	AN4221	
48	Phương pháp dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	AN4222	
49	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	AN4323	
50	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	AN4224	
51	Thực hành sư phạm	AN4325	
52	Ứng dụng CNTT vào trong dạy học âm nhạc	AN4226	
53	Tính năng nhạc cụ	AN4227	
54	Khiêu vũ	AN4228	
55	Thực tập sư phạm 1	TT4201	
56	Thực tập sư phạm 2	TT4402	
57	Kiến thức âm nhạc tổng hợp và phương pháp dạy học	AN4290	
58	Thực hành đàn và đệm hát,	AN4391	
II. Giáo dục thể chất (Ban hành theo quyết định số 375/QĐ-CĐSP ngày 16 tháng 09 năm 2013 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin 1	DC4201	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	

4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC4304	
5	Quản lý hành chính nhà nước và ngành Giáo dục-đào tạo	DC4105	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Tiếng Anh 3	DC4308	
9	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
10	Công tác quốc phòng , an ninh	DC4211	
11	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
12	Giáo dục pháp luật	DC4124	
13	Xác suất thống kê	DN4206	
14	Nhập môn tin học	DN4207	
15	Môi trường và con người	DN4108	
16	Nhập môn logic học	DN4109	
17	Sinh hoá .	DN4210	
18	Sinh cơ	DN4211	
19	Tâm lý học đại cương	SP4201	
20	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm	SP4202	
21	Giáo dục học đại cương	SP4203	
22	Lý luận dạy học trung học cơ sở	SP4204	
23	Lý luận giáo dục trung học cơ sở	SP4305	
24	Công tác đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	SP4106	
25	Giải phẫu học	GT4201	
26	Sinh lý học thể dục thể thao	GT4402	
27	Vệ sinh và y học thể dục thể thao	GT4303	
28	Tâm lý học thể dục thể thao	GT4205	
29	Đại cương về thể dục ,thể dục phát triển chung	GT4206	
30	Thể dục thực dụng, Thể dục đồng diễn	GT4207	
31	Thể dục tự do, Thể dục dụng cụ	GT4308	
32	Chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức	GT4209	
33	Chạy cự ly trung bình, chạy việt dã	GT4210	
34	Nhảy xa	GT4311	
35	Nhảy cao	GT4312	
36	Ném bóng, đẩy tạ	GT4213	
37	Đá cầu	GT4214	

38	Bóng chuyền 1	GT4316	
39	Cầu lông 1	GT4217	
40	Bơi 1	GT4218	
41	Cờ vua	GT4219	
42	Trò chơi vận động	GT4220	
43	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất 1	GT4321	
44	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất 2	GT4222	
45	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	GT4223	
46	Bóng bàn1	GT4328	
47	Thực tập sư phạm 1	TT4201	
48	Thực tập sư phạm 2	TT4202	
49	Bóng đá	GT4215	Chọn 2 trong 6 HP
50	Cầu lông 2	GT4224	
51	Bơi 2	GT4226	
52	Võ thuật	GT4227	
53	Bóng bàn 2	GT4225	
54	Bóng chuyền 2	GT4229	
55	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất 3	GT4290	
56	Thể dục - Điền kinh.	GT4391	
III. Giáo dục Tiểu học (Ban hành tại Quyết định số 442/QĐ-CĐSP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1	DC4201	
2	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối CM của ĐCSVN	DC4304	
5	Quản lí HCNN và ngành GDĐT	DC4105	
6	Tin học	DN4207	
7	Tiếng Anh 1	DC4206	
8	Tiếng Anh 2	DC4207	
9	Tiếng Anh 3	SP4316	
10	Giáo dục thể chất	DC4209*	
11	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310*	
12	Công tác Quốc phòng - An ninh	DC4211*	
13	Quân sự chung (thực hành)	DC4312*	
15	Giáo dục pháp luật	DC4124	

16	Tâm lí học tiểu học 1	SP4201	
17	Tâm lí học tiểu học 2	SP4202	
18	Công tác Đội TNTP HCM và Sao Nhi đồng	SP4210	
19	Giáo dục học tiểu học 1	SP4212	
20	Giáo dục học tiểu học 2	SP4313	
21	Đại cương về PPDH và đánh giá ở Tiểu học	SP4314	
22	Rèn nghiệp vụ sư phạm tiểu học	SP4315	
23	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	SP4213	
24	Sinh lí học sinh tiểu học	TH4101	
25	Phương tiện kĩ thuật dạy học và ứng dụng CNTT	TH4202	
26	Văn học	TH4304	
27	Tiếng Việt 1	TH4325	
28	Tiếng Việt 2	TH4226	
29	Tiếng Việt thực hành	TH4206	
30	Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic Toán	TH4208	
31	Các tập hợp số	TH4309	
32	Cơ sở TN - XH và GDMT ở Tiểu học	TH4421	
33	Nhập môn lí thuyết xác suất thống kê	TH4210	
34	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	TH4307	
35	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	TH4207	
36	Đạo đức, lối sống và PP giáo dục lối sống ở TH	TH4303	
37	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	TH4411	
38	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	TH4412	
39	PPDH Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	TH4422	
40	Phát triển KN giải toán cho HS tiểu học	TH4212	
41	PPDH Thể dục cho HS tiểu học	TH4213	
42	Âm nhạc & GD âm nhạc trong trường Tiểu học	TH4216	
43	Mĩ thuật & GD mỹ thuật trong trường Tiểu học	TH4218	
44	Kĩ thuật và PPDH Kĩ thuật ở Tiểu học	TH4220	
45	Dạy học tích hợp và ứng dụng trong giảng dạy Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	TH4223	
46	Các chuyên đề đổi mới trong GD ở Tiểu học	TH4224	
47	Chuyên đề câu tiếng Việt	TH4225	
48	Một số chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở Tiểu học	TH4227	
49	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)	TT4203	

50	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	TT4404	
51	Tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt chuyên sâu	TH4390	Chọn 1 trong 2 HP
52	Ngữ nghĩa học và dạy học ngữ nghĩa ở TH	TH4391	
53	Số học và dạy học số ở Tiểu học	TH4292	Chọn 1 trong 4 HP
54	Hình học và dạy học hình học ở Tiểu học	TH4293	
55	Đại lượng và dạy học đại lượng ở Tiểu học	TH4294	
56	Thực hành nghề	TH4295	
IV. Sư phạm Toán học - Chương trình Sư phạm Toán-Tin (Ban hành tại Quyết định số 442/QĐ-CĐSP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lê nin 1	DC4201	
2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lê nin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	DC4304	
5	QLHCNN & ngành GDĐT	DC4205	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Tiếng Anh chuyên ngành Toán Tin	DC4308	
9	Giáo dục thể chất	DC4209	
10	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
11	Công tác Quốc phòng - An ninh	DC4211	
12	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
13	Giáo dục pháp luật	DC4113	
14	Tâm lí học 1	SP4201	
15	Tâm lí học 2	SP4202	
16	Công tác đội TNTPHCM	SP4203	
17	Giáo dục học 1	SP4204	
18	Giáo dục học 2	SP4205	
19	Đại cương về phương pháp dạy học và đánh giá ở THCS	SP4206	
20	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	SP4301	
21	Thực tập sư phạm 1	TT4201	
22	Thực tập sư phạm 2	TT4402	
23	Kĩ thuật điện tử	TO4201	
24	Giải tích 1	TO4402	
25	Giải tích 2	TO4203	
26	Hình học giải tích	TO4204	

27	Hình học cao cấp	TO4305	
28	Đại số tuyến tính	TO4406	
29	Đại số đại cương	TO4307	
30	Lí thuyết số và Cơ sở số học	TO4308	
31	Đại số sơ cấp 1	TO4209	
32	Đại số sơ cấp 2	TO4210	
33	Hình học sơ cấp	TO4411	
34	Xác suất thống kê	TO4312	
35	Phương pháp dạy học Toán 1	TO4213	
36	Phương pháp dạy học Toán 2	TO4214	
37	Dạy học môn Toán bằng tiếng Anh	TO4215	Chọn 1 trong 4 HP
38	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Toán	TO4216	
39	Sử dụng phần mềm Maple và Geometer's Sketchpad	TO4217	
40	Sử dụng phần mềm Latex	TO4218	
41	Tin cơ sở	TI4241	
42	Toán rời rạc	TI4242	
43	Lập trình cơ bản	TI4243	
44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	TI4344	
45	Quản lí hệ thống máy tính và mạng máy tính	TI4345	
46	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	TI4246	
47	Phương pháp dạy học Tin học	TI4249	
48	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và bài tập lớn	TI4248	
49	Hoạt động TNST trong dạy học môn Tin học	TI4250	Chọn 1 trong 4 HP
50	Dạy học Tin học bằng tiếng Anh c	TI4251	
51	Thiết kế Web	TI4252	
52	Xử lí ảnh	TI4253	
53	Khóa luận tốt nghiệp	TO4500	
54	Giải tích số	TO4390	Chọn 1 trong 4 HP
55	Ứng dụng phép biến hình trong giải toán hình học phẳng	TO4391	
56	Một số chuyên đề bồi dưỡng HSG THCS môn Toán	TO4392	
57	Phương trình nghiệm nguyên	TO4393	
58	Ứng dụng Flash thiết kế mô phỏng trong dạy học	TI4290	Chọn 1 trong 4 HP
59	Corel	TI4291	
60	Thực hành nghề	TI4292	

61	Lập trình nâng cao	TI4293	
V. Giáo dục Mầm non (Ban hành tại Quyết định số 442/QĐ-CĐSP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	DC4201	
2	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	DC4304	
5	Quản lý HCNN và ngành GD & ĐT	DC4205	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Tiếng Anh 3	DC4318	
9	Tin học	DC4214	
10	Giáo dục thể chất	DC4209	
11	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
12	Công tác Quốc phòng - An ninh	DC4211	
13	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
14	Giáo dục pháp luật	DC4113	
15	Tâm lý học mầm non 1	SP4317	
16	Tâm lý học mầm non 2	SP4318	
17	Giáo dục học mầm non 1	SP4219	
18	Giáo dục học mầm non 2	SP4320	
19	Nghề giáo viên mầm non	SP4221	
20	Giáo dục gia đình	SP4222	
21	Giáo dục hòa nhập	SP4223	
22	Đo lường và đánh giá trong GD MN	SP4224	
23	Rèn nghiệp vụ mầm non	SP4325	
24	Kiến tập sư phạm	SP4126	
25	Thực tập sư phạm 1	TT4205	
26	Thực tập sư phạm 2	TT4406	
27	Môi trường và GD MT cho trẻ MN	MN4201	
28	Tiếng Việt thực hành	MN4202	
29	Văn học dân gian và Văn học trẻ em	MN4203	
30	Toán cơ sở	MN4204	
31	Âm nhạc	MN4205	
32	Mỹ thuật	MN4206	

33	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	MN4207	
34	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN4208	
35	Tổ chức hoạt động tạo hình	MN4209	
36	Tổ chức hoạt động âm nhạc	MN4210	
37	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	MN4311	
38	Phương pháp làm quen với Văn học	MN4312	
39	PP làm quen với Toán	MN4313	
40	PP khám phá KH về môi trường XQ	MN4314	
41	Phương pháp giáo dục thể chất	MN4315	
42	Múa và phương pháp dạy múa	MN4216	
43	Vệ sinh - Dinh dưỡng	MN4317	
44	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	MN4318	
45	KT làm đồ dùng, đồ chơi ở trường MN	MN4219	
46	CT và tổ chức thực hiện CT GDMN	MN4320	
47	Quản lý giáo dục mầm non	MN4121	
48	KN tổ chức ngày lễ hội ở trường MN	MN4222	
49	Giáo dục thẩm mỹ cho GV mầm non	MN4223	
50	Đệm đàn phím điện tử trong trường MN	MN4224	
51	Khóa luận cuối khóa	MN4500	
52	Văn học thiếu nhi và Đọc kể diễn cảm	MN4390	Chọn 1 trong 2 HP
53	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	MN4391	
54	Tiếp cận trọn vẹn trong PT ngôn ngữ	MN4292	Chọn 1 trong 4 HP
55	GD dinh dưỡng, vệ sinh AT thực phẩm	MN4293	
56	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	MN4294	
57	Thực hành nghề	MN4295	
VI. Sự phạm Tiếng Anh (Ban hành tại Quyết định số 442/QĐ-CDSP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định)			
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	DC4201	
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DC4304	
5	Quản lý HCNN và quản lý ngành Giáo dục đào tạo	DC4205	
6	Giáo dục thể chất	DC4209	
7	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
8	Công tác quốc phòng, an ninh	DC4211	

9	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
10	Giáo dục pháp luật	DC4113	
11	Tin học	DC4214	
12	Tiếng Trung 1	DC4215	
13	Tiếng Trung 2	DC4216	
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	AV4222	
15	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	AV4225	Chọn 1 trong 3 HP
16	Tiếng Việt thực hành	AV4226	
17	Cơ sở ngôn ngữ học	AV4227	
18	Kỹ năng nói 1	AV4201	
19	Kỹ năng nói 2	AV4302	
20	Kỹ năng nói 3	AV4303	
21	Kỹ năng nói 4	AV4204	
22	Kỹ năng nghe 1	AV4305	
23	Kỹ năng nghe 2	AV4306	
24	Kỹ năng nghe 3	AV4207	
25	Kỹ năng nghe 4	AV4208	
26	Kỹ năng đọc 1	AV4209	
27	Kỹ năng đọc 2	AV4210	
28	Kỹ năng đọc 3	AV4211	
29	Kỹ năng đọc 4	AV4212	
30	Kỹ năng viết 1	AV4313	
31	Kỹ năng viết 2	AV4214	
32	Kỹ năng viết 3	AV4315	
33	Kỹ năng viết 4	AV4316	
34	Ngữ pháp Tiếng Anh	AV4317	
35	Ngữ âm học	AV4218	
36	Từ vựng học	AV4219	
37	Thực hành dịch	AV4220	
38	Luyện âm	AV4221	
39	Giao tiếp giao văn hóa	AV4228	Chọn 1 trong 2 HP
40	Đất nước học Anh	AV4229	
41	Đất nước học Mỹ	AV4230	
42	Tâm lý học 1	SP4201	

43	Tâm lý học 2	SP4202	
44	Giáo dục học 1	SP4203	
45	Giáo dục học 2	SP4204	
46	Đại cương về phương pháp dạy học và đánh giá ở THCS	SP4205	
47	Công tác Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	SP4106	
48	Rèn luyện NVSPTX	SP4307	
49	Phương pháp dạy học Tiếng Anh 1	AV4323	
50	Phương pháp dạy học Tiếng Anh 2	AV4424	
51	Thực tập sư phạm 1	TT4201	
52	Thực tập sư phạm 2	TT4402	
53	Khóa luận cuối khóa	AV4500	
54	Phương pháp dạy học Tiếng Anh cho trẻ em	AV4390	HP thay thế khóa luận (Chọn 1 trong 2 HP)
55	Thực hành tiếng nâng cao	AV4391	
56	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh	AV4292	HP thay thế khóa luận (Chọn 1 trong 2 HP)
57	Thực hành nghề	AV4293	
VII. Sư phạm Ngữ văn - Chương trình Sư phạm Văn - Giáo dục công dân (Ban hành tại Quyết định số 442/QĐ-CDSP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CDSP) Nam Định			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	DC4201	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DC4304	
5	Quản lý HCNN và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	DC4205	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Giáo dục thể chất	DC4209	
9	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
10	Công tác quốc phòng, an ninh	DC4211	
11	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
12	Tin học	DC4214	
13	Hán Nôm	VO4301	
14	Đại cương tiếng Việt	VO4102	
15	Ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt	VO4203	
16	Văn bản tiếng Việt	VO4204	

17	Ngữ pháp tiếng Việt	VO4205	
18	Phong cách học tiếng Việt	VO4206	
19	Ngữ dụng học	VO4207	
20	Làm văn	VO4208	
21	Lí luận văn học	VO4309	
22	Văn học dân gian Việt Nam	VO4210	
23	Văn học Việt Nam trung đại	VO4311	
24	Văn học Việt Nam hiện đại 1	VO4212	
25	Văn học Việt Nam hiện đại 2	VO4213	
26	Văn học thế giới 1	VO4214	
27	Văn học thế giới 2	VO4215	
28	Tiếng Việt thực hành	VO4116	Chọn 3 trong 5 tín chỉ
29	Độc văn	VO4117	
30	Thi pháp học	VO4118	
31	Văn học địa phương	VO4119	
32	Văn học Việt Nam sau 1975	VO4120	
33	Nhập môn Giáo dục công dân	GC4141	
34	Pháp luật	GC4442	
35	Những vấn đề của thời đại	GC4243	
36	Giáo dục văn hóa	GC4244	
37	Giáo dục đạo đức	GC4445	
38	Giáo dục thẩm mỹ	GC4246	
39	Giáo dục gia đình	GC4147	
40	Nghiên cứu thực tế giáo dục	GC4148	
41	Giáo dục qua di sản	GC4149	Chọn 2 trong 3 tín chỉ
42	Giáo dục môi trường	GC4150	
43	Giáo dục giới tính	GC4151	
44	Tâm lý học 1	SP4201	
45	Tâm lý học 2	SP4202	
46	Giáo dục học 1	SP4203	
47	Giáo dục học 2	SP4204	
48	Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	SP4205	
49	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS	SP4206	
50	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	VO4221	

51	Pháp pháp dạy học Ngữ văn 1	VO4222	
52	Phương pháp dạy học Ngữ văn 2	VO4223	
53	Phương pháp dạy học Giáo dục công dân	GC4350	
54	Rèn nghiệp vụ sư phạm	SP4207	
55	Đổi mới dạy học và KTĐG môn Ngữ văn ở THCS	VO4124	Chọn 1 trong 2 tín chỉ
56	Phát triển chương trình Ngữ văn ở THCS	VO4125	
57	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)	TT4201	
58	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	TT4402	
59	Khoá luận	VO4500	
60	Một số chuyên đề Văn học Việt Nam	VO4390	HP thay thế khóa luận Tự chọn 5 trong 10 tín chỉ
61	Ngữ pháp chức năng tiếng Việt	VO4391	
62	Một số chuyên đề giáo dục công dân	GC4290	
63	Thực hành nghề	GC4291	
VIII. Sư phạm Lịch Sử - Chương trình Sư phạm Lịch sử - Địa lý (Ban hành tại Quyết định số 340/QĐ-CDSP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định)			
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	DC4201	
2	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	DC4302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC4203	
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	DC4304	
5	Quản lí HCNN và quản lí ngành GD và ĐT	DC4205	
6	Tiếng Anh 1	DC4206	
7	Tiếng Anh 2	DC4207	
8	Tiếng Anh 3	DC4308	
9	Giáo dục Pháp luật	DC4113	
10	Giáo dục thể chất	DC4209	
11	Đường lối quân sự của Đảng	DC4310	
12	Công tác quốc phòng, an ninh	DC4211	
13	Quân sự chung (thực hành)	DC4312	
14	Tin học	DC4214	
15	Tâm lí học 1	SP4201	
16	Tâm lí học 2	SP4202	
17	Giáo dục học 1	SP4203	
18	Giáo dục học 2	SP4204	
19	Công tác đội TNTPHCM	SP4105	
20	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS	SP4206	

21	Rèn nghiệp vụ sư phạm	SP4330	
22	PPDH Lịch sử và Địa lí 1	LI4310	
23	PPDH Lịch sử và Địa lí 2	LI4311	
24	Hoạt động trải nghiệm	LI4312	
25	Nhập môn sử học	LI4101	
26	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	LI4202	
27	Lịch sử thế giới cận đại	LI4203	
28	Lịch sử thế giới hiện đại	LI4204	
29	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	LI4205	
30	Lịch sử Việt Nam cận đại	LI4206	
31	Lịch sử Việt Nam hiện đại	LI4307	
32	Quan hệ quốc tế từ chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay	LI4208	
33	Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa	LI4209	
34	Giáo dục qua di sản	LI4114	Chọn 1 trong 2 tín chỉ
35	Khảo cổ học	LI4115	
36	Bản đồ học	DI4201	
37	Địa lí tự nhiên đại cương	DI4302	
38	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	DI4303	
39	Địa lí các châu	DI4304	
40	Địa lí tự nhiên Việt Nam	DI4305	
41	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	DI4206	
42	Thực địa 1	DI4107	
43	Thực địa 2	DI4108	
44	Giáo dục môi trường	DI4109	Chọn 1 trong 2 tín chỉ
45	Địa chất học	DI4110	
46	Một số chủ đề tích hợp	LI4412	
47	Lịch sử và Địa lí địa phương	LI4213	
48	Tiếng Việt thực hành	DN4215	Chọn 3 trong 4 học phần (6 TC)
49	Văn hóa, văn học và ngôn ngữ địa phương	DN4233	
50	Đại cương mỹ học*	DN4232	
51	Lịch sử văn minh thế giới	LI4214	
52	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)	TT4201	
53	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	TT4402	
54	Một số chuyên đề Lịch sử	LI4390	Học phần thay

55	Một số chuyên đề dạy học Địa lí	DI4290	thể khóa luận, chọn 5 tín chỉ
56	Thực hành nghề*	LI4291	
IX. Giáo dục Mầm non (Ban hành tại Quyết định số 150/QĐ-CĐSP ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)			
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	DC6201	
2	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 2	DC6302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC6203	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	DC6304	
5	Quản lý hành chính nhà nước và ngành GD & ĐT	DC6205	
6	Tiếng Anh 1	DC6206	
7	Tiếng Anh 2	DC6207	
8	Tiếng Anh 3	DC6308	
9	Giáo dục pháp luật	DC6113	
10	Tin học	DC6214	
11	Giáo dục thể chất	DC6209	
12	Đường lối quốc phòng - AN của Đảng CS Việt Nam	DC6310	
13	Công tác Quốc phòng - An ninh	DC6211	
14	Quân sự chung (thực hành)	DC6212	
15	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DC6415	
16	Tâm lý học mầm non 1	SP6317	
17	Tâm lý học mầm non 2	SP6318	
18	Giáo dục học mầm non 1	SP6219	
19	Giáo dục học mầm non 2	SP6320	
20	Nghề giáo viên mầm non	SP6221	
21	Giáo dục gia đình	SP6222	
22	Giáo dục hòa nhập	SP6223	
23	Rèn nghiệp vụ mầm non	SP6324	
24	Kiến tập sư phạm	SP6125	
25	Thực tập sư phạm 1	TT4205	
26	Thực tập sư phạm 2	TT4406	
27	Môi trường và giáo dục MT cho trẻ MN	MN6201	
28	Tiếng Việt thực hành	MN6202	
29	Văn học dân gian và Văn học trẻ em	MN6203	
30	Âm nhạc	MN6205	
31	Mỹ thuật	MN6206	

32	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	MN6207	
33	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN6208	
34	Tổ chức hoạt động tạo hình	MN6209	
35	Tổ chức hoạt động âm nhạc	MN6210	
36	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	MN6311	
37	Phương pháp làm quen với Văn học	MN6312	
38	PP làm quen với Toán	MN6313	
39	PP khám phá khoa học về môi trường xung quanh	MN6314	
40	Phương pháp giáo dục thể chất	MN6315	
41	Múa và phương pháp dạy múa	MN6216	
42	Vệ sinh - Dinh dưỡng	MN6317	
43	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	MN6318	
44	Kĩ thuật làm đồ dùng, đồ chơi ở trường MN	MN6219	
45	Chương trình và tổ chức thực hiện CT GDMN	MN6320	
46	Kĩ năng tổ chức ngày lễ hội ở trường MN	MN6222	Các học phần tự chọn, chọn 2 tín chỉ
	Giáo dục thẩm mỹ cho GV mầm non*	MN6223	
	Đệm đàn phím điện tử trong trường MN*	MN6224	
47	Khóa luận cuối khóa	MN6500	
48	Văn học thiếu nhi và Đọc kể diễn cảm	MN6390	Các học phần thay khóa luận, chọn 5 tín chỉ
	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	MN6391	
49	Tiếp cận trọn vẹn trong PT ngôn ngữ	MN6292	
	Giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh AT thực phẩm	MN6293	
	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	MN6294	
	Thực hành nghề	MN6295	
X. Giáo dục Mầm non (Ban hành tại Quyết định số 134/QĐ-CDSP ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định)			
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	501201	
2	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 2	501302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	501203	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	501304	
5	Giáo dục thể chất	501205	
6	Quản lý HCNN và ngành GD & ĐT	502201	
7	Tiếng Anh 1	502302	
8	Tiếng Anh 2	502203	
9	Giáo dục pháp luật	502104	

10	Tin học	502205	
11	Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành	502206	
12	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	502207	
13	Âm nhạc	502208	
14	Mỹ thuật	502209	
15	Tâm lý học mầm non 1	503201	
16	Tâm lý học mầm non 2	503302	
17	Giáo dục học mầm non 1	503303	
18	Giáo dục học mầm non 2	503304	
19	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non	503205	
20	Giáo dục hòa nhập	503206	
21	Rèn nghiệp vụ mầm non	503307	
22	Kiến tập sư phạm	503108	
23	Thực tập sư phạm 1	503209	
24	Thực tập sư phạm 2	503410	
25	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	504201	
26	Tổ chức hoạt động vui chơi	504202	
27	Tổ chức hoạt động tạo hình	504203	
28	Tổ chức hoạt động âm nhạc	504204	
29	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	504305	
30	Phương pháp làm quen với Văn học	504306	
31	PP làm quen với Toán	504307	
32	PP khám phá KH về môi trường XQ	504308	
33	Phương pháp giáo dục thể chất	504309	
34	Múa và phương pháp dạy múa	504210	
35	Vệ sinh - Dinh dưỡng	504311	
36	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	504312	
37	KT làm đồ dùng, đồ chơi ở trường MN	504213	
38	CT và tổ chức thực hiện CT GDMN	504214	
39	KN tổ chức ngày lễ hội ở trường MN	504215	
40	Giáo dục thẩm mỹ cho GV mầm non	504216	
41	Khóa luận cuối khóa	505501	
42	Tổ chức HĐ trải nghiệm cho trẻ MN	506301	Các học phần thay khóa luận,
	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	506302	

43	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	506203	chọn 5 tín chỉ
	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	506204	
XI. Giáo dục Mầm non - Chương trình Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh (Ban hành tại Quyết định số 94/QĐ-CDSP ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định)			
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	501201	
2	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 2	501302	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	501203	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	501304	
5	Giáo dục thể chất	501205	
6	Quản lý HCNN và ngành GD & ĐT	502201	
7	Giáo dục pháp luật	502104	
8	Tin học	502205	
9	Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành	502206	
10	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	502207	
11	Âm nhạc	502208	
12	Tâm lý học mầm non 1	503201	
13	Tâm lý học mầm non 2	503302	
14	Giáo dục học mầm non 1	503203	
15	Giáo dục học mầm non 2	503204	
16	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non	503205	
17	Giáo dục hòa nhập	503206	
18	Rèn nghiệp vụ mầm non	503307	
19	Thực tập sư phạm 1	503209	
20	Thực tập sư phạm 2	503410	
21	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	504201	
22	Tổ chức hoạt động vui chơi	504202	
23	Tổ chức hoạt động tạo hình	504203	
24	Tổ chức hoạt động âm nhạc	504204	
25	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	504305	
26	Phương pháp làm quen với Văn học	504306	
27	PP làm quen với Toán	504307	
28	PP khám phá KH về môi trường XQ	504308	
29	Phương pháp giáo dục thể chất	504309	
30	Múa và phương pháp dạy múa	504210	
31	Vệ sinh - Dinh dưỡng	504311	

32	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	504212	
33	Mỹ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi	504313	
34	CT và tổ chức thực hiện CT GDMN	504214	
35	KN tổ chức ngày lễ hội ở trường MN	504215	
36	Giáo dục thẩm mỹ cho GV mầm non	504216	
37	Nghe 1	504250	
38	Nghe 2	504251	
39	Nói 1	504252	
40	Nói 2	504253	
41	Đọc	504254	
42	Viết	504255	
43	Luyện âm (Pronunciation in use)	504256	
44	Ngữ pháp (Grammar in use)	504157	
45	Từ vựng (Vocabulary in use)	504158	
46	PP cho trẻ làm quen với Tiếng Anh 1	504259	
47	PP cho trẻ làm quen với Tiếng Anh 2	504260	
48	Khóa luận cuối khóa	505500	
49	Tổ chức HĐ trải nghiệm cho trẻ MN	506301	Các học phần thay khóa luận, chọn 5 tín chỉ
	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	506302	
	Tổ chức các HĐTN Tiếng Anh cho trẻ MN	506305	
50	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	506203	
	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	506204	
	Ứng dụng CNTT trong DH TA cho trẻ MN	506206	
XII. Giáo dục Mầm non (Liên thông chính quy từ TCSPMN) (Ban hành kèm theo QĐ số 350/QĐ-CDSP ngày 06 tháng 8 năm 2012)			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	DC5325	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC5226	
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	DC5227	
4	Tiếng Anh	DC5228	
5	Giáo dục thể chất	DC5229	
6	Giáo dục QP-AN (đường lối quân sự của Đảng)	DC5330	
7	Môi trường và con người	DN5228	
8	Đại cương mỹ học	DN5229	
9	Nhập môn logic	DN5117	
10	Tiếng Việt thực hành	DN5325	

11	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em tuổi mầm non	MN5227	
12	Giáo dục gia đình	MN5205	
13	Nghề giáo viên mầm non	MN5228	
14	Giáo dục hoà nhập	MN5208	
15	Tạo hình và tổ chức hoạt động tạo hình	MN5229	
16	Múa và phương pháp dàn dựng.	MN5230	
17	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	MN5319	
18	Quản lý trong giáo dục mầm non	MN5220	
19	Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với Toán	MN5331	
20	Văn học	MN5232	
21	Thực tập sư phạm	TT5221	
22	Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở mầm non	MN5390	Học phần thay thế thể khóa luận
23	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	MN5291	
XIII. Giáo dục Mầm non (Liên thông chính quy từ TCSPMN) (Ban hành kèm theo QĐ số 156/QĐ-CDSP ngày 14 tháng 8 năm 2020)			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	DC6325	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC6226	
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	DC6227	
4	Tiếng Anh	DC6228	
5	Giáo dục thể chất (60t)	DC6229	
6	Giáo dục QP-AN (90t)	DC6230	
7	Môi trường và con người	DN6228	
8	Đại cương mỹ học	DN6229	
9	Tiếng Việt thực hành	DN6325	
10	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em tuổi mầm non	MN6227	
11	Giáo dục gia đình	MN6205	
12	Nghề giáo viên mầm non	MN6228	
13	Giáo dục hoà nhập	MN6208	
14	Tạo hình và tổ chức hoạt động tạo hình	MN6229	
15	Múa và phương pháp dàn dựng.	MN6230	
16	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	MN6319	
17	Quản lý trong giáo dục mầm non	MN6220	
18	Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với Toán	MN6331	
19	Văn học	MN6232	
20	Thực tập sư phạm	TT6221	

21	Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở mầm non	MN6390	Học phần thay thế khoá luận
22	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	MN6291	
XIV. Giáo dục Mầm non (Liên thông vừa làm vừa học từ TCSPMN) (Ban hành kèm theo QĐ số 633/QĐ-CDSP ngày 11 tháng 10 năm 2014)			
1	Những NL cơ bản của CN Mác- Lênin	DC5325	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC5226	
3	Đường lối CM của ĐCSVN	DC5227	
4	Tiếng Anh	DC5228	
5	Giáo dục thể chất	DC5229	
6	Giáo dục quốc phòng, an ninh	DC5230	
7	Môi trường và con người	DN5228	
8	Mĩ học đại cương	DN5229	
9	Nhập môn logic	DN5117	
10	Tiếng Việt thực hành	DN5325	
11	Sự học và phát triển tâm lí trẻ em tuổi MN	MN5227	
12	Giáo dục gia đình	MN5205	
13	Nghề giáo viên MN	MN5228	
14	Giáo dục hoà nhập	MN5208	
15	Tạo hình và tổ chức hoạt động tạo hình.	MN5229	
16	Múa và phương pháp dàn dựng.	MN5230	
17	PT và tổ chức thực hiện CT GDMN	MN5319	
18	Quản lí trong GDMN	MN5220	
19	Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với Toán	MN5331	
20	Văn học	MN5232	
21	Thực tập sư phạm	TT5221	
22	Ứng dụng công nghệ thông tin vào DH ở MN	MN5390	Học phần thay thế khoá luận
23	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	MN5291	
XV. Giáo dục Mầm non (Liên thông vừa làm vừa học từ TCSPMN) (Ban hành kèm theo QĐ số 156/QĐ-CDSP ngày 14 tháng 8 năm 2020)			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	DC5325	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC5226	
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	DC5227	
4	Tiếng Anh	DC5228	
5	Giáo dục thể chất (60t)	DC5229	
6	Giáo dục QP-AN (90t)	DC5230	
7	Môi trường và con người	DN5228	

8	Đại cương mỹ học	DN5229	
9	Tiếng Việt thực hành	DN5325	
10	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em tuổi mầm non	MN5227	
11	Giáo dục gia đình	MN5205	
12	Nghề giáo viên mầm non	MN5228	
13	Giáo dục hoà nhập	MN5208	
14	Tạo hình và tổ chức hoạt động tạo hình	MN5229	
15	Múa và phương pháp dàn dựng.	MN5230	
16	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	MN5319	
17	Quản lý trong giáo dục mầm non	MN5220	
18	Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với Toán	MN5331	
19	Văn học	MN5232	
20	Thực tập sư phạm	TT5221	
21	Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở mầm non	MN5390	Học phần thay thế khoá luận
22	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	MN5291	
XVI. Sư phạm mầm non - trình độ trung cấp (Ban hành kèm theo QĐ số 403/QĐ-CĐS ngày 22 tháng 08 năm 2015 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)- 2 năm			
1	Giáo dục chính trị	DC7501	
2	Tin học	DC7302	
3	Ngoại ngữ 1	DC7303	
4	Ngoại ngữ 2	DC7304	
5	Công tác quốc phòng, an ninh	DC7305	
6	Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	DC7206	
7	Thể dục thể thao	DC7407	
8	Giáo dục pháp luật	DC7208	
9	Tâm lý học đại cương	MN7301	
10	Giáo dục học đại cương	MN7302	
11	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em mầm non	MN7403	
12	Giáo dục học mầm non	MN7404	
13	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	MN7305	
14	Âm nhạc và múa	MN7406	
15	Mỹ thuật	MN7407	
16	Quản lý hành chính nhà nước	MN7208	
17	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN7309	

18	Tổ chức hoạt động tạo hình	MN7310	
19	Tổ chức hoạt động âm nhạc	MN7311	
20	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	MN7412	
21	Phương pháp làm quen với văn học	MN7313	
22	Phương pháp làm quen với toán	MN7314	
23	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh	MN7415	
24	Phương pháp giáo dục thể chất	MN7316	
25	Vệ sinh dinh dưỡng	MN7317	
26	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	MN7318	
27	Chương trình giáo dục mầm non	MN7219	
28	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN7220	
29	Đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	MN7221	
30	Các chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non	MN7222	
31	Thực hành sư phạm 1	MN7323	
32	Thực hành sư phạm 2	MN7324	
33	Thực tập sư phạm (4 tuần)	TT7401	
34	Thực tập cuối khóa (8 tuần)	TT7802	
XVII. Sư phạm mầm non - trình độ trung cấp (Ban hành kèm theo QĐ số 340/QĐ-CDS ngày 04 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)- 1 năm			
1	Giáo dục chính trị	DC7201	
2	Tin học	DC7202	
3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em mầm non	MN7301	
4	Giáo dục học mầm non	MN7302	
5	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non	MN7203	
6	Âm nhạc và múa	MN7304	
7	Mỹ thuật	MN7305	
8	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN7306	
9	Tổ chức hoạt động tạo hình	MN7307	
10	Tổ chức hoạt động âm nhạc	MN7308	
11	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	MN7309	
12	Phương pháp làm quen với văn học	MN7310	
13	Phương pháp làm quen với toán	MN7311	
14	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh	MN7312	
15	Phương pháp giáo dục thể chất	MN7313	

16	Vệ sinh dinh dưỡng	MN7214	
17	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	MN7315	
18	Chương trình giáo dục mầm non	MN7216	
19	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN7217	
20	Thực tập cuối khóa (6 tuần)	TT7601	

PHỤ LỤC 5. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/QĐ-CDSP

Nam Định, ngày 22 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Điều lệ trường cao đẳng sư phạm";

Căn cứ Quyết định 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT – BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-CDSP ngày 02 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định giai đoạn 2018 – 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá trường Cao đẳng Sư phạm theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KT-TS&DVGD.


Trần Ngọc Hiền

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo quyết định số: 130/QĐ-CDSP ngày 22/6/2023 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Ngọc Hiền	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Xuân Kiều	Giám đốc trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên thường trực
3	Trịnh Thị Quỳnh	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
4	Phạm Văn Chính	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
5	Phạm Quang Khải	Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
6	Lê Thị Thanh Hà	Trưởng khoa Giáo dục Mầm non	Ủy viên
7	Bùi Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	Ủy viên
8	Hoàng Giang	Trưởng khoa Ngoại ngữ - Tin học	Ủy viên
9	Nguyễn Quốc Thư	Kế toán trưởng	Ủy viên
10	Nguyễn Thị Hoài Thu	P. Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
11	Lê Xuân Đông	P. Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
12	Trần Thị Vân	Cán bộ Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên
13	Nguyễn Văn Long	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
14	Triệu Quỳnh Trang	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
15	Phùng Gia Bách	Chủ tịch Hội sinh viên	Ủy viên
16	Phạm Thanh Thủy	Giảng viên khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
17	Vũ Thị Kiều Anh	Sinh viên lớp CDMN K43A	Ủy viên

(Danh sách có 17 người)

Số: 57 /QĐ-CDSP

Nam Định, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Điều lệ trường cao đẳng sư phạm";

Căn cứ Quyết định 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT – BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-CDSP ngày 02 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định giai đoạn 2019 – 2024 (có danh sách kèm theo) trên cơ sở kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá thành lập theo quyết định 130/QĐ-CDSP ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá mức độ cải tiến chất lượng trường giai đoạn 2018 – 2023 và hoàn thành tự đánh giá trường giai đoạn 2019 - 2024 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT-TS&DVGD.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiến

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

**(Kèm theo quyết định số: 57/QĐ-CDSP ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)**

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Ngọc Hiền	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Xuân Kiều	Giám đốc trung tâm Khảo thí, Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên thường trực
3	Trịnh Thị Quỳnh	Chủ tịch Hội đồng trường, Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
4	Phạm Văn Chính	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
5	Lê Xuân Đông	Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
6	Lê Thị Thanh Hà	Trưởng khoa Giáo dục Mầm non	Ủy viên
7	Bùi Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	Ủy viên
8	Hoàng Giang	Trưởng khoa Ngoại ngữ - Tin học	Ủy viên
9	Nguyễn Quốc Thư	Kế toán trưởng	Ủy viên
10	Nguyễn Thị Hoài Thu	P. Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
11	Triệu Quỳnh Trang	P. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
12	Nguyễn Đức Thắng	P. Trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
13	Trần Thị Vân	Cán bộ Trung tâm Khảo thí, Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Long	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
15	Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch Hội sinh viên, phụ trách Đoàn trường	Ủy viên
16	Phạm Thanh Thủy	Giảng viên khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Yến	Sinh viên lớp CĐMN - TA K45	Ủy viên

(Danh sách có 17 người)

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo quyết định số: 57/QĐ-CĐSP ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

STT	Họ và tên	Chức danh , chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Xuân Kiều	Giám đốc trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Trưởng ban Thư kí
2	Trần Thị Vân	Cán bộ Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Thư kí
3	Phạm Thị Nhạn	Cán bộ Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Thư kí
4	Ngô Anh Tuấn	Cán bộ Phòng Tổ chức - Hành chính	Thư kí
5	Vũ Thị Thanh Hương	Cán bộ Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Thư kí

(Danh sách có 05 người)

PHỤ LỤC 6. DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ, NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH, PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC NHÓM



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Kế hoạch Tự đánh giá số 239KH – CĐSP ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1,2,5,6,10			
1	Phạm Văn Chính	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Văn Long	Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
3	Triệu Quỳnh Trang	Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
4	Ngô Anh Tuấn	Cán bộ phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
5	Vũ Thị Thùy Linh	Cán bộ phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
6	Phùng Gia Bách	Chủ tịch Hội sinh viên	Ủy viên
7	Vũ Thị Kiều Anh	Sinh viên lớp CĐMN K43A	Ủy viên
8	Phạm Thị Nhận	Cán bộ Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 3,4,7			
1	Trịnh Thị Quỳnh	Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Hoài Thu	Phó trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
3	Trần Thị Mai	Cán bộ phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
4	Lê Thị Thanh Hà	Trưởng khoa Giáo dục Mầm non	Ủy viên
5	Hoàng Giang	Trưởng khoa Ngoại ngữ - Tin học	Ủy viên
6	Bùi Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	Ủy viên
7	Phạm Thanh Thủy	Giảng viên khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
8	Trần Thị Vân	Cán bộ Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên

Nhóm 3: Phụ trách tiêu chuẩn 8,9			
1	Lê Xuân Đông	Phó trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Đức Thắng	Phó trưởng phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
3	Nguyễn Quốc Thư	Kế toán trưởng, cán bộ phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Thu Hương	Cán bộ phòng Tài chính - Quản trị	Ủy viên
5	Trần Xuân Kiều	Giám đốc Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục	Ủy viên

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC NHÓM

TT Nhóm	Nhiệm vụ của nhóm	Tiêu chí	Phân công
1	Tiêu chuẩn 1 (<i>Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng</i>)	2 tiêu chí	Phạm Văn Chinh
	Tiêu chuẩn 2 (<i>Tổ chức và quản lý</i>)	9 tiêu chí	Nguyễn Văn Long Triệu Quỳnh Trang
	Tiêu chuẩn 5 (<i>Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên</i>)	7 tiêu chí	Ngô Anh Tuấn Vũ Thị Thùy Linh
	Tiêu chuẩn 6 (<i>Người học</i>)	4 tiêu chí	Phùng Gia Bách Vũ Thị Kiều Anh
	Tiêu chuẩn 10 (<i>Quan hệ giữa nhà trường và xã hội</i>)	2 tiêu chí	Phạm Thị Nhạn
2	Tiêu chuẩn 3 (<i>Chương trình đào tạo</i>)	6 tiêu chí	Trịnh Thị Quỳnh Nguyễn Thị Hoài
	Tiêu chuẩn 4 (<i>Hoạt động đào tạo</i>)	9 tiêu chí	Thu Lê Thị Thanh Hà
	Tiêu chuẩn 7 (<i>Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ</i>)	5 tiêu chí	Hoàng Giang Bùi Thị Thanh Thủy Phạm Thanh Thủy Trần Thị Mai Trần Thị Vân
3	Tiêu chuẩn 8 (<i>Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác</i>)	8 tiêu chí	Lê Xuân Đông Nguyễn Đức Thắng Nguyễn Quốc Thư
	Tiêu chuẩn 9 (<i>Tài chính và quản lý tài chính</i>)	3 tiêu chí	Nguyễn Thị Thu Hương Trần Xuân Kiều

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC NHÓM

TT Nhóm	Nhiệm vụ của nhóm	Tiêu chí	Phân công
1	Tiêu chuẩn 1 (Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng) Tiêu chuẩn 2 (Tổ chức và quản lý) Tiêu chuẩn 5 (Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên) Tiêu chuẩn 6 (Người học) Tiêu chuẩn 10 (Quan hệ giữa nhà trường và xã hội)	2 tiêu chí 9 tiêu chí 7 tiêu chí 4 tiêu chí 2 tiêu chí	Phạm Văn Chính Nguyễn Văn Long Triệu Quỳnh Trang Ngô Anh Tuấn Vũ Thị Thùy Linh Nguyễn Thị Hằng Nguyễn Thị Yến (SV) Phạm Thị Nhạn
2	Tiêu chuẩn 3 (Chương trình đào tạo) Tiêu chuẩn 4 (Hoạt động đào tạo) Tiêu chuẩn 7 (Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ)	6 tiêu chí 9 tiêu chí 5 tiêu chí	Trịnh Thị Quỳnh Nguyễn Thị Hoài Thu Lê Thị Thanh Hà Hoàng Giang Bùi Thị Thanh Thủy Phạm Thanh Thủy Trần Thị Mai Trần Thị Vân
3	Tiêu chuẩn 8 (Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác) Tiêu chuẩn 9 (Tài chính và quản lý tài chính)	8 tiêu chí 3 tiêu chí	Lê Xuân Đông Nguyễn Đức Thắng Nguyễn Quốc Thư Nguyễn Thị Thu Hương Trần Xuân Kiên

-

PHỤ LỤC 7. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 239 /KH – CĐSP

Nam Định, ngày 31 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình; khắc phục những tồn tại đã được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra sau chu kỳ kiểm định chất lượng 2018 - 2023.

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (2018 - 2023). Minh chứng tính đến thời điểm ngày 30/6/2023.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 130/QĐ - CĐSP ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định. Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian viết phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng và mã hóa minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí, phiếu báo cáo tiêu chí.	Ghi chú
1	1	1	Tháng 8, 9, 10/2023	
2	2	1	Tháng 8, 9, 10/2023	

3	5	1	Tháng 8, 9, 10/2023	
4	6	1	Tháng 8, 9, 10/2023	
5	10	1	Tháng 8, 9, 10/2023	
6	3	2	Tháng 8, 9, 10/2023	
7	4	2	Tháng 8, 9, 10/2023	
8	7	2	Tháng 8, 9, 10/2023	
9	8	3	Tháng 8, 9, 10/2023	
10	9	3	Tháng 8, 9, 10/2023	

Thành phần và nhiệm vụ các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục, Ban thư ký được công bố kèm theo Quyết định số 130/QĐ - CĐSP ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định. Hội đồng gồm có 17 thành viên.

Thành phần và nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách được công bố kèm theo Kế hoạch tự đánh giá số /KH - CĐSP ngày tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định.

4. Công cụ đánh giá

Thông tư số 62 /2012/TT-BGDĐT ngày 28 /12/2012 Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 về việc hướng dẫn tìm thông tin, minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện Tự đánh giá bắt đầu từ ngày 19/6/2023 đến 1/12/2023, theo lịch trình như sau:

Thời gian	Các hoạt động
	Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng Tự đánh giá;

Tuần 1 – 4 (19/6/2023- 14/7/2023)	• Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư kí; • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học (thông qua các đơn vị)
Tuần 5 - 8 (17/7/2023- 11/8/2023)	• Ban Thư kí chuẩn bị các tài liệu phục vụ công tác Tự đánh giá của nhà trường; • Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị minh chứng liên quan để phục vụ công tác tự đánh giá; • Tiến hành nghiên cứu, xây dựng dự thảo kế hoạch tự đánh giá; dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện nhiệm vụ được giao • Trao đổi kinh nghiệm, học tập công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài của trường bạn.
Tuần 9 – 12 (14/8/2023 - 8/9/2023)	• Họp Hội đồng Tự đánh giá để: - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và các vấn đề liên quan; - Thảo luận, thống nhất, thông qua Dự thảo Kế hoạch Tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách; • Công bố Kế hoạch Tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc Hội đồng; • Các nhóm công tác chuyên trách triển khai thu thập thông tin, viết phiếu phân tích tiêu chí, mã hóa minh chứng, viết phiếu phân tích tiêu chí, viết báo cáo tiêu chí.
Tuần 13 - 14 (11/9/2023 - 22/9/2023)	• Các thành viên tiếp tục thu thập thông tin, viết phiếu phân tích tiêu chí, mã hóa minh chứng, viết phiếu phân tích tiêu chí, viết báo cáo tiêu chí. • Các nhóm công tác chuyên trách họp để hoàn thiện, thông qua báo cáo từng tiêu chí/tiêu chuẩn; • Ban Thư kí tiến hành viết báo cáo tổng quan và cơ sở dữ liệu của Báo cáo tự đánh giá; • Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Làm việc với từng nhóm chuyên trách thông qua bản phân tích tiêu chí và việc thu thập, mã hóa minh chứng cho từng tiêu chí mà nhóm phụ trách.

	- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được - Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết).
Tuần 15 - 16 (25/9/2023 - 6/10/2023)	• Các nhóm công tác kiểm tra chéo, góp ý bổ sung và hoàn thiện báo cáo tiêu chuẩn do nhóm phụ trách; • Hội đồng Tự đánh giá: - Làm việc với từng nhóm chuyên trách để thông qua báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn mà nhóm phụ trách • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Ban thư ký lập bảng thống kê các minh chứng cho b/c tổng hợp; hoàn thiện phần báo cáo tổng quan và cơ sở dữ liệu của báo cáo tự đánh giá;
Tuần 17 (9/10/2023 - 13/10/2023)	• Ban Thư ký tổng hợp phần báo cáo của các nhóm công tác chuyên trách, viết Dự thảo Báo cáo Tự đánh giá;
Tuần 18 - 19 (16/10/2023 - 27/10/2023)	• Hội đồng Tự đánh giá để thông qua Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong Dự thảo báo cáo tự đánh giá
Tuần 20 - 21 (30/10/2023- 10/11/2023)	• Công bố Báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên, người lao động, người học
Tuần 22 - 23 (13/11/2023- 24/11/2023)	• Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn. • Công bố Báo cáo tự đánh giá hoàn thiện trong nội bộ nhà trường;
Tuần 24 (27/11/2023 - 1/12/2023)	• Nộp bản báo cáo tự đánh giá về Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; • Lưu trữ báo cáo tự đánh giá;

9. Kinh phí thực hiện

Nhà trường trích kinh phí chi mua sắm các loại vật tư, văn phòng phẩm phục vụ cho công việc; trả tiền thù lao cho các cán bộ tham gia công tác trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách và các thành viên khác (nếu có) trong quá trình thu thập tài liệu minh chứng, xây dựng nội dung các tiêu chí và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

10. Tổ chức thực hiện

- Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cung cấp các điều kiện về tập huấn, tài liệu chuyên môn trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm phối hợp với các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Nhóm chuyên trách, Ban Thư ký để cung cấp thông tin khi cần thiết nhằm giúp cho công tác tự đánh giá được tiến hành đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐG;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TT KT-TS&DVGD.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền

Số: 57 /KH – CĐSP

Nam Định, ngày 21 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ Chu kì 2 (2019 - 2024)

1. Mục đích tự đánh giá

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình; khắc phục những tồn tại đã được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra sau chu kì kiểm định chất lượng 2018 - 2023, tự đánh giá chu kì 2019 - 2024 phục vụ đăng kí kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá mức độ cải tiến chất lượng trường giai đoạn 2018 – 2023 và hoàn thành tự đánh giá trường giai đoạn 2019 - 2024 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Minh chứng tính từ thời điểm tháng 1/2019 đến thời điểm hết tháng 12/2024.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 57/QĐ - CĐSP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định. Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

Các nhóm chuyên trách rà soát lại Báo cáo tự đánh giá giai đoạn 2018 - 2023 đã thực hiện, bổ sung minh chứng, hoàn thành báo cáo giai đoạn 2019 - 2024 trong tháng 3, 4/2025.

Thành phần và nhiệm vụ các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục, Ban thư ký được công bố kèm theo Quyết định số 57/QĐ - CĐSP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm

Nam Định.

Thành phần và nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách được công bố kèm theo Kế hoạch tự đánh giá số /KH - CĐSP ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định.

4. Công cụ đánh giá

Thông tư số 62 /2012/TT-BGDĐT ngày 28 /12/2012 Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 về việc hướng dẫn tìm thông tin, minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá 2019 - 2024 (rà soát, bổ sung) bắt đầu từ ngày 17/3/2025 đến 6/4/2025, theo lịch trình như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 (17/3/2025- 23/3/2025)	• Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng Tự đánh giá; • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư kí; thông qua Dự thảo Kế hoạch Tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách, phân công nhiệm vụ cụ thể. • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá phục vụ đánh giá ngoài đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học (thông qua các đơn vị) • Công bố Kế hoạch Tự đánh giá, nhóm công tác chuyên trách • Các nhóm chuyên trách tiến hành công việc.
	• Ban Thư kí chuẩn bị các tài liệu phục vụ công tác Tự đánh giá của nhà trường;

Tuần 2 (24/3/2025- 30/3/2025)	• Hội đồng Tự đánh giá để theo dõi tiến độ, quán triệt tình hình công việc. • Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá, nhóm chuyên trách rà soát Báo cáo tự đánh giá và Danh mục minh chứng giai đoạn 2018 - 2023, bổ sung minh chứng và hoàn thiện báo cáo, danh mục minh chứng giai đoạn 2019-2024 của nhóm mình.
Tuần 3 (31/3/2025- 6/4/2025)	• Các nhóm chuyên trách hoàn thiện công việc, trưởng nhóm chuyên trách gửi phần Báo cáo và Danh mục minh chứng của nhóm mình cho Ban Thư kí <u>(trước ngày 1/4/2025)</u> • Ban Thư kí rà soát, tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo Báo cáo, Danh mục minh chứng gửi đơn vị kiểm định chất lượng.

9. Kinh phí thực hiện

Nhà trường trích kinh phí chi mua sắm các loại vật tư, văn phòng phẩm phục vụ cho công việc; trả tiền thù lao cho các cán bộ tham gia công tác trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách và các thành viên khác (nếu có) trong quá trình rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, thu thập tài liệu minh chứng, xây dựng nội dung các tiêu chí và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

10. Tổ chức thực hiện

- Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cung cấp các điều kiện về tập huấn, tài liệu chuyên môn trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm phối hợp với các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Nhóm chuyên trách, Ban Thư ký để cung cấp thông tin khi cần thiết để công tác tự đánh giá được tiến hành đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất, phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐG;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TT KT-TS&DVGD.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền